

Tác Giả và Tác Phẩm

Phan Ni Tấn

Tiểu sử

Sinh ngày 6.3.1948, Ban Mê Thuột. Hiện định cư tại Toronto, Canada.

Tác phẩm

Quê núi (thơ), Dậy lửa Trường Sơn, Hồi ký thơ, Câu thơ về người
Hai mươi năm văn học Việt Nam hải ngoại 1975-1995, Hồi cư (thơ).



Mục Lục

Nói chuyện với Phan Ni Tấn - Nguyễn Mạnh Trinh - 2
Đoạn đường chiến binh – 4

Phụ đính I:

Uyên ương gãy cánh - Thăm sâu, Buôn Ma Thuột
Phan Ni Tấn ND, câu thơ về Khiêm với Lân
Từ sanh hữu mạng – Mùi – “Út Hồng à...”
Đồng giữa - Hát với người Kiên Giang
Vượt biển đến Laem Sing

Phụ đính II:

Phụ đính chùm thơ Phan Ni Tấn

(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

Nói chuyện với Phan Ni Tấn Nguyễn Mạnh Trinh



Phan Ni Tấn? Nhà thơ? Nhà văn? Nhạc sĩ? Tôi tự hỏi mình khi đọc một vài bài thơ và nghe một vài bài hát của anh. Có nỗi rung động thắm thắm từ ngôn ngữ. Có niềm thiết tha từ nốt nhạc, từ ca từ... Hình như, có một không gian thời gian nào, lúc xa vắng lúc gần cận, nhắc nhở đến những kỷ niệm, những mộng mơ ban sơ, của những ngày tháng không thể nào quên...

Cứ tự hỏi rồi thắc mắc cho đến khi gặp Phan Ni Tấn. Một vài câu hỏi để hy vọng trong câu trả lời, chúng ta sẽ hiểu rõ hơn một chân dung đích thực của người nghệ sĩ.

Mời độc giả theo dõi bài nói chuyện sau đây:

Nguyễn Mạnh Trinh (NMT): Anh có phải là người bạc tình với thơ và say mê với nhạc?

Phan Ni Tấn (PNT): Tôi không nghĩ như vậy. Mới đây cả bốn ông nhà văn và nhà thơ Nguyễn Ngọc Ngạn, Song Thao, Lê Hữu và Luân Hoán đều gán cho tôi là “tay thơ, tay nhạc” thì đâu có lý do gì tôi lại bị “mang tiếng” là người bạc tình với thơ và say mê với nhạc. Không phải như vậy đâu. Người khác ra sao tôi không biết, riêng cá nhân tôi thì thú thật dù không tự vạch ra cách làm việc nhưng tự nhiên tôi lại vướng phải một “chu kỳ sáng tạo nghệ thuật”. Nghĩa là khi tôi làm thơ thì âm nhạc tự nhiên chạy đi đâu mất tiêu, có cố níu kéo cũng không thành phẩm, và ngược lại. Tóm lại tôi không có thói quen hành xử cùng một lúc vừa viết nhạc lại vừa làm thơ.

NMT: Vậy, một cách thành thực, anh là nhạc sĩ, hay thi sĩ, hoặc cả hai như một người lang chạ?

PNT: Cả hai, nhưng không phải như một người lang chạ.

NMT: Trường hợp nào anh làm thơ?

PNT: Ban đêm dễ làm thơ nhất. Đêm càng sâu thơ phát tiết càng nhiều. Nhưng mà ban ngày ban mặt, nếu cần tôi cũng có thể “luồn” thơ ra, kiểu “xúc cảnh” thì “thành thi” không kể ngày hay đêm. Có điều tôi hơi khó tính trong việc sáng tác. Bài nào đỡ hơi hay thiếu máu là tôi bỏ ngay, không kể thơ, văn hay nhạc.

NMT: Và trường hợp nào anh làm nhạc?

PNT: Thú thật với anh, tôi có một khuyết điểm khó chấp nhận lúc viết nhạc. Tức là tôi không có thói quen mộng mị vu vơ, hay hoang tưởng về những cảnh vật hay nhân vật nào đó mà sáng tác được. Cá nhân tôi khi viết nhạc tôi bắt buộc phải dựa vào một đề tài, một hình bóng thật, một nhân vật thật trước mắt, hoặc đào xới những kỷ niệm nào đó trong quá khứ xong tôi chọn lọc, chắt chiu, phát thảo rồi lấy đó làm khuôn mẫu mà viết ra. Có khi tôi hoàn tất một bản nhạc thật dễ dàng trong vòng trên dưới một giờ đồng hồ; có khi cả tuần, cả tháng hoặc cả đời “sanh” cũng không xong.

NMT: Nhạc có làm cho ngôn ngữ của anh bay bổng hơn thơ không? Có nghĩa là nhạc được nhiều người hưởng ứng hơn và... nhạc sĩ oai hơn...thi sĩ?

PNT: Tôi nhận thấy ngôn ngữ trong âm nhạc quả tình có bay bổng, phóng túng hơn trong thơ nhiều. Chắc anh cũng hiểu là tôi đang nói về phần sáng tạo của riêng mình thôi. Tuy nhiên, điều

đó không có nghĩa là nhạc sĩ lại oai hơn thi sĩ, như anh nghĩ. Tôi thì tôi cho nó vẫn vậy. Chẳng ai oai vệ hơn ai.

NMT: Anh viết cho chính mình? Hay chỉ duy nhất một người, hay cho nhiều người?

PNT: Tôi viết cho cả ba thành phần anh vừa nêu ra. Có điều viết cho chính mình thì cũng nói chung chung chứ không có ý ca tụng cái tôi, vốn chẳng có gì hay. Rất cuộc, trong âm nhạc tôi thường nhắm vào một hoặc nhiều người. Thí dụ như bài Tình Già chẳng hạn: "Mười tuần một lần anh yêu em. Nằm ngồi bò càng qua cơn mê. Thương cái răng em nổi trôi trên vùng ngực anh. Thương cái môi em thổi rung rinh hòn vợ chồng. Ngây ngất anh xin thề muôn ngàn kiếp anh yêu em..." Nghe anh anh em em mùi mẫn vậy đó, tuy một mà hai tuy hai mà lại chung cho nhiều người đấy. Nghĩa là qua bài hát này ai cũng có thể là anh hay là em, chứ không nhất thiết phải là tác giả và đối tượng.

NMT: Anh nghĩ ngôn ngữ của thơ và nhạc có điều gì giống nhau? Anh có nghĩ rằng trong thơ có nhạc và ngược lại...?

PNT: Ngôn ngữ của thơ nếu không có nhạc tính thì hoàn toàn khác với ngôn ngữ trong âm nhạc. Ngược lại trong thơ có nhạc hoặc trong nhạc có thơ thì cả hai loại ngôn ngữ này đều có sức tác động chuyên chở cho nhau mà bay cao.

NMT: Là người làm thơ vừa phổ nhạc, anh có nghĩ đưa thơ đến với đại chúng nhưng lúc ấy không còn là thơ nguyên thủy nữa?

PNT: Cũng tùy bài thơ mà phổ. Nhưng thường thường người nhạc sĩ phổ thơ ít khi phổ nguyên bài thơ ra thành ca khúc. Họ chỉ lấy ý thơ rồi thêm mắm thêm muối lờn của mình vô mới thành một bản nhạc. Tôi công nhận nhạc đưa thơ đến với đại chúng nhưng có nhiều bài thơ khi đưa vô nhạc không còn là thơ nguyên thủy nữa.

NMT: Cổ thi sĩ Tạ Ty khi còn sinh tiền dù có nhiều bài thơ phổ nhạc nổi tiếng nhưng vẫn cho rằng thơ phổ nhạc không còn là thơ nữa. Anh nghĩ sao nhận xét trên?

PNT: Như tôi vừa nói là tùy bài thơ mà phổ. Có nhiều bài thơ nổi tiếng như bài Ngậm Ngùi của Huy Cận anh Phạm Duy phổ rất nổi tiếng mà thơ vẫn còn là thơ chứ có mất đi đâu. Nhưng cũng Phạm Duy phổ bài Hoa Soạn Bên Thềm Cũ thì rõ ràng bài thơ nguyên thủy của Lưu Trọng Lư chẳng còn là thơ nữa.

NMT: Hình như anh có nhiều bản nhạc mang âm hưởng dân ca. Anh có dụng ý nào khi chọn phương cách diễn tả như thế?

PNT: Khi lớn lên học ở Sài Gòn tôi đã từng có dịp đi nhiều, sống nhiều, gắn bó nhiều với sông nước và con người vùng đồng bằng châu thổ sông Cửu Long nên nhiều bản nhạc của tôi đều mang âm hưởng dân ca Nam bộ. Vậy thôi.

NMT: Viết nhạc tình, có phải là cách tỏ lộ tình cảm của mình trao gửi cho một đối tượng, hay muốn nói thay hát thay cho nhiều người cùng tâm cảm?

PNT: Cũng có thể là như vậy, nhưng cũng có thể là mượn cái tâm cảm của nhiều người mà nói hộ ra.

NMT: Điều gì thôi thúc anh viết nhạc đấu tranh?

PNT: Quê hương, đất nước và thân phận con người.

NMT: Khi sinh hoạt du ca, và cho đến bây giờ, in tuyển tập nhạc và phát hành CD, quan niệm về sáng tác của anh có thay đổi không?

PNT: Có, thưa anh. Tôi đã và đang sáng tác được số ca khúc có chủ đề "dục tính trong âm nhạc". Mới nghe qua cảm thấy ghê nhưng thật ra chủ đề ca khúc của tôi không lộ liễu như Tục Ca một thời của Phạm Duy đâu.

Thí dụ bài Quỳnh Lan vừa ráo mực chẳng hạn: “Em yêu anh lặn vào đôi tay. Anh yêu em ngợp bờ mi say. Miếng môi tham em ngậm anh tràn đầy. Đêm lung linh soi mù ngọn lan bay. Cảm ơn anh rộng vòng tay bao dung. Ôm em trôi qua suốt mùa trái cấm. Níu vai nhau ta cuộn nhau thành một. Sài Gòn nghe em nở đóa quỳnh thơm...”.

NMT: Anh có nghĩ một phương cách nào để phổ biến nhạc của anh không? Như chọn ca sĩ thích hợp với nhạc của mình hoặc cộng tác với những trung tâm có nhiều phương tiện?

PNT: Ra mắt CD là một trong những phương cách phổ biến nhạc của mình. Phương tiện truyền thông, truyền hình, hoặc báo chí cũng là một cách quảng cáo khá tốt. Nhưng hữu hiệu nhất vẫn là cộng tác với các trung tâm băng nhạc. Có điều lọt vô được những trung tâm này quả là một vấn đề nan giải. Tài năng đã đành nhưng nhiều khi cũng không phải vì... tài năng.

NMT: Xin anh cho biết một vài chi tiết về tuyển tập nhạc và CD “Sinh Nhật Cửa Cây Đàn”?

PNT: Tuyển tập Tình Khúc Phan Ni Tấn là tựa của tôi, gồm khoảng 100 ca khúc vừa viết lời vừa phổ thơ, dày 186 trang không kể trang bìa. Chỉ có một vài bài bản cũ trước 75, kỳ dư đều viết ra sau này. CD Sinh Nhật Cửa Cây Đàn gồm có 12 ca khúc trong đó có hai bài phổ từ thơ Luân Hoán và Quế Phượng. Vừa tình ca đôi lứa vừa dân ca miền núi lẫn dân ca Nam bộ.

NMT: Hình như anh đã sáng tác hơn một trăm nhạc phẩm? Anh chọn lựa thế nào cho tác phẩm tuyển tập và CD này?

PNT: Vì tuyển tập này mang tên là Tình Khúc Phan Ni Tấn nên nội dung thuần túy viết về tình yêu đôi lứa, không có bóng dáng “tay cờ, tay súng” gì ở đây. Về CD thì cũng vậy. Cũng nhẹ nhàng về tình ca đôi lứa, chen lẫn với dân ca miền núi và dân ca Nam bộ.

NMT: Trong đó bài nào anh đặc ý nhất?

PNT: Công tôi mỗi khi sanh thành đều khó nhọc nên bài nào tôi cũng... đặc ý.

NMT: Anh có kỷ niệm nào về những bản nhạc đã sáng tác không?

PNT: Như tôi đã nói với anh lúc nãy, ca từ của tôi đều dựa vào một sự thật mà nên. Vì vậy bản nhạc nào cũng mang một kỷ niệm đặc biệt tôi khó mà quên được sau này. Hai anh bạn của tôi, Hà Thúc Sinh và Nguyễn Ngọc Ngạn từng nói tôi là nhà thơ nên ngôn ngữ thơ làm cho ca từ của tôi mượt mà hơn. Nghe xong tôi ra chiều ... khoan khoái lắm.

NMT: Anh có dự tính nào tiếp theo không cho thơ và nhạc...

PNT: Dĩ nhiên là có dự tính chờ anh, nhưng vì chưa có thành phẩm nên không muốn nói ra. Thì cũng là thơ, văn và nhạc mà thôi.

Đoạn đường chiến binh

(Tặng quý vị cựu SVSQ Thủ Đức)

Sau trận Mậu Thân 1968, chính quyền Nguyễn Văn Thiệu đã ban hành một sắc luật Quân Sự áp dụng vào học đường, trong đó Sinh Viên các trường Đại Học Sài Gòn phải tham dự một khóa huấn luyện quân sự tại Trung Tâm Huấn Luyện Quang Trung trong vòng một tháng. Năm 1970, tôi và các anh em phân khoa Đại Học khác theo chân những khóa trước bắt đầu làm quen với súng ống và ngửi mùi quần áo nhà binh. Ngay từ ngày đầu bước chân vào quân trường tôi có cảm tưởng như bị thả vào một thế giới không có... tình thương. Những hàng cây bã đậu xù xì, gai góc mọc dọc hai bên đường càng tăng thêm vẻ khô khan, lạnh lùng, thiếu sinh khí. Cũng may, mỗi chiều thứ sáu chúng tôi được về phép rong chơi cho tới xế chiều chủ nhật mới lọt tọt bưng đầu vô.

Trong khóa học này, đặc biệt có hai nhạc sĩ nổi tiếng qua những bài ca đấu tranh thịnh hành trong giới sinh viên học sinh thời đó, là nhạc sĩ Trương Quốc Khánh (bài Tự Nguyện) và nhạc sĩ Trần Long Ẩn (Không Ai Ngăn Nổi Lòì Ca). Nhạc sĩ đi tới đâu, cây đàn đi tới đó. Nhạc sĩ với cây đàn mà! Thực vậy, sau tuần lễ đầu tiên về phép trở vô là khu trại Sinh Viên đã nghe từng từng âm thanh quen thuộc, giản dị, thân thiết của cây đàn guitar rồi. Từ đó, sau những buổi cơm chiều, trời vừa chạng vạng tối, Sinh Viên có máu văn nghệ thường rủ nhau xuống Hội trường Ban Quân nhạc tụ tập đờn ca xướng hát cho nhau nghe. Tôi còn nhớ một hôm tại nhà ngủ tập thể, có một anh cùng phòng, dáng người tầm thước, hơi mập, tự xưng là Hoàng Quốc Bảo đưa tôi coi một tập nhạc nói là của ông anh Hoàng Khai Nhan sáng tác. Cầm tập nhạc vuông vức trong tay, tôi chậm rãi lật từng trang mà thầm công nhận sự nắn nót công phu của người đã tạo ra nó. Đáng tiếc đã hơn 30 năm qua tôi không còn nhớ tập nhạc tên gì. Hoàng Quốc Bảo lúc đó chưa có tác phẩm, nhưng Hoàng Khai Nhan thì tôi có thoáng nghe danh về thơ. Sau này ra hải ngoại tôi mới có dịp thường thức những bản nhạc thoát tục trong tuyển tập Tịnh Tâm Khúc của Hoàng Quốc Bảo. Nói về Thiên Ca, tôi cho rằng không ai có thể vượt qua sức sáng tạo phong phú, chứa chan mùi Thiên như nhạc sĩ Hoàng Quốc Bảo. Ngoài ra, phần hòa âm theo phương thức tân cổ điển vô cùng xuất sắc cũng góp phần tạo cho hồn nhạc thấm sâu vào lòng người và đọng lại rất lâu.

Cũng nhờ cái vụ hát hò này mà một buổi sáng trước ngày mãn khoá, thay vì vác súng ra bãi như thường lệ, thì nhóm Sinh viên Văn nghệ chúng tôi lại chỉnh tề trong bộ quần áo kaki màu vàng, đội mũ kalo cùng màu hăng hái vác đàn về Sài Gòn... đi Show, trình diễn văn nghệ tại đài Truyền Hình Việt Nam.

Cuối cùng, một tháng quân trường rồi cũng qua mau. Sau lễ mãn khoá, tất cả những Khóa Sinh (kể cả những thành phần lè phè, bất mãn) đều cầm trong tay mảnh bằng tốt nghiệp khoá Quân Sự Học Đường 1970 trở về trường tiếp tục dùi mài kinh sử.

Học hết một năm Đại Học Khoa Học Sài Gòn, ngành SPCN (Scient, Physic, Chemistry, Natural), qua năm thứ hai tự nhiên tôi đâm ra... ngu ngu. Cũng vì cái "ngu ngu" này mà *từ trên Đại Học tôi rút xuống, thành lính biên thùi trấn núi sông.*

Tháng Tư năm 1971 nhờ mảnh bằng Quân Sự Học Đường, khi nhập ngũ tôi cứ việc đi thẳng vào trường Bộ Binh Thủ Đức mà không cần phải trải qua 3 tháng huấn luyện căn bản quân sự tại Trung Tâm Huấn Luyện Quang Trung như nhiều Tân Khoá Sinh khác. Tuy nhiên, trước đó tôi phải vào Trung Tâm 3 Tuyển Mộ Nhập Ngũ tại Quang Trung làm thủ tục hồ sơ nhập ngũ, khám sức khỏe, lãnh quân trang, quân dụng xong mới vào Thủ Đức.

Ngay từ khi bước chân vào trường Bộ Binh Thủ Đức, Tân Khoá Sinh chúng tôi đã được các huynh trưởng đón tiếp một cách hết sức tận tình. Để khởi sự làm quen với đời lính, bài học quân sự đầu tiên của bọn đàn em chúng tôi là theo lệnh huynh trưởng chạy ba vòng Vũ đình trường gọi là "dàn chào Tân Khoá Sinh":

*Mới vòng đầu Vũ đình trường
Mà bao nhiêu đứa chán chường hẳn ra
Thằng thì mày vàng, mắt hoa
Thằng thì như bóng ma gà, hết linh*

Thực vậy, mới chạy vòng đầu đã có vài ba tên té xỉu. Chạy hết vòng thứ ba, một trăm chỉ còn vài chục, tuy còn đứng vững nhưng tưởng thở hết ra hơi. Đã vậy đám huynh trưởng nào tha! Những tiếng quát tháo, nạt nộ, hò hét, chạy lừa đầu này, xua đầu kia, xẹt đầu nọ như cổ tinh cướp tinh thần bọn đàn em chúng tôi khiến cho bao nhiêu mộng lớn, mộng nhỏ mới cách đây vài tiếng đồng hồ vẫn còn xanh mướt, đã tan tành theo mây khói.

Cán bộ mặt mũi làm li

*Còn đám huynh trường thôi thì hung hăng
Quát tháo vào mặt từng thằng
Chưa chi mộng lớn nó giăng mắt tiêu*

Chuyện đời ma cũ hiếp ma mới là việc thường tình. Huynh trường có bốn phận phải hướng dẫn đàn em đến nơi đến chốn; đàn em có lỗi bị phạt hít đất, thụt dầu, nhảy xồm hay phạt dã chiến... cũng là lệnh cán bộ đưa xuống cho huynh trường thi hành mà thôi. Luật quân trường mà! Ở lâu dần dà mới thấy:

*Thật ra huynh trường hiền khô
Còn cán bộ, toàn những... đồ mắt ma
Để coi, trẻ cũng như già
Ngày đầu đụng mặt, ngó qua ghét liền*

Nói ghét Cán Bộ là nói cho nó có vẻ "thơ" một chút, chớ sau khi mãn khóa ra trường tôi mới thực sự kính trọng quý vị Sĩ Quan Cán Bộ (nói chung) và Đại Đội 21 (nói riêng) đã nỗ lực hướng dẫn và huấn luyện SVSQ chúng tôi trở thành những Sĩ Quan xuất sắc (và không xuất sắc, như tôi) trong Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa.

Sau khi phân chia quân số, tôi thuộc Tiểu Đoàn 1, Đại Đội 21, Trung Đội 1, Tiểu Đội 1 (toàn là số 1).

Tiểu Đoàn 1 do thiếu tá Nguyễn Như Sơn làm Tiểu Đoàn Trưởng. Nay không biết rõ tình cảnh ra sao?

Đại Đội 21 đặt dưới quyền chỉ huy của Sĩ Quan Cán Bộ Đại đội trưởng Trung úy Huỳnh Trung Hiếu (hiện ở Houston, Texas) và hai Sĩ Quan Trung đội trưởng là Trung úy Nguyễn Hữu Thọ (sau 75 bị VC liệng lựu đạn chết trong tù cái tạo) và Thiếu úy Nguyễn Văn Bé (hiện còn ở VN); còn hai SQCB nữa, đáng tiếc, tôi không nhớ tên.

Ngày đầu tiên ở Đại Đội là ngày xuống tóc. Những chiếc tông-đơ tàn nhẫn dọc ngang rào rạt trên đầu không thương tiếc. Những ước mơ xanh ngát, những hoài vọng ngất trời bám trên những sợi tóc xanh giật mình rụng lả tả xuống nền xi-măng, nằm ngơ ngác, lạc lỏng trên mặt đất, hoặc vương vãi tội tình trên tấm khăn trắng chòang quanh cổ. Rồi những khoa bản, trí thức cho tới những anh sinh viên, học sinh đều đi tắm trường ở nhà tắm tập thể cuối doanh trại. Rồi được chích thuốc chống nắng mưa cảm mạo đất trời. Rồi những bộ đồ lính màu cứt ngựa rộng thùng thình tương vào người, chiếc nón nhựa đội lên đầu để thực sự trở thành anh lính mới to te.

Để phân biệt các khoá học đàn anh với đàn em, Khóa Sinh phải đeo bản tên của mình trên túi áo. Như khóa 24 mang bản tên nền đen chữ vàng, khóa 7/68 mang nền trắng chữ đỏ, khóa Sĩ Quan Đặc Biệt 6/69 mang nền đen chữ đỏ; còn khóa tôi, 1/71 thì nền xanh dương chữ trắng v.v...

Mang tâm trạng thư sinh đang tự do phơi phới ngoài đời mà đặt chân vào quân trường thì bất cứ hình ảnh nào trước mắt, ngó qua thấy lạ, thấy khó chịu, thấy nhớ nhà, thấy rầu muốn chết.

*Trại lính, tuyến, giao thông hào
Nhà thương, bệnh xá, hàng rào, băng ca
Vũng nước, lùm cỏ, bụi hoa
Những ngày đầu mới ngó qua, sầu liền*

Cái gì chớ sức khỏe con người, nhất là Tân Khóa Sinh chúng tôi, thể dục thể thao là công việc hàng đầu khi trời vừa rạng. Có câu lâu ngày chuyện gì rồi cũng quen, vậy mà những buổi sớm đầu tiên ở quân trường nghe cán bộ thổi còi tu-huyết dựng dậy ra sân tập thể dục quả là... khủng khiếp. Trời Sài Gòn hay Thủ Đức, ngày đêm gì lúc nào cũng nóng chảy mỡ. Nhưng đó là chuyện dưới mái nhà. Thử ngủ một đêm trên cây, hay trong thùng xe nước mía, hay dưới gầm

cầu Chữ Y, hay nhà ga xe lửa vân vân, như người viết đã từng, mới thấy cái lạnh nửa đêm về sáng của trời Sài Gòn năm 1979 nó buốt tận xương lạnh tận tủy ra sao.

*Sáng sớm trời lạnh cắt da
Nghe còi dựng dậy ùa ra xếp hàng
Tập chạy, nhảy, tập bò càng
Không nở bẻ dọc cũng nở ngang thân hình*

Đó là chuyện tình sương. Ban đêm, trước khi đi ngủ Cán bộ thông báo là sẽ có một cuộc thực tập báo động giả để mọi người chuẩn bị tinh thần. Biết trước vậy mà đến hồi nghe còi báo động rúc lên hù hụ vào lúc nửa đêm tôi cứ tưởng như ai đang hớp hồn mình, phát sợ ngang.

*Vừa nhào xuống giao thông hào
Một thằng chết tiệt nhảy ào trên lưng
Lãnh nguyên hai cái gót chân
Nghe một tiếng "hự" tưởng chừng hộc com*

Trường Bộ Binh Thủ Đức có bốn tuyến A, B, C, D, suốt khóa học chúng tôi đã gác đủ cả bốn. Tuyến A ở mặt tiền, cổng chính. Tuyến B giáp với nghĩa địa và nhà dân xa xa. Tuyến C thuộc khu Thiếp Giáp. Tuyến D hướng ra bãi tập. Gác bất cứ tuyến nào vào lúc nửa đêm thanh vắng chung quanh không một bóng người, ngoài những ngôi mộ đá ong hoang phế và đám lau già tóc trắng quật quại trong gió, dưới trăng, hay trong cơn mưa tôi đều nhớ tới hai câu thơ về non Kỳ và bên Phì trong Chinh Phụ Ngâm:

*Non Kỳ quạnh quẽ trăng treo
Bến Phì gió thổi điu hiu mấy gò*

Rồi tôi cảm nhận hết nỗi cô độc tận cùng giữa đất trời tịch lặng, mênh mông.

*Đêm hôm ra gác tuyến A
Nghe trong khuya khoắc tiếng gà vắng đưa
Mưa rơi rắc hạt lưa thưa
Đời mình nước dọt nên chưa hết buồn*

Trong 6 tuần huấn nhục, Tân Khóa Sinh phải học đi, đứng, nghiêm, nghỉ, dậm chân tại chỗ, học chào tay, học hát... Học quay trái, quay phải làm sao cho đúng 90 độ. Học đằng sau quay 180 độ sao cho khỏi xiềng niềng, đằng trước bước phải bắt đầu bằng chân trái, tay đánh nhịp cho cao. Rồi còn phải tập đánh giày thật bóng, xếp drap, xếp mền thật kỹ, tú quần áo thật ngăn nắp vân vân. Trong thời gian này, nhiều huynh trưởng có đầu óc khôi hài thường bày ra kiểu phạt rất độc đáo, như phạt đàn em chạy đi xin chữ ký của 300 người trong vòng 15 phút. Có chạy xi khói, chạy bở hơi tai, chạy phờ...râu cũng chẳng ma nào thỏa mãn nỗi cơn ác ý của bậc đàn anh chỉ vì lỡ bước trật nhịp như tôi.

*Nó la đằng trước bước đều
Mình bước trật nhịp, nó khêu mình ra
Khít hàm, rít giọng thiết tha:
"Chạy xin chữ ký của ba trăm người..."*

Cũng trong 6 tuần huấn nhục, trừ khi đi bãi, Tân Khoá Sinh ngày hai buổi chỉ được phép ăn cơm nhà bàn chớ không được ăn tiệm như các vị huynh trưởng. Vô nhà bàn phải giữ im lặng, chờ huynh trưởng hô to *ng nghiêm* thì rần ửng ngực lên mà đứng im. Khi nghe hô *ngồi* phải đáp

thật to xuống. Nghe mời đàn em ăn cơm phải đáp lớn mời huynh trưởng ăn cơm, xong các thủ tục nhà binh mới được ăn. Khẩu phần ăn quanh đi quẩn lại cũng mấy món canh, đồ xào, cá hoặc thịt hộp. Hôm nào nhát thấy trong tô canh có một chú sâu đo xanh lè, hay chú trùng mềm oạt thì cứ coi như hôm đó ta có thêm... chất đạm. Đã là con nhà binh khi ăn phải ăn cho lẹ, lua cho nhanh. Lờ quờ, chậm chạp chỉ có nước đói.

*Gấp thật lẹ, lùa thật mau
Ăn không kịp nghĩ, nuốt không cần chờ
Thằng nào lẹ, thằng đó nhờ
Thằng nào chậm chạp đói mờ người ra*

Lại cũng trong thời kỳ này, Tân Khóa Sinh không được phép đi, mà phải cầm súng xeo xéo trước ngực vừa chạy vừa hát. *Quân trường đổ mồ hôi. Chiến trường bớt đổ máu...* Mỗi lần hai Đại đội đi ngược chiều, nhất là sau giờ cơm ra đụng mặt nhau là cứ y như gà tức nhau tiếng gáy, cả hai đội đều gân cổ hát với tinh thần ganh đua cao độ.

*Đại Đội bạn đi ngược chiều
Chúng gân cổ hát thiếu điều bức gân
Phe mình thấy vậy nổi sân
Quyết chẳng kém, cũng rướn gân cổ gào*

Tôi còn nhớ hồi mới lóp ngóp vô quân trường, dù không soi gương cũng biết mặt mũi mình lúc nào cũng cứ như anh nhà quê. Hồi đó ngốc nghếch đến độ khi chẻ củi, thay vì dùng búa (làm gì có búa) thì tôi lại dùng... báng súng Garant M1, lấy sức giơ cao nện xuống sóng dao mà chẻ ngon lành. Vô phúc, tôi và thằng bạn chẻ củi bị huynh trưởng bắt gặp tại trận bèn đi một đường giáo dục tận lực rồi ghi tên tôi đến phạt dã chiến.

Đúng 8 giờ tối, hai thằng tôi, thêm ba tên không biết bị tội gì, ba lô súng đạn đầy đủ ra tập hợp trước sân đại đội chờ lệnh huynh trưởng. Sau khi điểm mặt xong, thay mặt cán bộ, hai tên huynh trưởng bắt đầu quần chúng tôi trong vòng một tiếng đồng hồ tả tơi không còn manh giáp. Trước hết là giơ súng lên khỏi đầu, vừa chạy ba vòng sân trại vừa la tôi-không-giống- ai, rồi tới hít đất, nhảy xồm, thụt dầu, cuối cùng là bò lê bò lét, bò ngựa bò càng, bò cho đúng cách từ đầu tới cuối sân trại rồi bò ngược lại. Vừa dứt màn phạt dã chiến để đời cũng vừa đủ để hai cùi cùi và hai đầu gối chúng tôi rướm máu hồng.

*Ba lô, súng, đạn kình cang
Hết nhảy xồm lại bò cang giữa sân
Mình mảy mình đau như dằm
Mà đám huynh trưởng cứ quần ngát ngư*

Hằng ngày, sau khi ăn sáng bằng bánh mì và chuối xứ, chúng tôi có hai địa điểm để đi học. Hoặc học tại Đại Giảng Đường (nhà tiền chế) hoặc tại bãi. Mỗi lần Đại đội đi học bãi thì có một Tiểu Đội Súng Nặng lên phiên nai lưng ra mà vác súng, đạn Đại liên 30, Chân ba cang, Súng chống tăng M72, Súng phóng lựu M79, Cối 81 ly gồm nòng súng, đạn cối và bàn tiếp hậu. Những thằng to xác còn kêu ca huống hồ mấy thằng ốm yếu, nhỏ con, vác vũ khí mà mặt nhăn như khi ăn ớt.

*Thằng thì vác chân ba cang
Thằng vác đạn, thằng vác nòng trẹo vai
Một thằng nổi cộc sữa dai:
"Mẹ. Đường ra bãi sáng nay dài quá cha !"*

Đường ra bãi phải đi qua cổng số 9 ở tuyến D. Cách tuyến này khoảng 2 cây số là đồn Bến Nọc dựng sát bên cầu Bến Nọc. Cầu bằng gỗ không quá 10 thước bắt ngang qua con suối, tuy giản dị nhưng rất nổi tiếng vì có lần ban đêm Việt Cộng mò về gài mìn gây thương vong cho một số SVSQ khóa 25 của nhà thơ Thành Tôn và nhạc sĩ Vũ Thành An tại cầu này.

*Cầu, xưa Việt Cộng gài mìn
Làm bao nhiêu mạng bỏ mình tại đây
Giờ nghe như gỗ than vầy
Khóc hồn ai chảy máu đay vết cầu*

Cũng tại cầu này không biết từ hồi nào, tại sao lại xuất phát ra câu châm biếm "dân chơi cầu Bến Nọc". Ý ám chỉ thứ dân chơi cù lùn, keo kiệt, nhà quê..., như một cựu Sĩ quan Cán bộ trường BB Thủ Đức cho tôi biết.

Ngày học bãi đầu tiên, chúng tôi được trường cho xe GMC chở lên đồi Bác Sĩ Tín, lúc về thì đi bộ, sau đó là lết cho tới măn khoá. Mà bãi học có gần gì cho cam, cách quân trường từ 5 tới 10 cây số đường chim bay hoặc hơn, như bãi Xa Lộ 5 Km, bãi Nhà Xập 7 Km, bãi Vườn Thơm ... Bài học đầu tiên ở bãi lộn về mới thấy đường ơi sao mà dài vô tận !

*Chiều về mới thấy đường dài
Thằng nào thẳng nấy mệt nhòai người ra
Uóc gì có lý đá trà
Mình ực, mình xối, mình xoa mát người*

Đã vậy chân lại chưa quen mang giày bố. Mới có chuyện.

*Bãi xa lộn bộ tôi bời
Cái chân mình muốn bức rời hẳn ra
Đôi giày cọ sức miếng da
Thành mọng nước đau thấy bà tổ luôn !*

Đi bãi còn một cái đáng gờm nữa là nắng. Cái thứ nắng trưa hừng hực, nắng lặn quẩn, nắng xiên khoai, nắng đổ mồ hôi, nắng sôi nước mắt. Làm gì có cây cao bóng mát mà núp - dẫu có cũng chẳng được phép - toàn là đất, cát, cỏ khô và bụi cây bụi nhùi. Có bữa chúng tôi ra bãi bắn học xử dụng súng nặng như Đại Liên M30, M72, súng Cối 80 ly, Đại Bác 105 ly không giựt và ném lựu đạn M26.

Những loại vũ khí hạng nặng ác ôn này hình như thứ nào tôi cũng xử dụng một cách rất ư là... bết bát. Thấy thằng bạn đứng thế thủ, kê khẩu M72 lên vai nhắm bắn xe tăng, biết là nó trúng rùa nhưng tôi vẫn báỉ phục, móc gói Bastos xanh chia cho nó một điếu.

*Trưa hừng hực nắng lặn quẩn
Ra bãi tập bắn xe tăng lật lia
Bắn khu tử giác, bắn bia
Mà cứ tưởng bắn từng tia nắng thù*

Rồi chín tuần huấn nhục (đáng lẽ là sáu) cũng chấp chới trôi qua. Có trải qua thời kỳ cam go này mới thấm thía hai chữ "huấn nhục". Tôi nghe kể trước kia có một Tân Khóa Sinh bị một tên huynh trưởng "có máu lạnh" huấn nhục (giáo huấn và lẳng nhục) trong nhà cầu căng thẳng tới mức đứng tim, nghẹt thở mà chết. Từ đó, những loại "dạy dỗ" quá đáng, thiếu tính người đều bị hũy bỏ.

Chín tuần qua một cái vù

*Thằng nào thằng nấy như tù được tha
Thằng thì ngồi thở hắt ra
Thằng thì sướng tít như là gặp tiên*

Sau đó, Tân Khóa Sinh được làm lễ gắn Alpha tại Vũ đình trường, hãnh diện trở thành Sinh Viên Sĩ Quan trường Bộ Binh Trừ Bị Thủ Đức.

*Hôm nay lễ gắn Alpha
Diện đồ tiểu lễ mình ra xếp hàng
Vũ đình trường nắng chang chang
Mà sao mình vẫn thấy man mác trời*

Lúc này, SVSQ không phải bồng súng chạy nữa, mà đi đứng thong thả hơn, oai phong lẫm liệt hơn và có quyền tới phiên đi... bắt nạt đàn em. Huynh trưởng mà em! Thi hành trước khiêu nại sau. Còn cơm nhà bàn nhiều anh chê, ra ăn cơm ngoài ở khu Gia Bình, khu Sinh Hoạt, hoặc khu Thiết Giáp, tuy tốn tiền nhưng ngon hơn, lại có nhạc để nghe và có các em để... nhìn lên cho đã thèm.

*Giờ thì chế cơm nhà bàn
Ăn cơm ghi sổ có màn khá hơn
Lại được nghe nhạc xình xang
Nhất là được hỏi: "Dạ, chàng dùng chi?"*

Thực vậy, lính tráng học tập lâu ngày được phép xuống khu gia binh chơi vừa thấy nhà cửa, quán xá đèn đuốc tùm lum, nhất là nhất thấy bóng hồng ai mà không nôn nao, háo hức.

*Có xuống chơi khu gia binh
Mới thấy quán xá rất tình, rất thơ
Đèn đóm diu diu, mờ mờ
Còn mấy con nhỏ đẹp mơ đẹp màng*

Bất cứ khóa huấn luyện quân sự nào hầu như cũng đều có các bạn ngoài Trung vào học. Những vị này thường tụ thành một nhóm chơi chung với nhau. Trong phòng tôi có hai anh Quảng Nam hiền lành, nấu nạc, sau lễ gắn Alpha về xù xì tâm sự với nhau. Tôi nằm nhắm mắt làm bộ ngủ, nhưng tỏ mò lóng tai nghe mà cười thầm trong bụng. Đại khái như:

*Ra trường mấy đi lính chi?
Nhất định là lính Rắn Rì. Còn mấy?
Tao thì Quân Cảnh, tối ngày
Tìm ba thằng lính như mấy, nhốt chơi*

Ngoài ra, Đại Đội 21 còn có những vị khoa bản, trí thức mà tôi mạn phép liệt kê dưới đây:

1- Anh Nguyễn Quốc Trụ, Cao học Bang Giao Quốc Tế, Giảng viên Đại Học Hòa Hảo, sau cùng là Giảng viên trường Chiến Tranh Chính Trị Đà Lạt. Anh gốc Bắc chung Trung đội với tôi. Sau 75, trong tù cải tạo Trảng Lớn anh Trụ đã cải lý với Chính Trị Viên Việt Cộng rồi Chính Ủy VC khiến chúng nó cứng họng đâm ra thù ghét anh. Kết quả anh Trụ bị nhốt conex lâu ngày. Cuối cùng chúng đưa anh ra tòa, bị buộc tội phản động, chống chế độ và bị xử bắn.

2- Anh Võ Duy Thường, cựu lãnh tụ Sinh Viên Luật Khoa, sau là nhân viên Trung Ương Tình Báo, chức vụ sau cùng là Thứ Trưởng Bộ Tư Pháp QLVNCH. Hiện sống ở California.

3- Anh Đoàn Kính, sinh viên Đại Học Khoa Học Sài Gòn, lãnh tụ Sinh Viên tranh đấu rất nổi tiếng. Hiện ở đâu bên Arkansas. Tôi còn nhớ năm 1969, sau nhiều lần Sinh viên Học sinh phối hợp xuống đường tập thể, một buổi trưa, Đoàn Kính, Phạm Quang Phước, Trần Văn Quý, Trần Nhật Nam và tôi âm thầm đèo nhau trên 3 chiếc Honda tới Quốc Hội biểu tình. Sau khi quan sát tình hình, bắt thần Đoàn Kính và Phạm Quang Phước xô ngã hàng rào sắt, chạy ủa vô tới trước cửa Quốc Hội ngồi xuống, giảng biểu ngữ. Sáng ngày hôm sau báo chí hùa nhau đăng tải tin tức giật gân bằng những tít lớn như : Lãnh Tụ Sinh Viên Đoàn Kính đơn thương độc mã xông vào Quốc Hội hoặc Lãnh Tụ Sinh Viên Đoàn Kính bị đánh ngất xỉu trước Quốc Hội, chờ đi mất tích... Năm 1980 tại trại tỵ nạn Leam Sing, Thái Lan tôi có đọc một bài báo phỏng vấn cựu sinh viên Đoàn Kính về vai trò lãnh tụ sinh viên của anh trong quá khứ đã được anh bày tỏ sự hối tiếc muộn màng.

4- Đoàn Đình Đông Hải, một cái tên nghe mênh mông như... đường vào biển Triết. Tên như người, rất lập dị. Cũng vì hay lừng khừng, lãng đãng hướng vào nội tâm mà Hải thường hay bị phạt và nằm phòng kỷ luật đều chi.

Sau này, một vị cựu Sĩ quan Cán bộ Đại đội 21 nhắc tôi mới nhớ thêm Trương Nhị Đông (Quân Cự), hiện ở VN. Phùng Ngọc Thịnh (Quân Cảnh), hiện ở Đà Lạt hoạt động trong ngành Du Lịch. Lê Phát Được (Pháo Binh) đi diện H.O qua Mỹ năm 1995 v.v...

Một hôm, Đại đội chúng tôi ba lô, súng đạn nhận lệnh đi gác tuyến D nguyên ngày. Sau buổi cơm trưa (do toán ẩm thực mang ra tuyến), tôi vừa leo lên chòi gác thì con buồn ngủ quá ác từ đâu ào ào ập tới. Mặc dù rán banh mắt ra mà nhìn về phía trước, hoặc lác đầu nguầy nguậy cho tỉnh táo hay móc thuốc lá ra hút liền tù tì mấy điếu, cuối cùng gió vẫn đưa con buồn ngủ nó lên chòi. Thế là, thay vì ôm súng gác như trách nhiệm của một người lính ngoài giới tuyến thì tôi rũ xuống như tàu lá làm luôn một giấc ngon lành, chẳng còn biết trời trăng mây nước là cái chi chi. Lúc tỉnh dậy mới hay mình... mất súng! Mất gì chớ mất súng quả là chuyện tầy đình. Có đường ra Tòa Án Quân Sự như chơi. Thì ra ông Cán bộ Trung đội trưởng đi kiểm soát tuyến bắt gặp tôi đang say giấc nồng bèn đi một đường tịch thu vũ khí. Chiều về tôi bị Cán bộ đưa te tua trước ba quân đứng im phăng phắc như trời trồng. Sau đó tôi khăn gói quả mướp vào phòng kỷ luật 301 hai ngày nằm chơi xơi nước. Tại đây, tôi lại hân hạnh tái ngộ với "giáo chủ Vô Vi" Đoàn Đình Đông Hải. SVSQ trong suốt khóa học không ai mà không nghe danh F301. Căn phòng vuông vức khoảng 9, 10 thước, u ám và khai nồng. Có nằm phòng kỷ luật nhìn gió bay ngoài trời, mây bay trên cao mới thấm thía thân phận tù đày của một anh lính trẻ bê bối như tôi.

Nằm ba-lẽ-một cũng... vui

Cái hồn mình chợt tối thui như rừng

Nói tới F301 mà không nói tới Bệnh Xá là một thiếu sót. Nhưng cũng vì cúm nó hành phải nằm Bệnh Xá mà tôi hụt mất một ngày đi bãi học Vượt Sông. Buổi tối, cơn nóng lạnh ùn ùn kéo tới, tôi mê mang thấy mình lăn qua hóa thành đá, lộn lại hóa thành núi, cuối cùng con bệnh hóa thành... một bài thơ.

Gần chẳng rõ, nhìn xa xa

Thấy mình hoa đá lăn qua mơ hồ

Thấy kỳ cục, đăm nghi ngờ

Rồi như núi đứng ngu ngơ mình buồn

Sau lễ gắn Alpha, cuối tuần SVSQ được cho về phép lần thứ nhất. Diện bộ đồ tiểu lễ kaki màu vàng nhạt, vai đeo dây biểu chương màu vàng, đầu đội casquette, dây nịt sáng chói, giày botte

de saut bóng lưỡng, tay cầm tờ giấy phép hiên ngang bước ra khỏi cổng số 1 về Sài Gòn đi phép.

Những ngày cuối tuần sau đó, trừ đại đội tới phiên trực ở lại, ba đại đội còn lại phải ra Vũ đình trường thi diễn hành, đội nào bết nhất sẽ bị cúp phép. Một tuần học tập mệt xì khói, chỉ còn lại dụng hai ngày nghỉ phép về Sài Gòn du hí mà bị cúp thì còn gì là đời trai. Có lần, Đại Đội 21 thi diễn hành bị đánh rớt liên tiếp hai tuần lễ, bị cúp phép, bị Cán Bộ "xì nẹt", nhiều thằng nổi sùng "len lên tâm tư", chửi vung xích chó. Có thằng hẹp lượng giận cá chém thớt đi tìm đàn em lôi ra phạt cho hả giận.

*Ba đại đội thi diễn hành
Đội mình bết nhất thì đành loại ra
Bị cúp phép, còn bị la
Nhiều thằng bết măn kêu ca um sùm*

Riêng tôi buồn tình thả ra khu Tiếp Tân, gần phía cổng chính, coi thiên hạ đi thăm nuôi cho đỡ buồn. Ngồi dòm bức tượng trắng toát của anh Sinh Viên Sĩ Quan đứng bắn cung chán rồi ra dựa gốc cây bã đậu hút thuốc nhìn trời đất, nhìn người, nhìn tôi.

*Buồn tình ra khu tiếp tân
Dựa gốc bã đậu ngó gần ngó xa
Ngó thì ngó vậy, thật ra
Chẳng ngó gì hết, nên tha hồ buồn*

Ngó cái "chẳng ngó" no con mắt rồi lững thững đảo xuống Khu gia binh chơi. Đang buồn thả hồn lãng đãng theo một bóng hồng trong mơ, có gặp huynh trưởng cũng chẳng còn hồn với vía đầu mà chào. Vậy là có cái họng hung dữ gào lên " Hai mươi cái bom. Hai mươi cái hít đất. Hai mươi cái nhảy xồm! Thi hành!" Đáp tuân lệnh xong là vừa thi hành vừa đếm thật to tổng cộng một hơi sáu chục cái không thiếu cái nào. Hồi đó sao mà khỏe ời là khỏe!

*Buồn tình xuống khu gia binh
Thả hồn ôm ấp bóng hình nơi nao
Gặp huynh trưởng, quên, không chào
Thôi thì nó thét, nó gào điếc tai*

Học binh pháp thì có hằng ngàn mưu thần chước quỷ để mà học. Bể học mênh mông, có học cả đời cũng không hết. Như chiến thuật hành quân phối hợp bộ binh và thiết giáp chẳng hạn. Thiết giáp chạy trước bánh xích âm âm nghiêng từng tấc đất vừa hù vừa rải đại liên càn quét địch quân, bộ binh chạy lúp xúp phía sau lên tiến chiếm mục tiêu.

*Thiết giáp nó chạy trước mình
Địa thế gặp ghềnh, mình chạy phía sau
Chạy xì khói, chạy phờ... râu
Ba chân bốn cẳng chạy mau như gi*

Đi hành quân tùy tình hình, địa thế mà nguy trang để địch quân khó bề phát hiện. Lá cây rừng là phương tiện thiên nhiên hữu hiệu nhất . Tha hồ mà be, ?mà cấm, mà vất trên đầu trên lưng là có điểm.

*Quơ tay bẻ cụm lá rừng
Mình cấm, mình vất trên lưng trên đầu
Soi mình xuống vũng nước trâu*

Một thẳng lạ hoặc nghèo đầu nhìn lên

Mệt mà vui, thời giờ trôi qua rất mau là đi địa hình. Từ điểm đứng trên bản đồ hành quân (được bọc cẩn thận trong bao nylon), ta vạch một đường thẳng hướng theo kim địa bàn xuyên qua địa hình, địa vật để đến mục tiêu. Mục tiêu là những cọc gỗ được đánh dấu bằng mẫu tự Alphabet đã bài trí sẵn theo tuyến hàng ngang cách điểm xuất phát non chục cây số đường rừng. Mới tảng sáng, Đại Đội 21 đã có mặt đầy đủ quân số tại điểm học tập. Tại đây, các Khóa sinh được Huấn luyện viên giảng dạy lý thuyết, học cách đọc bản đồ, chấm tọa độ, sử dụng kim địa bàn, đo phương giác... Sau đó, mỗi tiểu đội dùng địa bàn xác định điểm đứng của mình rồi nhắm hướng mà đi. Đơn giản như vậy mà lúc đi cứ bị lạc hoài. Trên lý thuyết nghe thì dễ, lúc thực hành mới gian nan. Có điều, không có gì sợ hãi cho bằng lính lâu ngày được thả cho tự do bương đồng, lội suối, xuyên qua vườn tược, nhà dân, gần gũi với bờ tre, cây lúa, ụ rơm, thỏ hít không khí trong lành của miền đồng nội. Cũng nhờ thẳng Tiểu đội trưởng hướng dẫn đi địa hình lạng quạng mà tình cờ Tiểu đội 1 chúng tôi lạc vào khu vườn thơm, lúa thừa vài chục mái nhà tranh nằm hiền hòa dưới những tàn cây rậm mát. Hầu hết các SVSQ đi địa hình đều biết tiếng Vườn Thơm. Vì nghe đồn ở đây có một cô gái tên Lan đẹp chim sa cá lặn. Biết là chẳng bao giờ có chuyện bèo mây gặp gỡ, nhưng nghe qua tiếng đồn, lòng ai mà chẳng nao nao. Cuối cùng, mọi người cũng đi đến đích. Tuy nhiên, thay vì mục tiêu là cọc C như đã chỉ định thì chúng tôi đi lạc xuống tới tận cọc M. Báo hại 12 thẳng dỡ hơi phải học tốc chạy ngược lên cọc của mình đánh dấu để về báo cáo lấy điểm. Thi địa hình mà! Có một điều an ủi là chẳng riêng gì Tiểu đội cà chớn chúng tôi, mấy Tiểu đội gà mờ bạn cũng đi sai địa hình không kém. Đúng là sai một ly đi một dặm.

*Kim địa bàn chỉ hướng Đông
Cái chân lội suối, bương đồng mà đi
Địa hình, địa vật chi li
Cái chân mắc dịch dẫn đi lạc hoài*

Nhiều người nói Dây Tử Thần là môn đứng tim nhất, nhưng khi tới phiên tôi thì tôi cảm thấy chẳng có gì làm... tim đứng lại cả. Dây Tử Thần được chế tạo bằng một sợi cáp nối từ đỉnh đồi ngang qua hồ nước xuống tới bờ hồ. Sợi cáp luồn xiên qua tâm ròng rọc có hai móc câu bằng sắt (hoặc khoen) để nắm. Tuân tự từng người khi đu xuống tới mức an toàn thấy tên thủ hiệu phát cờ thì buông tay cho thân mình rớt xuống hồ nước sâu lút ngực. Lốp ngóp lội lên bờ là xong.

*Ròng rọc lao xuống ào ào
Tiếng dây cáp rít, gió gào hai bên
Thằng thủ hiệu phát cờ lên
Mình buông tay rớt sát bên bờ hồ!*

Tôi không ngán đu dây Tử Thần, nhưng lại ớn đi dây Kinh Dịch. Dây Kinh Dịch có ba sợi cáp thiết trí theo hình chữ V hoa giảng ngang qua một cái vực. Đi dây Kinh Dịch đừng bao giờ nhìn xuống đất, vì độ cao cộng với sức nhún nhảy, ngã nghiêng của sợi dây dễ làm ta lạng quạng, mất thăng bằng, trật tay té xuống không chết cũng tàn phế.

*Dây Kinh Dịch ác ôn hơn
Sợ xám mặt, ớn thấu xương sống mình
Sợi dây nhún nhảy bấp bênh
Dưới sâu Thần Tử ngó lên cười cười*

Tuột Núi là môn tôi tỏ ra bết nhất. Mặc dù tôi gốc núi, sinh trưởng ở núi, nhưng chẳng leo núi bao giờ. "Núi" (hay Đai Tuột Núi) ngoài bãi là một tấm vách hình khối chữ nhật dựng sừng sững giữa trời. "Núi" cao khoảng 15 tới 20 thước, bề ngang chừng 1.5 thước. Đứng trên đỉnh tứ bề gió lộng, người không quen độ cao thoát nhìn xuống sẽ chói vói, thụt lùi ngay. Nghệ thuật tuột núi đặt trọng tâm vào hai sợi dây và cái móc dây an toàn. Hai sợi dây giống loại dây dù, nhưng đường kính to bằng ngón tay cái, được buộc từ đỉnh của Đai Tuột Núi thả dài xuống tới mặt đất; sợi còn lại dùng để quấn quanh thắt lưng và háng rồi luồn vô cái móc chữ O có cửa sổ bên hông chữ O. Khi tuột phải tuột đằng lưng, mặt dây vô vách. Muốn tuột nhanh hay chậm đều tùy vào bàn tay phải hoặc trái bóp hay nhả sợi dây luồn qua cái móc hình chữ O.

*Vách núi dựng đứng giữa trời
Sợi dây thừng quấn quanh người lắc lư
Chưa tuột mà đã lừ đừ
Ba hôn chín vía sặc sừ rút lui*

Cuối cùng rồi cũng đặng Đoạn Đường Chiến Binh, môn học mà hầu hết SVSQ nào cũng lắc đầu ngao ngán. Đoạn đường này không dài mấy, non chừng một ngàn thước, nhưng đầy những chướng ngại vật mà mọi người đều phải vượt qua. Nào là đu dây, vượt tường, leo lên cầu cao, chạy qua cây khế; nào là băng qua những bãi lầy, đụn cát, nhảy qua gò, bay qua ụ, phóng qua hầm, vượt qua hố, rồi chui dưới địa đạo, bò dưới rừng kìm gai, trong khi hỏa lực nó khạt rất phía trên đầu, lâu lâu lại nghe mìn nổ bập bọ đầu đó! Đoạn Đường Chiến Binh hiểm ác một điểm nữa là súng cầm tay, ba lô trên lưng, SVSQ phải chạy từ đầu cho tới cuối chặng đường. Một người khỏe mạnh cách mấy, vượt hết đoạn đường này cũng phải đổ mồ hôi mà thở hắt ra.

*Leo, trèo, chạy, nhảy, phóng, bò
Vượt chướng ngại vật có trò lợi xương
Minh đi tám hướng, mười phương
Bây giờ mới gặp đoạn đường chiến binh*

Một buổi sáng mùa thu, Tiểu Đoàn chúng tôi được lệnh đi ứng chiến tại Sài Gòn trong vòng một tháng. Ba Đại đội bạn ứng chiến ở đâu tôi không biết, riêng Đại đội 1 chúng tôi cắm trại tại sân Hoa Lư, Đa Kao dưới cơn mưa nắng thất thường. Sân vận động này tọa lạc ngay tại ngã tư Hồng Thập Tự và Đinh Tiên Hoàng, đối diện với đài Truyền Hình Việt Nam mà anh em Sinh Viên Quân Sự Học Đường năm ngoái đã vào Đai trình diễn văn nghệ. Đặc biệt nữa là sân Hoa Lư đầu lưng với quán Tre của Khánh Ly, tối tối lỏng một chút là chúng tôi chui rào qua uống cà phê nghe Khánh Ly hát... từ trong máy.

Ứng chiến non một tháng, Đại Đội chúng tôi được lệnh nhổ trại trở về Thủ Đức. Nhiều SVSQ có nhà ở Sài Gòn, được thân nhân thăm nuôi cung cấp đủ thứ lương thực nhét đầy trong ba lô căng cứng. Cá nhân tôi thuộc "con bà phước", nên trưa hôm đó tôi đã âm thầm mang theo trọn... một mùa thu, một hồn quán Tre và mưa nắng Sài Gòn trở về lại quân trường Thủ Đức.

*Minh đi ứng chiến Sài Gòn
Chừng non một tháng thì mòn đám mưa
Trở về Thủ Đức ban trưa
Minh mang theo hết đám mưa Sài Gòn*

Tháng 9 năm 1971, sau buổi điểm tâm bánh mì và chuối xong, Đại đội chúng tôi được lệnh đi gác tuyến B đến chiều mới trở về. Sau buổi cơm chiều, trời vừa sụp tối, Đại đội 21 lại được lệnh trang bị vũ khí, ba lô lần lượt ra tập họp trước sân Đại đội. SVSQ Nghiêm Văn Hiệp, đại diện SVSQ Trung đội trưởng Đại đội 21 hô giống hàng nghiêm chỉnh trước hàng quân im phăng

phắc. Sau khi kiểm điểm quân số, kiểm tra vũ khí, anh Hiệp quay qua Trung úy Huỳnh Trung Hiếu giờ tay chào báo cáo:

- Đại Đội đã tập hợp xong! Tổng số 179. Bất khiển dụng 4. Công tác ẩm thực nhà bàn 8. Hiện diện 164. Trình Trung Úy. Đủ!

Sau đó, chúng tôi lặng lẽ hướng về Vũ đình trường. Tại đây ba Đại đội 2, 3, 4 cũng tuần tự đến họp thành một Tiểu Đoàn để chuẩn bị Đêm Di Hành, một môn học cuối cùng trước khi mãn khóa. Tôi còn nhớ đêm hôm đó giữa Vũ đình trường, hằng trăm hằng ngàn người đều chìm vào trong bóng tối. Những ngọn đèn điện lạnh lẽo trên khán đài hay quanh Vũ đình trường không đủ sáng để soi tới những khuôn mặt xạm nắng quân trường. Không một tiếng thì thầm. Không một tiếng cười, kể cả tiếng ho. Hình như ai cũng trầm mình vào trong suy tư, lo lắng. Rồi đoàn quân bắt đầu rời tuyến xuất phát là Vũ đình trường, hết Đại đội này tới Đại đội khác hướng về cổng 9 ra bãi. Quân đi âm thầm, lặng lẽ như một đoàn quân ma. Quân đi qua những con đường, những ngọn đồi thấp, những rừng cây, những nơi chốn trong suốt gần 9 tháng trời đã đi qua. Buổi tối, trên trời trăng bắt đầu lên. Xa xa về hướng Đồng Ông Cộ, những trái hỏa châu như những chiếc đèn lồng đồng đưa trong gió, toả ra những tia sáng lạnh lẽo, vàng vọt, lấp lánh, đứt quãng, rưng rưng như những giọt lệ. Khi chúng tôi từ trên đồi thả lòi lòi xuống dưới trũng thì gặp một cái hồ nước, đúng lúc những trái sáng xẹt bắn lên cao, soi sáng cả một vùng đêm sâu mù tối.

Ngoài bãi tập có một cái hồ đủ để trâu đằm gọi là hồ Lệ Thủy mà Đại đội 21 vừa đi? chân tới. Đêm di hành gặp trời quang mây tạnh, vừa tới sát bên bờ hồ thì tôi khá giật mình vì cái đẹp lạnh lùng của bóng trăng vàng vạc dưới đáy nước nhìn ngược lên tôi bằng một ánh mắt cực kỳ lạnh lẽo. Tôi thường mắc cái tật hay giật mình trước những vẻ đẹp có tính cách mỏng mảnh, đơn phương mà dữ dằn ở thế thủ của thiên nhiên, thú vật, kể cả con người.

*Qua hồ Lệ Thủy ban đêm
Con trăng bảnh chọe ngủ trên mặt hồ
Nước hồ trâu đằm đục lờ
Mình đọng trái sáng làm mờ con trăng*

Tôi có hỏi một vị SQCB mới biết nguyên nhân tại sao có tên gọi là hồ Lệ Thủy. Ông nói không biết chắc là hồ này thiên nhiên hay nhân tạo, nhưng có lẽ do việc khai thác đá sạn mà tạo nên. Hồi trào ông Ngô Đình Diệm, lực lượng Thanh Niên Cộng Hòa thường lên trường Võ Khoa Thủ Đức (tên cũ của trường Bộ Binh) lấy các bãi tập để huấn luyện, trong đó có cô Ngô Đình Lệ Thủy (đã quá cố, con của ông bà Ngô Đình Nhu) đã nhiều lần ngâm mình tại hồ đó nên đặt tên là hồ Lệ Thủy.

Ngoài hồ Lệ Thủy, bãi tập còn có đồi Tăng Nhơn Phú. Ngồi trên đồi nhìn xuống dưới xa là xa lộ Biên Hòa, xa hơn nữa xeo xéo bên trái là Nghĩa Trang Quân Đội hàng hàng mộ bia trắng toát. Có lên đồi đây lúc chiều tà mới thăm thía cái thân phận người lính trong một đất nước chiến tranh.

*Chiều rơi mấp mé lưng đồi
Mình còn thờ mãi nhịp đời chông chênh
Ngồi đây giữa cõi bấp bênh
Hồn mình ai thả sâu lênh đênh hoài*

Cuối cùng vào nửa đêm, tất cả bốn Đại đội của Tiểu đoàn chúng tôi lần lượt trở về tập hợp tại Vũ đình trường. Sau khi kiểm điểm lại quân số và vũ khí, những tiếng hô lệnh lạc, tiếng báo cáo lại lan lãnh vang lên giữa đêm trường. Theo hệ thống quân giai Trung đội báo cáo lên Đại đội. Đại đội báo cáo lên Tiểu đoàn. Tiểu đoàn báo cáo lên Liên đoàn.

Thời gian, không gian và sự mệt mỏi sau một đêm di hành đã đọng lại trong tất cả chúng tôi để thực sự trở thành những người lính, những Sĩ quan trong Quân lực Việt Nam Cộng hòa, những lực lượng mai đây sẽ tung ra khắp bốn vùng chiến thuật.

*Mình đi từ sáng tới chiều
Từ chiều đến tối muốn xiêu thân rồi
Cái tay cầm súng rã rời
Cái chân đạp trúng bóng đời nhà binh*

Thời gian suốt chín tháng trong quân trường lần hồi cũng đi tới cái đêm cuối cùng của nó. Đó là đêm bùng súng gác Trung Nghĩa Đài. Hai người một ca, hai tiếng. Mặc đồ tiểu lễ, mang dây biểu chương, găng tay trắng, đội nón caskette có quai vòng quanh cằm, súng trên tay áp vào ngực vào vai, lưỡi lê chọc thẳng lên trời, chúng tôi như hai xác tượng đứng gác giữa đêm, canh cho những người đã khuất. Dựng Trung Nghĩa Đài là để tưởng niệm linh hồn các khóa đàn anh đã hy sinh vì tổ quốc. Đêm càng sâu trời càng sao sáng, gió càng lạnh. Gió thổi bập bùng những ngọn đuốc cắm chung quanh Trung Nghĩa Đài. Gió thổi xào xạc trên cây. Gió thổi ù ù trên mặt đường. Gió thổi người gục xuống. Gió thổi tôi đi.

*Bồng súng gác Trung Nghĩa Đài
Nghe đời mình cũng thở dài đâu đây
Thương lòng đêm gió trắng lay
Khóc hồn tử sĩ tàn bay về nhà*

Đêm tịch mịch như vậy mà sáng hôm sau lại rền vang những tiếng hô nghiêm nghị đứng lên qui xuống giữa Vũ đình trường của tất cả các khóa sinh khóa 1/71 đang làm lễ mãn khóa ra trường. Ôi, ngày hôm đó quân trường tràn ngập nắng và Vũ đình trường đầy ngập người. Trên khán đài là thân nhân, bạn bè, là người yêu của lính đến tham dự chia vui. Giữa sân Vũ đình trường, chúng tôi oai phong trong bộ đồ đại lễ, vai mang biểu chương, đầu đội caskette, một chân qui xuống nôn nao chờ các huynh trưởng đến gắn cấp bậc : Chuẩn Úy.

*Cái lon chuẩn úy vàng khè
Bu trên cổ áo nặng è cổ ra
Cái lon chuẩn úy, nhìn qua
Giống hai con cá vàng da vẩy vù*

Cuối cùng, cổng số 1 lại mở ra. Lần này hàng ngàn tân sĩ quan hân hoan bước ra khỏi cổng mà không bao giờ trở lại. Chúng tôi như những con chim ra ràn bay đi khắp bốn vùng chiến thuật, để rồi những năm tháng sau này, có những con chim trở thành *hồn tử sĩ*, có những con chim thành *người thương binh*...

Bây giờ là năm 2001, tôi đang ngồi đây, ngồi ngoài đất nước để nhớ về một Việt Nam bên kia trái đất, ở đó có một quân trường trước kia gọi là Trường Võ Khoa Thủ Đức, sau đổi tên thành Trường Bộ Binh Trừ Bị Thủ Đức cách Sài Gòn 15 cây số hướng Đông Bắc. Nhớ tới Trường Bộ Binh như nhớ tới một bước ngoặt lớn đời tôi, từ một chàng sinh viên hoài mộng ngất trời tới một anh lính chiến bằng mình trong bom đạn quê nhà. Rồi, sau ngày 10 tháng 3 năm 1975 tại Ban Mê Thuật, Thiếu Úy Tấn trở thành tù binh cải tạo, thành tù vượt ngục, sau cùng thành thuyền nhân sống lưu vong nơi đất khách quê người đến nay ngót 21 năm.

Hôm nay tôi đặt bút viết xuống những dòng này để tặng quý vị cựu Sĩ Quan Thủ Đức trong và ngoài nước, cũng như để tưởng nhớ những người lính Thủ Đức (nói riêng) và những chiến sĩ

Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa (nói chung) đã bỏ mình vì lý tưởng tự do, vì đồng bào, vì đất nước, một đất nước đã mất cách đây 26 năm ròn.

Phụ đính:



Uyên ương gãy cánh

Năm đó, tôi và Nhược Thủy ăn Giao Thừa tại nhà vợ chồng cô em vợ vui đến độ say khướt hồi nào tôi không hay. Khi tiếng pháo Giao Thừa đưa nhau nổ giòn khắp các đường phố Sài Gòn, tôi giật mình, ngơ ngác nhìn quanh mới hay mình đang ngồi trước sân nhà Nhược Thủy và ngạc nhiên bất gặp mình đang... khóc nức nở trong vòng tay người yêu. Tiếng khóc say rượu lúc đó, anh ơi – nghe sao mà tỉ tê, thê thiết. Tiếng khóc vật vã, kể lể sự tình chẳng hề giống ai trên cái cõi đời ô trược này. Rõ ràng là tiếng khóc sụt sùi dụi đầu vào ngực Nhược Thủy nên âm thanh như bị... gói kín trong chiếc áo màu hoàng kim người yêu tôi hay mặc. Rồi, chắc vì gió, tôi lại mơ màng chìm vào cơn say. Cho tới một lúc nào đó, đột nhiên tôi cảm thấy hụt hẫng, mắt thẳng băng, mở mắt ra mới hay Nhược Thủy đã bỏ vô trong nhà từ lúc nào. Khi tiếng khóc mất điêm tựa, không còn ai dỗ dành, an ủi tôi đâm ra chơi vơi, tủi thân và hoàn toàn tỉnh rượu. Lúc đó trời đã quá khuya. Nhịp sống Sài Gòn hầu như lắng xuống. Chỉ còn lại thoáng gió lạnh trên nhánh cây xoài mọc trong sân nhà. Khi say tôi hoàn toàn không ý thức được mình đã kể lể, than khóc những gì, nhưng chắc khuya quá Nhược Thủy sợ mấy đứa em trong nhà hoặc hàng xóm nghe thấy nằng nằng đâm ra ê chề, ngán ngẫm bỏ vô nhà cũng phải.

Nửa đêm nửa hôm ngồi một mình giữa đất trời hiu quạnh tôi không còn chỗ dung thân, cũng không còn ai chấp chứa, cùng đường bèn trèo lên cây xoài... ngủ qua đêm. Nói là ngủ chớ tài nào chợp mắt nổi. Phần vì lạ chỗ không quen, phần vì lạnh, bị muỗi chích, phần vì sợ công an nên tôi nằm trần trọc cho đến sáng.

(Nói rồi Hoài tăng háng sửa giọng, mắt lim dim đọc)

*Ai biết đời tôi có ngày này
Người ở thành lại ngủ trên cây
Nửa đêm xuân xiếc về ngang hỏi
Hết chỗ rồi sao ông ngủ đây?*

Tờ mờ sáng mừng một Tết vừa nghe có tiếng người đi ngoài đường, tôi vội vàng tuột xuống tìm đôi dép nhưng không thấy nghĩ là trộm đã cuỗm mất, bèn đi chân không ra quán cóc đầu đường uống cà phê. Cũng may, hôm qua Nhược Thủy đã cẩn thận dúi vào tay tôi vài đồng bạc lẻ cười nói ra đường lỡ đụng bánh tráng của người ta còn có tiền mà đền. Quán mới lên đèn.

Hơi sương còn ướt ghế. Khách thưa thớt vài ba người. Đầu năm đầu tháng gặp phải phường khổ rách áo ôm như tôi, chị chủ quán đã tỏ ra thiếu thiện cảm ngay. Đã vậy tôi còn ngồi đồng cả tiếng đồng hồ nhằm nhai mỗi ly cà phê xây- chừng nhỏ xíu khiến chị đâm ra nghi ngờ, kè tai người giúp việc xì xầm điều gì đó mà cả hai đều mất lộ hung quang. Để tránh khỏi gặp phải lời thô tôi đứng dậy bỏ đi, lết thết băng qua đường nhắm xe sinh tố lộ thiên đi tới. Ngồi trên ghế đầu, lưng dựa tường tôi vừa uống sinh tố vừa... “sầu thế sự”. Chưa bao giờ một cựu sĩ quan Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, một tù binh vượt ngục trở thành một kẻ vô gia cư, vô nghề nghiệp lại rơi vào thảm cảnh như vậy. Nhiều khi tôi nghĩ thà ra đầu thú may ra còn có nhà (tù) để ở, có cơm (tù) để ăn hơn là sống trong tình cảnh bấp bênh, chẳng biết đâu là ngày mai. Đang nghĩ quần đột nhiên tôi gần như không tin vào mắt mình khi thấy Nhược Thủy từ đằng xa đạp xe chạy tới ngang qua chỗ tôi ngồi với nét mặt đầy vẻ bồn chồn, lo lắng. Tôi thoáng ngạc nhiên và thắc mắc mới sáng sớm mà Nhược Thủy lại đi đâu? Nhưng khi nhìn thấy đôi dép sạp cũ mèm, đứt quai, há miệng, mòn đế của tôi nằm chổng chơ trong bọt-ba-ga trước cổ xe đạp tôi vụt chạy theo hốt hải gọi tên nàng. Nghe tiếng gọi Nhược Thủy ngoái đầu nhìn lại, rồi nhận ra tôi nàng mừng ứa nước mắt. Nhược Thủy kể lại tối hôm qua sau khi vô nhà khoảng nửa tiếng sau nàng đã lén lút ôm mền ra cho tôi đắp nhưng không thấy tôi đâu ngoài đôi dép nằm chổng chơ trên nền gạch nên nghĩ là tôi đã bị Công An bắt dẫn đi rồi. Suốt đêm lòng nóng như lửa đốt người yêu tôi mong trời mau sáng để xách xe chạy đi tìm tôi. Anh thấy không, tình yêu của hai chúng tôi keo sơn, gắn bó đến chừng nào. Tôi chủ quan, dù rằng tôi có trở thành một tên thất cơ lỡ vận, khổ rách áo ôm hay trôi sông lạc chợ nàng vẫn không màng, vẫn bán vàng nuôi tôi và yêu tôi tha thiết.

Tôi xin kể tiếp. Vâng, sau khi chúng tôi gặp lại nhau, Nhược Thủy có một quyết định táo bạo là sẽ đưa tôi lên căn gác nhà nàng tạm trú! Để chắc ăn, trước đó nàng đã dụ cho tiền mấy đờn em đi xi-nê rồi chờ đêm xuống ra dậu cho tôi bò vô nhà, rón rén leo lên căn gác, lén lút sống quên ngày tháng như một tên tội đồ thâm lặng nhất, một thứ Ann Frank thời đại, một ông vua không ngai, cho tới một ngày...

Vâng, cho tới cái ngày... Không phải. Phải nói là cho tới nửa đêm về sáng chúng tôi đang say sưa trong giấc điệp thì giật mình thức dậy vì nghe có tiếng đập cửa và tiếng người kêu ới ở dưới nhà. Lúc đầu chúng tôi tưởng Công An tới xét “hộ khẩu” nhưng nghe kỹ thì Nhược Thủy chột ngốc đầu dậy khẽ nói là má Nhược Thủy trên Đà Lạt xuống. Thịnh thoảng ba bốn tháng bà vẫn xuống cung cấp tiền bạc cho con cái và ngủ trên căn gác này. Thế là, trong khi Nhược Thủy chạy xuống mở cửa, tôi ba chân bốn cẳng quơ vội đôi dép thỏ tả vọt ra phía sau leo tường tuột xuống hẻm chuồn nhanh ra đường cái. Đã vậy, anh biết không. Đứng là nghèo lại mắc cái eo. Vừa chạy ra đầu ngõ hẻm tôi đụng ngay một gã trung niên tự xưng là Tổ trưởng la ai đó đứng lại. Hoảng quá tôi quăng cả dép, cắm đầu chạy thực mạng. Đêm đó tôi lủi đái vô chợ Thái Bình góc đường Phạm Ngũ Lão và Cổng Quỳnh núp vào một xó tối vuốt ngực thờ gáp vừa thương cho thân phận cay đắng của mình vừa thầm rủa tên Tổ trưởng chết bầm. Xin lỗi anh. Ở đời mấy ai học được chữ ngờ. Dĩ nhiên cùng quần như tôi cũng không ngoại lệ. Thực vậy, tôi không ngờ lần bỏ chạy đó lại là lần cuối cùng tôi... chạy ra khỏi cuộc đời Nhược Thủy. (Tới đây Người Thơ lang bạt lại tăng hắng, mắt lim dim, da diết đọc)

*Nước đi ba tháng không về
Ngày nào anh cũng giận thề quên em
Nỗi đời lây lất chổng lên
Đầu anh niêm nhớ không tên hành hoài*

*Nước đi suốt chín năm dài
Đêm nào anh cũng nằm nhai mối sầu
Nhiều phen trần trọc canh thâu
Nhai nhảm miếng nhớ làm đau đấng hồn*

*Nước đi ra biển xa nguồn
Hai mươi năm lẻ tiếng buồn anh mang*

(Đọc xong, Người Thơ phong sương, đầu khỏ gặt gù lặp lại)

Nước đi ba tháng không về. Vâng, Nước là Thủy, anh cũng hiểu rồi. Vâng, người yêu tôi đã đi vượt biên ngay sáng hôm sau tại Rạch Giá, như người nhà nàng cho biết. Đó là một sự chọn lựa khôn ngoan. Có điều, tôi vẫn chủ quan cho rằng Nhược Thủy không bao giờ bỏ tôi mà đi đành đi đoạn như vậy, nếu không bị áp lực của gia đình. Nhưng mà chuyển đi đó... Chuyển đi định mệnh, anh hiểu không? Từ đó tới nay đã hai mươi năm rồi, không một ai, kể cả gia đình Nhược Thủy biết được tông tích chiếc ghe, trên đó có người tôi yêu đã vượt tới bến bờ nào.

Thưa anh, nay dù đã quá bán cái tuổi “tri thiên mệnh”, tôi vẫn còn độc thân và vẫn coi mối tình của tôi và Nhược Thủy là mối tình lớn nhất trong đời này.

Thắm sâu, Buôn Ma Thuột

Sống giữa thời đại văn minh cơ khí, thời gian ngựa chạy, xe xua ồn ã, con người phóng dật... tự nhiên ở cái lứa tuổi thập lục nhân tôi thêm nhớ về, thêm sống lại cái thời xa lơ xa lắc ở bên nhà.

Cái thời tịch mịch đó. Cái thuở hoang sơ ấy. Cứ tưởng nó tuần tuột, rơi rã, mất hút, không hò hẹn, không âm vọng trên bước đường thậm thụt tha phương, không ngờ cứ âm ỉ, thổn thức, bám riết vào não trạng dai như đĩa xôi, gặm mòn nỗi nhớ theo tuổi tác, với râu với tóc bạc dần qua thời gian.

Dưới đây là một bức hoành tráng giữa sa mù.

Sương lam phủ dật dờ những eo đồi, gò đất, núi non, rừng rú vắng lặng. Bóng lữ cây ngàn không diễn đạt nổi một ý tưởng hay đáng vẽ thơ mộng nào, ngoài sự cam chịu của nỗi giá lạnh cô đơn.

Nói về trời nắng thì biệt khác với trời mưa. Nắng có sắc độ cao hừng từng ngày, hoặc theo mùa mà xiên khoai, cau có, gắt gỏng, hoặc dịu dàng, lung linh, mờ ảo, hay vàng vọt, ảm đạm, hôn mê. Nắng tràn cây, ôm quàng cây, leo liếm cây. Khi kiệt lực nắng buông mình rơi hút, chìm khuất trong rừng cây đám lá rậm rạp màu đen kịt. Nhưng là nắng miền cao thì nắng được coi như là nguồn cơn ấm áp, an ủi vỗ về về hiu quạnh của đất trời lạnh lẽo heo hút xa xăm non ngàn.

Còn mưa.

Mưa ẩm ướt không gian miền thượng trung du thắm đẫm một nỗi buồn thê thiết. Mưa ướt đầm mái tóc bù rối, rậm rịt cửa hồn rừng, hồn núi, hồn non.

Những con đường thuở nhỏ dẫn xuống nghĩa địa làng, xa hơn là khu Rau Xanh hướng về dãy Trường Sơn mờ mịt.

Những con đường dẫn xuống nhà bác Chín Heo thọc ăn trái muông quân, xuống đền Bắc Lệ nghe hát châu văn, xuống suối Xanh câu cá, tắm suối.

Những con đường thoai thoải từ Ty Ngân Khố uốn vòng xuống hồ piscine, xuống khu di cư Trần Hưng Đạo nhà cửa san sát cái chùi ra cái thụt vào, cái cao cái thấp huếch hoác, thô thiển mọc dài theo tiếng Bắc kỳ râm ran chao chát đổ về phía Đông Nam. Từ đó băng qua những thửa ruộng, lội mòn theo bờ suối dẫn xuống suối Mu-ri (Maurice) chảy qua buôn Alê A, vô Đài Phát Thanh cây số 7 (Chi Lăng), vô Cầu Mười Bốn phía Tây Nam coi bắt cá sấu; hoặc lại xoay mình ngoặt ngược về hướng phi trường L19 dẫn xuống thác Nhà Đền, vô hồ Trung Tâm, vô

khu Hòa Bình thăm Q.H, anh bạn học người Mường đời xưa uống rượu nếp than, hút thuốc
lào, ca múa dân ca Mường thâu đêm suốt sáng.

Đi xa hơn trên Quốc lộ 21 kếp vô Trung Hòa, Kim Châu Phát của người bạn nhỏ Kim Quốc
Khánh, cũng dân Bắc kỳ di cư năm 54 v.v...

Tất cả những con đường tứ hướng đó chồng chất hỗn độn, lầy lội, quằn quại trườn qua những
ven đồi đất đỏ quạch, xuyên qua rừng rùng rùng cao su thẳng tắp, luồn qua những đồn điền cà phê
đậm đặc ngàn xanh tạo nên một bức tranh đầy vẻ mán mọ, rú rít, cô liêu, buồn muồn thuở.

Tôi nhớ hoài những tia nắng màu u uất, thê lương, âm đạm rạch rạch, cào cào, chẻ nát buổi
hoàng hôn, và mưa dầm sùi sụt không chịu tạnh, và rau càng cua mọc hoang bị mưa léo xéo rũ
rượi bên bờ đất dẫn vô buồn Thượng, ám ảnh mãi trong tôi cái cảm giác điều đứng, phé thải,
hoang tàn.

Mãi mãi tôi vẫn còn ớn ớn, sờ sờ, không quên được cái cảnh hai người đàn ông Mường khiêng
võng trùm kín một người bệnh (hay đã chết) cứ như những cô hồn sờ soạn, hoang mê, làm lủi
đi trên con đường lầy lội dưới trời mưa nghiêng.

Và tôi vẫn không quên nổi con dốc dẫn xuống trường Rạng Đông của ông thầy già. Cũng con
dốc chớ đầy những kỷ niệm ấu thơ đó chẳng biết tự bao giờ đã há ra một miệng vực sâu hoắm
ngày đêm gầm gừ tiếng nước đục ngầu chảy xiết, xâm thực đầy vẻ đe dọa. Cỏ tranh bạc đầu
hung hãn xâm chiếm hai bên miệng vực gặp lúc gió mưa lại ngã nghiêng ma quái rạp xuống
miếu đền âm u cất dưới những tàn cây cổ thụ. Ôi đỉnh miếu mỗi cuối tuần không ngớt lạnh lạnh
tiếng chầu văn ai oán kéo cả phưong bát âm gọi hồn đồ dài xuống con suối Đốc Học. Mùi
nhang sung mãn bay khắp, bóng người lên đồng lão đảo, xiêu giạt trong hoàng hôn tím thẫm.
Và tôi vẫn còn nhớ không quên một chuyện vui dưới thời Pháp thuộc. Có lần trong đám lính
Tây đi chợ sáng chợt một "thằng Tây" trẻ trung, vui tính ngoác tôi tới thầy cho một thỏi kẹo
chocolat ngon lành. Tôi luýnh quính chạy ra xa bóc ra ăn mà nhớ đời. Cái cử chỉ hào phóng
của "thằng Tây" buổi sáng hôm đó trước cửa tiệm bán thực phẩm của ngoại tôi ở góc đường
Ama Trang Long và Nguyễn Thái Học

Tôi vẫn nhớ mãi đôi vai nhỏ nhit tôi ngủ ngờ khiêng thời gian lặn lội qua hết thập niên 60 mới
nhận thấy rừng lụi dần, nhường chỗ cho nhà cửa, trường ốc mọc lên xao xác.

Tôi tin chắc rằng mỗi một đời con người chí ít cũng đã nghe qua một lần loại âm thanh nào đó
mà tới chết vẫn không cách gì quên được. Chẳng hạn:

- Những lời thủ thỉ bên tai của người mình yêu.
- Đang đi ngoài phố chợt nghe tiếng người gọi tên mình thật dịu dàng đầy cảm khái.
- Những lời mắng nhiếc nhau tận tình tận lực của hai kẻ tình thù.
- Âm thanh của tiếng gà gáy thuở bình minh bên kia ruộng bắp.
- Âm thanh ma quái của chiêng, trống, cồng đang đêm trong buồn Thượng.
- Âm thanh của tiếng nổ và tiếng người gục xuống ngoài chiến trường.
- Âm thanh ri rí, tỉ tê, ròn rợn, ửng ửng, nghẹn ngào, tru tréo, đau đớn đầy vẻ ma quái của người
vợ Êđê khóc bên xác chồng vừa hy sinh ngoài mặt trận.
- v.v...

Riêng cá nhân người viết cho tới tận bây giờ vẫn còn nghe văng vẳng tiếng vĩ cầm mùi riệu bản
vọng cổ của Ba tôi. Cứ mỗi độ trăng tròn là ông và ly rượu đế lấy đờn ra kéo và ca cầm. Hồi đó
mỗi khi tiếng đờn ngọt ngào, tỉ tê, thê thiết mùi mẫn trở lên là tôi có cảm giác như cả cái trời cái
đất, cả cái rừng cái rú tịch mịch Buôn Ma Thuột và cả cái ánh trăng vành vạnh đang bay trên
cao kia thầy đều sà mình xuống nín thở lắng nghe. Má tôi nói để thâu tiếng đờn của Ba vô băng
nhựa cho con cháu sau này nghe, nhưng tới khi Ba qua đời Má vẫn tiếc hoài vì không thực hiện
được ý muốn của mình.

Cây vĩ cầm và cây long vĩ chúng tở, long trục đó như một con ngựa chiến về già, giờ đây trở
thành một cỗ vật vô danh âm thầm, cam chịu nằm tro tro, đờn chiếc trên đầu tủ sách nhà tôi.
Tuổi của kỷ vật này tính đến nay có hơn 60 niên trường.

Con giống cha, lẽ thường tình cả về thể chất lẫn tinh thần, có điều ông anh tôi không chơi vọng cổ mà tân thời hơn, chơi tây ban cầm cổ điển khá nổi tiếng một thời ở địa phương. Không thu được tiếng đồn của Ba thì anh tôi đã tự thu tiếng đàn của mình vào băng nhựa 60.

Bây giờ cả hai người ruột rà thân thích này đã ra người thiên cổ. Anh tôi tử trận vào Mùa Hè Đỏ Lửa ở Kontum; còn Ba tôi chết vì bệnh buồn: mất nước.

Đó là không gian và thời gian của thăm sâu Buôn Ma Thuột.

Bây giờ là mùa đông tuyết giá nơi quê người, ngày tháng đang trôi dần xuống đáy năm. Thấm thoát lại sắp ừn thêm một cái Tết xa nhà. Tôi rờng rã xa quê cha đất tổ đã gần 30 năm mà chưa một lần trở lại.

Cũng vì cái tội không chịu tìm về nên mỗi cái Tết kề cận, tôi và nỗi nhà lại âm thầm thao thức gặm mòn nhau trong một góc nhớ.

Phan Ni Tấn ND, câu thơ về Khiêm với Lân Luân Hoán

Nếu mỗi ngày được quen biết thêm một người, và trong số mười người quen biết có một người trở thành bạn thân thì thật thú vị. Tôi chưa được như vậy. Nhưng gia tài bằng hữu của tôi càng ngày càng phong phú. Một trong những khuôn mặt tôi được thân thiết sau 1975, tại hải ngoại là một người làm thơ, viết nhạc, thành danh cả hai bộ môn nghệ thuật: anh Phan Ni Tấn. Anh dùng bút danh chính Phan Ni Tấn ND, và ký thêm Nhị Đông trong nhiều bút ký.

Phan Ni Tấn đặt tiếng thơ vào đời sống từ ngày 06 tháng 3 năm 1948 tại Cần Giuộc. Tuổi ấu thơ phơi phới giữa thành phố núi Ban Mê Thuột. Âm thanh của rừng của suối cùng tiếng đàn vĩ cầm sắc ngọt của nghệ sĩ Ba Lô đã trở thành gia vị trong mọi món ăn, nuôi dưỡng Phan Ni Tấn trưởng thành. Người nghệ sĩ chuyên sử dụng *violon* trình tấu những bản cổ nhạc cho đoàn Út Bạch Lan, Thành Được thời ấy, chính là thân phụ của cậu bé họ Phan. Giàu chất bổ dưỡng quý hiếm như vậy, nhưng năm 1960, Phan Ni Tấn đã vội vã xuống núi, khi mới bắt đầu bước vào bậc trung học trường Ban Mê Thuột được một tháng bốn ngày. Thủ đô Sài Gòn đã cưu mang anh qua hết bậc trung học, vào đại học Văn khoa, vào Quốc gia Âm nhạc và Kịch nghệ và cuối cùng trở thành một sĩ quan của quân lực Việt Nam Cộng Hòa, từ là Thủ Đức. Chặng đời binh nghiệp của anh kéo dài được năm năm, để có thêm một năm học hiểu sâu sắc về một chế độ. Những ưu việt quang vinh của một đảng lãnh đạo, đã không cầm được chân người yêu chuộng tự do. Phan Ni Tấn đến Thái Lan năm 1979 rồi đến vùng Downsview thuộc thành phố Toronto, tỉnh bang Ontario của Canada lập nghiệp.

Những người yêu thích thiên nhiên, thường ưa đi đây đi đó. Phan Ni Tấn từng bày tỏ cái thú của mình:

... “*Thuở nhỏ tôi vốn đã thích cái hoang dã của đồng ruộng hay vẻ man dại của núi rừng lúc hoàng hôn. Một tiếng chim kêu chiều, một tà sương khói vv... bao giờ cũng làm tôi mất nhiều thì giờ theo dõi, lắng nghe. Lớn lên tôi lại nổi máu giang hồ vật, rày đây mai đó. Mây trời, cỏ cây, chim chóc và những con đường, tất cả là bạn của tôi một thời. Những lần có dịp ra đi, tôi vẫn thường dọn mình để làm kẻ “dạ hành” trong một chuyến xe hàng, hay trên một chuyến tàu đêm. Phải chăng sự sinh ra và lớn lên giữa núi rừng cao nguyên đã ảnh hưởng phần nào (hay sâu đậm) nội tâm tôi cho mãi tới bây giờ...”*

(chuyện Bằng Hữu, tạp chí Sóng, số 61 tháng 6-1987)

Có thể nhờ tâm hồn và cặp chân biết lang thang nên Phan Ni Tấn sớm là một thành viên của phong trào Du Ca Việt Nam. Đi nhiều thường có cơ hội yêu nhiều. Phan Ni Tấn cũng vậy. Nhưng tình cảm của anh không san sẻ đồng đều. Anh dành nhiều cho thiên nhiên, cho cuộc sống ngay trong thời kỳ nên biết tưởng nhớ mùi hương con gái. Chính Tấn đã thú thật trong một tự sự mở vào tuyển tập Tình Khúc Phan Ni Tấn (xuất bản năm 2004):

“Viết nhạc khi bước vào ngưỡng cửa Đại học Khoa học Sài Gòn năm 1969. Qua năm thứ hai rớt, nhập ngũ trường Sĩ quan Trừ bị Thủ Đức khóa 1/1971. Ra trường sống sót trong chiến tranh cho đến ngày mất nước. Thời đó nhìn ra chung quanh vòng tay vẫn trống vắng “người con gái Việt Nam Da Vàng”. Chỉ mang bầu nhiệt huyết của một anh sinh viên đại học, sau này là lính mà viết ra những loại nhạc đấu tranh trên dưới 100 bài. Đó là lý do tại sao ngày nay tôi không có nhiều thể loại tình ca đôi lứa..”

Phan Ni Tấn không cần phải thanh minh: *“Tuy nhiên nói như vậy không có nghĩa hồn mình là sỏi đá”*. Bởi sáng tác những ca khúc có nội dung về chiến cuộc, về quê hương, thân phận con người... đã là người có tâm hồn giàu rung cảm, biết khóc, biết cười trước mỗi tình huống của cuộc đời. Tình yêu nam nữ có thể là tình tốt đẹp, cần thiết nhất của một đời người, nhưng cái thú tình tuyệt vời này thường không thể phát triển trước những loại cảm tình khác. Phan Ni Tấn đã biết chờ để được lãnh thưởng vào ngày 10 tháng 5 năm 1986 tại thành phố Toronto. Ngày ấy là ngày mỹ nữ Châu Khả Khiếm, với hai dòng máu Hoa Việt trở thành người chăm sóc suốt đời cho nhà thơ kiêm nhạc sĩ Phan Ni Tấn ND. Hình đám cưới, phóng lớn treo tại phòng khách căn nhà đã mua đứt, trên đường Shoreham Dr Downsview, tôi thấy có các nhà thơ, văn Bắc Phong, Cung Vũ, Nguyễn Ngọc Ngạn... Dĩ nhiên chưa thể có bản mặt tôi vì lúc bấy giờ tôi mới chỉ là một độc giả của anh.

Phan Ni Tấn sáng tác nhiều, thơ anh đăng trên hầu hết các tạp chí văn học tại hải ngoại. Tôi gặp tên anh ở Văn Học Nghệ Thuật, Văn Học, Văn, Làng Văn, Sóng, Độc Lập, Hợp Lưu, Hồn Việt... ở Pháp, ở Úc, ở Canada, ở Mỹ... nơi nào cũng có tên Phan Ni Tấn, không thơ, thì nhạc. Cái tên Phan Ni Tấn ND cứ vậy lừng lừng đi vào trí nhớ tôi, tâm hồn tôi, cho đến một hôm, anh bạn tài hoa ấy, bấm chuông cái ổ chuột tôi thuê trên đường Bourret thành phố Montréal. Ngày hôm ấy là ngày 18 tháng 4 năm 1987, tôi được gặp một nghệ sĩ ốm yếu, thấp nhỏ hơn cả tôi. Hầu hết những người khách, người bạn, có lòng ghé thăm tôi đều được hưởng chung một chế độ đón tiếp dưới cả sự đơn giản. Nếu không có chị Lý của tôi ở nhà, thì không chừng thiếu cả nước uống. Thuốc lá, bia rượu hẳn nhiên không có. Nhưng tôi là người tuyệt vời hiếu khách, biết lắng nghe, ghi nhận hơn là biết nói. Tấm lòng tôi mở ra trong im lặng từ tốn và rất mực trang trọng. Tôi từng có ý định lập một cuốn “sổ vàng” xin chữ ký những người ghé thăm, nhưng thấy ký kỳ làm sao nên không thực hiện được, rất tiếc.

Lần đầu tiếp đón người bạn mới Phan Ni Tấn, tôi vẫn thiếu trà ấm, bánh ngọt dù có hẹn trước. Nhớ về cuộc hội ngộ này, Phan Ni Tấn viết:

“...Nhớ lần đầu tiên từ Toronto đi Montréal, tôi đã tới thẳng nhà Luân Hoán sau khi đã hẹn với anh. Tới nay tôi vẫn còn hình dung được buổi sơ ngộ này. Từ phòng ngủ chậm rãi bước ra là một dáng người gầy nhom, quã đúng như anh tự vẽ: “ốm nhom như con cò ma / phát phơ giữa cõi thi ca tối ngầy”. Tuy anh không mang vóc dáng như tôi mường tượng, song dung nhan không đến nỗi: “râu lờm chớm tóc rể tre lộn xộn”... Một con người khắc khổ khô héo đã mang tên tuổi mình đi vào thế giới thi ca bằng một di sản thơ khá đồ sộ. Vậy mà anh

vấn tỏ ra khiêm tốn, nói năng điềm đạm...” (Chân Dung Thơ Luân Hoán, trang 206). Cảm ơn Phan Ni Tấn đã ngợi khen. Sự giao tình giữa hai chúng tôi thật ra đã khởi sự qua thư từ, sau khi Tấn tìm thấy hứng để phổ nhạc bài Quả Mít Vườn Mẹ. Cũng như nhiều người, tôi yêu thích âm nhạc, được quen biết với một số nhạc sĩ, nhưng đi sâu vào vấn đề sáng tác của bộ môn này thì tôi mù tịt. Phan Ni Tấn tiết lộ công việc phổ nhạc của anh như sau:

“...Tôi đã từng phổ nhạc từ thơ của nhiều tác giả trong nước trước 1975 cũng như ngoài nước sau này. Nhưng riêng trường hợp Luân Hoán, tôi phải đợi tới 14 năm sau mới có dịp phổ biến nhạc của tôi qua những dòng thơ chuyển hướng của anh. Và đương nhiên, bản nhạc đầu tiên tôi phổ thơ Luân Hoán là bản Quả Mít Vườn Mẹ, cùng tên với bài thơ. Nguyên bài gồm 20 câu, khi phổ nhạc tôi chia làm hai phần dựa theo hơi thơ, giọng kể và tiết điệu của bài thơ. Dĩ nhiên tôi phải thận trọng việc sáng tác sao cho sự trầm bổng của ca khúc được hài hòa và cân phương cần thiết. Mặc dù ngày nay phần lớn những ca khúc tân thời đã phá luật cân phương, cổ điển này...”

Phổ xong bài thơ, Phan Ni Tấn thu vào băng gởi cho tôi kèm theo mấy dòng:
Bốn ngày sau, ngày 15 tháng 8 năm 1986. Tôi nhận thêm một lá thư của Tấn, nội dung:

“Kính gởi Anh Luân Hoán,

Hôm qua nhận được tờ Văn Học, cảm bài Khiêng Nước nên hát thành bài gởi anh. Cuộn băng có hai bài của anh do Nguyễn Hữu Nghĩa và tôi hát (tài tử) và hai bài thơ của Cung Vũ (tức Nghĩa) và Bắc Phong, sẵn thu luôn cho anh nghe cho vui. Cũng trong tờ Văn Học đọc mới biết anh sắp ra một tập thơ (!) Vậy nếu anh hài lòng thì kèm theo một trong hai bản nhạc phổ thơ anh trong tập thơ. Nhạc thơ nuôi dưỡng nhau đọc ra rồi hát lên nghe cũng cảm động lắm vậy.

*Cuối thư, chúc anh vui nhiều. Thăm chị và các cháu.
Tình thân, Phan Ni Tấn”.*

Bài thơ Quả Mít Vườn Mẹ thật ra không có chữ “hai” hay chữ “hái” gì đứng phía trước. Không hiểu sao tạp chí Nhân Văn nhầm lẫn. Nhưng chẳng sao. Bài thơ có tính cách thời sự nên không thể có tuổi thọ cao. Trái lại bài Khiêng Nước, tôi viết bằng chất liệu thật với cả tấm lòng tha thiết nên gây được sự xúc động lâu dài. Phan Ni Tấn phổ nhạc bài này rất thành công. Giọng anh hát cũng rất truyền cảm, tôi rất thích. Bài thơ phổ nhạc từ đó thường được Phan Ni Tấn hát một mình hoặc hát cùng nhà thơ Bắc Phong trong rất nhiều dịp sinh hoạt. Hát nhiều đến nỗi có bạn đùa: *“Khiêng nước mãi không mỏi hay sao?”*. Ca khúc này, theo Phan Ni Tấn cho biết lẽ ra ca sĩ Phi Nhung đã phổ biến trong video Thúy Nga Paris, với hoạt cảnh nghiêm chỉnh, nhưng đến phút chót, có một đề nghị thay đổi nhỏ, Phan Ni Tấn không đồng ý, nên được xếp lại. Các bạn có thể nghe ca khúc này tại trang nhà luanhoan hoặc trong CD tuyển tập ca khúc Phan Ni Tấn, có tên Sinh Nhật Cây Đàn qua giọng ca Ngọc Huy.

Nói về chuyện âm nhạc, không thể quên nhắc, Phan Ni Tấn là một nhạc sĩ, sinh hoạt tích cực trong giai đoạn đầu của phong trào Hưng Ca Việt Nam tại hải ngoại, Anh giữ vai Phó Chủ tịch Nội vụ, bên cạnh Chủ tịch phong trào, nhà văn Hà Thúc Sinh. Phan Ni Tấn đã cùng các bạn Khúc Lan, Nguyệt Ánh, Hà Thúc Sinh, Nguyễn Hữu Nghĩa...đi và hát rất nhiều nơi trên thế giới. Tài năng và tâm huyết của những ca nhạc sĩ này sẽ được ghi nhận mãi trong sinh hoạt văn học nghệ thuật của người Việt, dù xa xứ hay không, sau này.

Phan Ni Tấn đã có lòng thăm ỏ chuột của tôi. Hẳn nhiên tôi vẫn nuôi hy vọng có dịp thăm Phan gia trang của anh, nhất là ngắm mặt quý tử nam nhi của Tấn Khiêm, đã ra đời ngày 01 tháng 01 năm 1989, cùng tháng sinh nhật với tôi, nhưng chỉ sau 48 năm. Dịp đó được thực hiện năm 1991, khi cháu Phan Châu Lâm được 2 tuổi. Chuyến đi thăm bạn, cũng là lần đi thăm thành phố Toronto đầu tiên của tôi. Nhưng không phải mất tiền xe tàu, tiền ăn ngủ. Phương tiện di chuyển là chiếc Chevrolet hai cửa của nhà văn Nguyễn Đông Ngạc. Khách hàng của Ngạc gồm chị Nguyễn Ngọc, vợ chồng tôi và nhiếp ảnh gia Lê Quang Xuân. Lý do phụ của chuyến đi: tham dự đại hội Văn Bút Hải Ngoại để bình bầu ban chấp hành mới. Tổ chức Văn Bút vào những năm này còn khá nghiêm chỉnh. Đại hội Văn Bút do đó còn thu hút được một số những người có lòng với chữ nghĩa tham dự.

Ông tài xế Ngạc không vội vã, tôi cũng không mấy mặn mà với chuyện hội họp, nên chúng tôi tà tà. Thêm vào đó sự cù rữ của ống kính Lê Quang Xuân, chúng tôi dừng lại nhiều nơi trên đường, ghé lại nhiều điểm rực rỡ lá phong mùa thu để chụp hình. Đến nơi không trễ lắm, cuộc họp chỉ mới sắp sửa kết thúc. Tôi còn kịp gặp nhà văn Nguyễn Văn Sâm, nhà báo Ngô Vương Toại, nhà báo Nguyễn Tăng Chương, nhà thơ Viên Linh, nhà thơ Vi Khuê... và một vài bạn văn đã quen tên, có liên lạc qua thư từ.

Đảm nhiệm Văn Bút thay ề kíp Nguyễn Ngọc Ngạn cho nhiệm kỳ 91-93 là Trang Châu, Trương Anh Thụy, Viên Linh, Võ Kỳ Điền, Lâm Công Quận... Một bữa ăn không biết ai đãi, được tổ chức tại nhà hàng Việt Nam của ông Nguyễn Văn Tiết, cựu dân biểu Việt Nam Cộng Hòa. Chúng tôi có hân hạnh đến dùng bữa. Đây là lần đầu tiên tôi thấy nàng thơ của bạn Cung Vũ, chị Nguyễn Hương, và “người đi bên cạnh cuộc đời” của nhà văn Nguyễn Ngọc Ngạn. Cả hai kiểu đều còn tươi mát, hiền thực lắm.

Ngày hôm sau, chúng tôi tham quan phố Tàu Toronto. Tôi phải thành thật giật mình và thán phục người bạn Trung Hoa. Ở phần đất nào trên thế giới họ cũng mau chóng đi từ tiểu thương lên đại thương và có thể là gian thương một cách ngoạn mục. Phố Tàu Toronto lớn gấp mười phố Tàu Montréal. Nhiều người cho rằng phố Tàu Montréal bé nhỏ không phải vì sự yếu kém của quý ngài *Các Chú* tại đây, mà vì sự kèm chân phát triển của nhà cầm quyền thành phố. Hư thực ra sao không rõ.

Đạo phố Tàu Toronto nhớ Chợ Lớn vô cùng. Đây có thể là một gợi hứng cho một bài thơ, nhưng chưa thấy ai khai thác. Thật tiếc cho những nhà thơ có dịp “*nhìn tổ quốc từ xa*”. Có cần phác thảo vài nét về phố Tàu Toronto không? Tôi nghĩ, không cần thiết lắm. Chuyện buôn bán, cách chào hàng, vị trí, sắp xếp, bài trí vân vân và vân vân của người Tàu đâu đâu cũng na ná như nhau. Một đồng dạng phát triển rất hay, rất hữu hiệu. Dồi dào hàng hóa, lỏe loẹt, lộn xộn thêm một chút nhem nhốc, cùng với nhiệt tình, nhã nhặn, chiều khách, tinh tảo...rõ là một phố Tàu.

Tối hôm đó chúng tôi được người bạn thơ Phan Ni Tấn lo phần ăn ngủ. Ông bạn thơ của tôi lúc này, mới được chị Châu Khả Khiêm vỗ béo, chưa phát tướng lắm. Có một điều rất đáng ghi nhận: những bạn văn thơ của tôi, người nào có hiền thê người gốc Hoa, đều rất chỉnh tề trên đường kinh tế, như Thái Tú Hạp, Phan Xuân Sinh, Nguyễn Đức Bạt Ngàn...Nhạc sĩ Phan Ni Tấn cũng không ngoại lệ. Và chúng tôi, những người ham chơi có nhiều dịp thù tạc với anh tới chỉ mà khỏi lo ngại những chuyện bên lề. Lòng hiếu khách của ông bà Phan Kiêm vẫn tràn đầy đến bây giờ. Riêng đêm đó, trong cuộc rượu của Phan gia trang, tôi được gặp hai bằng hữu mới toanh:

Thụy Khanh, nhà thơ, cựu tiếp viên hàng không Việt Nam, cư ngụ tại Pháp. Môi còn thắm, mắt còn tinh. Tôi đứng chụp chung một tấm hình, không hiểu sao cứ thấy run. Cơn run kéo dài trong những thư từ qua lại thăm hỏi về sau.

Nguyễn Tấn Hưng, nhà văn, chuyên trị chữ “Một” đi đầu những tác phẩm. Bạn tự xưng là ông trùm. Nhưng nhìn ra chỉ là một nghệ sĩ. Không rõ cảm cúm ra sao, đêm đó, Hưng vừa biểu diễn những ca khúc của mình, vừa...rớt nước mũi.

Tổng kết chuyến đi, tôi thu hoạch khả quan thấy rõ, dù không biết nội dung cuộc Đại hội Văn bút có những gì. Sau nghe nói có thuyết trình, có ngâm thơ, có cả giáo sư Lê Hữu Mục (đến từ Montréal) làm nhạc trưởng và cùng hát một ca khúc gì đó. Tôi thấy tiếc và giận mình. Lẽ ra tôi đã có cơ hội lên sân nói, ngâm chơi mấy bài thơ, cho bỏ những năm ngậm miệng. Hú hồn cho quý quan khách, thính giả !

Sau năm ghé thăm gia đình Phan Ni Tấn lần đầu tiên, tôi thật sự chưa biết rõ mặt thành phố Toronto. Một thành phố lớn nhất nước Canada và chỉ xếp liền sau lưng thủ đô thế giới, thành phố New York của Hoa Kỳ. Thiếu sót của tôi là động cơ chính cho những lần tôi ghé Toronto sau này, dù mục đích thăm viếng có đi kèm theo một lý do đặc biệt nào đó. Đến một thành phố không cư ngụ thường trực là một lý thú, riêng tôi, không bao giờ nhàm chán. Tôi đã mang cả gia đình đến quây rầy Phan gia trang nhiều lần. Tình cảm giữa chị Khiêm và Lý, vợ tôi, rất tốt đẹp. Lòng hiếu khách thật sự của một người có lẽ bao giờ cũng được thể hiện đồng đều không phân biệt. Những bạn đến thăm nhà Phan Ni Tấn chắc chắn ai cũng là thượng khách cả. Chúng tôi đương nhiên được hưởng qui chế đón tiếp nồng hậu một cách bình thường, tự nhiên của cặp vợ chồng, chăm lo nấu nướng, làm bánh, bỏ mồi si khắp nơi trong thành phố, bành trướng đến cả Montréal, Windsor... Tài nấu nướng của chị Khiêm có thể đã cao thêm tay nghề, nhờ sự xuất hiện bất ngờ của bằng hữu, một phần đầy nhé. Riêng đại gia đình chúng tôi ngoài chuyện được ăn những món ngon, lạ miệng, ông bà chủ nhân còn chiêu đãi trong các nhà hàng được đa số thực khách tán thưởng. Ăn rồi dạo chơi là điều đương nhiên. Tòà lâu đài Casa Loma, đường bờ hồ Lake Shore, tháp CN Tower... chúng tôi lần lượt viếng thăm qua sự dẫn dắt và diễn giảng rất tận tình của hai bạn Tấn Khiêm. Bách, con trai út tôi, rất khoái khi vào Exhibition (Canadian National Exhibition). Trong vườn mỹ thuật này trưng bày rất nhiều tượng điêu khắc. Chúng tôi cũng được hướng dẫn đến tận thác Niagara. Tại giải thác nổi tiếng này, những lần sau, với nhạc phụ, với Bình Chính, Bích Dũng, Vincent, Lyna, William, chúng tôi mang về tận Montréal những chiếc áo mưa màu vàng sau khi xuống cận kề ngọn thác, những chiếc áo mưa màu xanh sau khi theo con tàu lướt trên dòng nước. Bãi cỏ, công viên, tượng đá, cửa hàng, rạp chiếu phim, căn nhà ma, những trò chơi... đều bị chúng tôi quên về hết bằng phim ảnh. Cuộc đời lưu lạc, hình như đã đến lúc hết những giờ phiền muộn, nhường phần ưu tiên cho những thông thả vui vẻ.

Gia đình chúng tôi đến thăm Tấn được sẵn sóc nồng nhiệt như vậy. Nhưng sau này nhiều lần anh chị ghé lên tôi, vẫn phải chịu những bực mình. Tôi nhớ hôm Tấn Khiêm lên dự hôn lễ của con gái thứ của tôi. Cẩn thận tôi gọi vợ chồng cô trưởng nữ đến ngủ tạm nhà bố mẹ, để nhường cái áp cho gia đình Tấn Khiêm có một đêm thoải mái. Không ngờ cái ổ khóa thuộc loại hơi có chút tối tân, các cháu không chỉ dẫn. Tấn cũng không biết mã số mở tự động. Hai vợ chồng cùng cậu con phải ngả lưng tạm trong lòng xe Sprinter Cargo Van của Tấn. Một lần khác, khi gia đình tôi đã có nhà mới, Tấn cùng Bắc Phong lên dự đám cưới con gái anh Song Thao. Tôi đã dành cho Tấn phòng ngủ của tôi, khá rộng và tiện nghi. Nhưng Tấn vẫn thức trắng đêm. Hóa ra anh không chịu được mùi thuốc lá từ phòng con trai út tôi, cách xa trên 3 mét, xuyên qua hai cánh cửa phòng để phá anh. Thật đáng tiếc. Những lần ghé lên thăm như vậy, Tấn Khiêm thường mang cho tôi quà. Nhiều nhất là các

loại bánh ngọt do chính tay chị làm ra. Có một lần anh chị cho một bộ chén trà rất xinh, tôi quý lắm. Nhưng một hôm “pha trà vào bình bạn cho/ vụng tay, vôi sút, buồn xo mấy ngày/ thương bình yếu mệnh, loay hoay/ nấn vôi, tưởng vết đứt tay bạn hiền (Mời Em Lên Ngựa).

Năm 1988, Phan Ni Tấn cho xuất bản tập Hồi Ký Thơ. Tập thơ dày 128 trang, giấy tốt. Bìa là một bản vẽ của họa sĩ Võ Đình, được trình bày tổng quát bởi Dương Thượng Ngã, một bút hiệu khác của ông chủ tạp chí Làng Văn Nguyễn Hữu Nghĩa. Tập thơ có lời đề bạt của nhà thơ Đỗ Quý Toàn, gọn nhẹ nhưng bao quát:

... “Khi viết về quê hương, Phan Ni Tấn có giọng trầm buồn. Nhưng không tuyệt vọng. Mà vẫn thiết tha. Rất nhiều khi dí dỏm. Một nhà thơ đương thời ở Montréal, Michel Garneum mới nói: La seule chose que je peux rêver de faire pour le Québec, c’est d’être un bon poète”. Điều tôi mơ ước làm được cho quê hương tôi, là làm một thi sĩ, làm thơ cho hay. Phan Ni Tấn cũng đang thực hiện những ước mơ của chàng cho quê hương...”.

Điểm trang cho nhan sắc tập thơ là bàn tay giàu hoa tay Nguyễn Nhật Tân, cùng bức chân dung được bấm máy bởi danh tài nhiếp ảnh Trần Cao Lĩnh. Nhưng hãy còn thiếu sót so với dự định của tác giả. Tấn viết cho tôi mấy dòng gởi kèm tập thơ:

... “Gởi anh tập thơ đọc chơi. Tưởng có bản nhạc Hà Thúc Sinh phổ kèm theo, cuối cùng lại không. Mất vui. Mất lòng. Đôi khi người ta không “ái” nhau làm anh lảng giềng ở giữa bị kẹt... Tháng 9/88”.

Tôi vừa buồn cho Tấn, vừa không vui vì bè bạn. Trong sinh hoạt chữ nghĩa, tôi may mắn được quen biết người này một chút, người kia một chút. Bè bạn thường đến với nhau bằng cái tâm. Một tin bất hòa như là một mất mát, một lỏng lẻo, bản khoản đến mấy ngày.

Trở lại với Hồi Ký Thơ. Đúng như tên gọi của nó. Cuốn sách có nội dung rất là hồi ký. Một hồi ký không chỉ ghi riêng về những chặng đời của tác giả, mà còn phản ánh trung thực cho cả một thế hệ thanh xuân của những thập niên 60, 70. Quê hương, cuộc chiến cùng thân phận con người nhức nhối được thả nổi trong ngôn từ. Phan Ni Tấn viết rất linh hoạt trong từng giai đoạn. Ở vào tuổi thanh niên, bạn nào không từng trải qua những ngày tháng ở quân trường:

“Hôm nay lễ gắn Alpha/ diện đồ tiểu lễ mình ra xếp hàng/ Vũ Đình Trường nắng chang chang/ mà sao mình vẫn thấy man mát trời” (Lễ gắn Alpha)

“Ra trường mà đi lính gì ?/- nhất định là lính rằn ri! còn mà ?/ - tao thì quân cảnh, tối ngày/ tìm ba thằng lính như mà, nhốt chơi” (Tâm Sự Lính).

Rời lò luyện thép, những bênh bồng này đâu dễ quên:

“Chờ bắc ở bến Ninh Kiều / Gió về thổi ướt cả chiều dưới sông / ta như bèo nước bênh bồng/ mấy năm đi biệt mà không về nhà / những thằng sống sót trận qua/ chiều nay đợi chuyến bắc ra chiến trường”. (Bắc Cần Thơ)

“Xe lên tới đỉnh Mụ Già/ trên cao trời đất bao la vô cùng/ ngọc hồn ta giữa muôn trùng / lũng sương mây đọng trắng vùng sơn lâm/ dưới sâu cây đứng nghìn năm/ chìm trên đèo thẳm âm âm bóng chiều/ theo xe ta xuống thôn nghèo/ hồn còn vất vẻo giữa đèo hoang vu” (Qua Đèo Mụ Già)

“Giọt máu trên cọng cỏ mềm/ của ai không biết nằm im như tờ/ đặng xa sau lớp bụi mờ/ mới nhìn tôi tưởng con cò thí thân” (Quáng Gà).

Phần thường cho những nỗ lực phụng sự tổ quốc, dù lạc quan vẫn phải chấp nhận những hình ảnh bi quan:

“khắc trên mộ chí tiêu điều/ tên anh tôi đó đã nhiều xót xa/ trời làm gió nổi mưa sa/ nghìn sau lau lách xuyên qua mộ người” (Lập Bia)

“Anh tôi chết trận Lệ Trung/ mùa hè đỏ lửa nổ tung chiến trường/ tôi chơi thân tử buông tuồng/ nghe tin anh chết có buồn gì đâu” (Tên Ngồi Làng Nhỏ)

“Anh đi lành lặn thịt xương/ ra chôn sa trường năm ấy mùa khô/ đánh giặc cho tới mùa mưa/ anh về trong bộ xương khô khóc buồn” (Nỗi Buồn)

Và rồi một kết quả bất ngờ, cũng chẳng dễ gì phai nhòa trong ký ức:

“Trên đồng cạn/ dưới đồng sâu/ bọ tù hì hực thay trâu kéo cày/ mưa nhè nhẹ/ mưa bay bay/ thân tù, thân tội kéo cày thay trâu” (Bọ Trâu Người)

“Lạc lè lên dốc xuống đồi/ đoàn tù gánh củi dưới trời mưa bay/ về ngang qua nghĩa trang này/ mồ con Hai chết mấy ngày còn tươi/ tác yêu tác quái một thời/ đổi đời/ cải tạo làm người hoàn lương/ vì không quen gánh đoạn trường/ vượt ngục / bị bắn giữa đường oan khiên/ thôi em/ sống chỉ thêm phiền/ chết là lối thoát về miền tự do/ ngủ đi, ngủ nhé, vào mơ..” (Nữ Tù LTH)

Dĩ nhiên trường “cải tạo” cũng phải có ngày đóng cửa. Những ngày tháng tiếp theo, tùy nghi hoàn cảnh để có những hướng tiến thân mới:

“Vùng kinh tế mới xa ca/ có bầy muối độc bay ra bay vào/ lam sơn chướng khí ào ào/ đón người mạnh giỏi đi vào ốm đau” (Vùng Kinh Tế Mới Đồng Tâm)

“Đến lúc hết thuốc chữa rồi/ thì đành bấm bụng theo người vượt biên/ đêm ngày lặn lội như điên/ tay chân tôi chạm tới miền tự do” (Vượt Biên).

Dĩ nhiên tập thơ không chỉ viết với thể lục bát. Bảy chữ, tám chữ, ngũ ngôn đều có đủ, nhưng tôi chỉ lược ra những di dỏm của lục bát Phan Ni Tấn. Đây là thể loại anh dùng nhiều nhất ở tập thơ này.

Năm 1996, cơ sở tạp chí Nhân Văn cho phát hành tập thơ thứ hai của Phan Ni Tấn. Với 126 trang giấy màu mỡ gà, Phan Ni Tấn gửi đến bạn đọc những bài thơ được mang một tên chung: “Câu Thơ Về Người”. Lần in thơ này, Phan Ni Tấn giao cho tôi một trách nhiệm có thể nói là hơi quá sức. Nhưng trân trọng tình bạn, tôi đã cố gắng hết sức để ba hoa thành một bản chữ “Trái Hoa” cho những bước thơ của Tấn:

“ Có người không làm thơ không biết phải làm gì. Chẳng lẽ chỉ rong chơi để lấp hết khúc đời còn lại, để chừng còn kéo dài đến vài thập niên. Làm thơ như vậy kể như một cứu rỗi. Nhưng cũng có người bộn bề công việc. Lúc ở sở, lúc ở nhà, lúc thù tiếp bạn rượu, lúc ca hát, lúc đưa vợ con dạo phố phường, lúc... lúc... Lu bù như thế mà vẫn làm thơ liên tu bất tận, quả là một tay cự phách trong làng chơi thơ. Không biết thơ, những thơ ở từ đâu ra? Ở trong cái đầu? Ở trong cái bụng? Hay ở trong những cái lỗ chân lông? Có lẽ trên

khắp phần thân thể của con người thi sĩ thứ thiệt, chỗ nào cũng có thơ. Có người chỉ cần véo nhẹ vào một chỗ nào đó trên da thịt cũng đủ bung ra hương rượu, ví như anh chàng Phạm Nhuận (*em bữa nọ véo đùa chơi một cái, rượu bung da thơm ngát chỗ đang nằm – Luân Hoán*) thì cũng có người, chỉ cần mon men tiếp giáp với vùng hơi thở của mình đã nghe thơm ngát hương thơ. Người đó đâu phải ai xa lạ. Đó chính là cha đẻ tập Hồi Ký Thơ đạo nào. Và cũng là người đang gởi cho chúng ta những Câu Thơ Về Người hôm nay.

Phan Ni Tấn, nhà thơ hiền hậu ấy vẫn luôn luôn viết cạnh quý danh của anh chữ N.D. bí mật. Nhiều bạn văn cho rằng đó là tên gọi của một người tình lỡ của “chàng”. Có thể là Ngọc Dung? Như Diệu? Nhã Duyên? Cũng có bạn tinh nghịch cho rằng hai chữ đó, nhà thơ gói ghém cái biệt tính của mình như “nhảy dù”, “ngủ dai”, hoặc tục hơn chút đỉnh, không chừng. Riêng tôi, mãi đến nay, N.D. vẫn chỉ một mình Phan Ni Tấn hiểu. Người đẹp Châu Khả Khiếm và cậu bé Phan Châu Lân chưa chắc đã được tiết lộ. Thôi, chúng ta cũng tạm nên cho đó là một khối kỷ niệm, có vui, có buồn của một nhà thơ giàu trôi nổi, của một nhạc sĩ có những sáng tác sắc sảo, vững vàng.

Tạm gác cái gia tài âm nhạc của Phan Ni Tấn, để vào thăm cái sản nghiệp thơ của anh, ta bắt gặp ngay một trái tim thiết tha với đời. Thơ, từ đó đã trở ra từng ngọn, từng cụm, từng chùm, từng núi. Mà kỳ lạ thay khi thông dong thường ngoạn, những định hình ngọn, chùm, núi... của ngôn ngữ chỉ thuần nhất là một cõi hương. Có nên phân chất một mùi hương, nhất là hương thơ?

Phan Ni Tấn N.D. làm thơ dễ dàng nhưng không dễ dãi như tôi – hơn tôi một điểm. Phan Ni Tấn N.D. là một người cởi mở, luôn luôn hòa mình với đám đông – hơn tôi một điểm nữa. Giới thiệu một nhà thơ có nhiều ưu điểm hơn mình như thế, quả tôi có chút lọng cọng. Khi Phan Ni Tấn N.D. từ Toronto gọi đề nghị tôi phải viết một cái gì đó cho Câu Thơ Về Người, tôi cảm thấy ngại ngùng. Nhưng cái ám áp của những ngọn khói trà mỗi lần có dịp ghé Phan gia trang như vẫn đầy trong lòng. Và cái âm giọng “dzậy xao” thật đặc biệt vẫn vang mãi bên tai, khi chợt nhớ về người bạn thơ, từng để cửa chờ mình mà chỉ thấy trắng lên bên “oan hồn chai rượu trắng”. Biết không thể làm phật lòng bạn vàng, tôi gọn nhẹ: “Được thôi”. Nhưng khi Tấn hỏi: “Anh viết tựa hay viết bạt?”, tôi băn khoăn. Tựa làm sao? Mà bạt ra sao? Công việc hiển hách này phải từ cái thơm tay, quen tay của các anh Mai Thảo, Nguyễn Sa, Đỗ Quý Toàn, Võ Phiến thì mới phải. Tôi nói: “Tấn cứ gởi bản thảo lên, mình sẽ có quyết định sau.” Và liền sau câu nói này tôi đã thầm biết mình sẽ phải ba hoa trong một số chữ nghĩa mang tên là tựa. Phần việc trải hoa này có phần đơn giản, hợp với cái tính lười của mình. Tôi nghĩ thế và cố tình quên đi đã từng nghe đâu đó: “*Cái tựa của một quyển sách rất quan trọng.*”

Theo tôi, cho dẫu có quan trọng đến cỡ nào đi nữa, chắc chắn nó cũng không thể qua mặt được cái nội dung thực tế của một tác phẩm. Cái nội dung hồng hào da thịt của Phan Ni Tấn N.D. từng trần trở cưu mang đang ở liền ngay sau bài viết vớ vẩn này.

Xin thân ái mời quý bạn vào thăm: miếng lòng, miếng tình, miếng thơ của một người đã vẽ được chân dung mình một cách trung thực:

Khi thiết thơm người, thơm quần, thơm áo
sẽ ngoe nguẩy ra ngoài nắng trong veo
ngắt một cành bông ngời nhai trệu trạo
rồi hóa thành chim xòe cánh bay vào

...

hay làm mưa bay nghiêng qua sợi tóc
của những cô em còn rất Việt Nam
dấu giấy tùy thân còn rõ ràng ngoại quốc
mà núi sông nào vẫn giấu trong tâm

...

nói đừng cười nha em đài em các
hết nửa đời anh ở núi ở rừng
nên anh quê mùa tính anh chất phác
nói tới yêu đương thì lại nhát gừng

...

bây giờ qua đây lòng anh vẫn vậy
vẫn cứ như gương một tấm sạch boong
hồn anh đơn sơ như là trang giấy
sống hồng gì hơn ngoài một tấm lòng

(thơ Phan Ni Tấn ND)

Tài vật của tôi quả không đủ giới thiệu nét tinh xảo của một tập thơ gồm 53 bài, đủ thể loại, diễn tả tình yêu, tình bạn, tình quê hương, tình người, tình đời. Nhà văn Trang Châu đã thay tôi làm công việc này. Trong lời bạt, anh viết:

... "Tâm sự Phan Ni Tấn trong Câu Thơ Về Người tóm gọn là tâm tư của một người tìm quên, tìm quên và tìm về. Tìm quên không phải quên khá khứ mà quên hiện tại..."

... Thơ Phan Ni Tấn là thơ của những gì đã mất: quê hương, bằng hữu, kỷ niệm xưa, đời sống cũ. Do đó, ý thơ ngậm ngùi, hơi thơ dằng dặc, nhạc điệu trong thơ u trầm..

... Thơ nói về quê hương, ở hải ngoại, không ít, nhưng nói một cách thấm thiết, chân tình bằng một ngôn ngữ thơ thì không nhiều. Thơ quê hương của Phan Ni Tấn dễ dàng đi vào tâm hồn người đọc, những tâm hồn đồng điệu.

...Hiện tại gia tài duy nhất còn lại với nhà thơ là trang giấy

mai có lênh đênh cùng sầu,
cũng còn trang giấy trắng màu thủy chung

...

ta về nở giữa lòng trang giấy
câu hò cây lúa mọc bờ đê

Trang giấy ôm hết. Ôm hết nỗi sầu lẫn ước mơ của thi sĩ

Nói chuyện thơ, nhiều người nghe cho là chuyện tào lao. Dù cái tào lao có phần dễ thương. Nên tôi xin chuyển qua mô tả vóc dáng ông thi sĩ cho các bạn để nhận dạng. Vào thời điểm này, ông bạn thơ của tôi đã có bề ngang da thịt gấp rưỡi tôi. Chính vì thế trông hơi lùn một

chút. Cái bụng có phần leo thang. Lúc này là lúc Phan Ni Tấn mặc quần có dây treo thích hợp hơn thời kỳ làm một thành viên của tổ tam nhân Tấn, Ngạn, Nghĩa. Với khuôn mặt vuông vức rất hảo hớn, Phan Ni Tấn nuôi chòm râu dưới cằm, trông rất hách. Nụ cười không sẵn sàng nhưng thường nở ra đúng lúc. Mắt nhìn chính trực, không có nhiều đa tình. Bước đi chậm và hơi nặng, phảng phất một chút lè phè, rất dễ bị hít đất, nếu gặp tôi ở quân trường. Nhìn chung, Phan Ni Tấn là người của im lặng. Ấy vậy mà anh là một thành viên tích cực của các phong trào Du ca, Hưng Ca và từng giữ chức Chủ tịch hội Văn bút Việt Nam Hải ngoại trung tâm Toronto, thời kỳ Văn bút chưa bị nhiễm trùng. Giao tình giữa Tấn và bằng hữu rất tốt. Qua anh, tôi quen biết thêm Phạm Đình Cường. Ông bạn này bề ngoài không hào hoa phong nhã gì mấy, đại khái như ông Bill Gate, nhưng cũng là một tay nhà giàu. Dĩ nhiên tài chánh ông khiêm nhường hơn nhiều. Nhưng nhân tình thì chắc ông phải hơn. Anh em ở Montréal xuống Toronto không ghé Phan gia trang thì ắt phải đến quán rượu *Temptation* của Phạm Đình Cường. Quán phục vụ cho người bản xứ nên các nàng tiếp rượu đều là “tóc vàng sợi...ngắn” xinh đẹp, tràn trề sinh lực cả. Nhiều lần tôi, Lưu Nguyễn, Nguyễn Đông Ngạc, Song Thao túc trực đêm ở đây. Bên cạnh Phạm Đình Cường, tôi còn biết thêm nhà văn Nguyễn Ngọc Ngạn, Nguyễn Nghĩa. Nhà thơ Cung Vũ tôi cũng có quen nhưng qua việc đóng góp thơ cho Làng Văn, một tạp chí từng xuất sắc một thời.

Vẽ một chút Phan Ni Tấn, không thể quên vài nét cho chị Châu Khả Khiếm và cháu Phan Châu Lân. Các bạn có quyền nghĩ, chúng tôi áo thụng vái nhau. Nhưng đây là sự thật. Và có lẽ phải dùng từ ngữ hiện đại từ quốc nội: Chị Khiếm là người “cực kỳ” tốt bụng, là một nội tướng “còn trên cả tuyệt vời”. Bà xã tôi khoái chị ở mục cạo gió, mà chị đã ra tay xua đuổi cơn cảm mạo bất ngờ, trong một dịp xuống mua bánh mì Nguyên Hương. Còn cháu Lân, thằng bé ốm nhom, nhút nhát ngày nào, đi đâu cũng nép dưới tay mẹ, ngày nay đã là một tay múa quyền có hạng, thu lượm được nhiều thành tích xuất sắc, nhất là cao hơn ông bố gần hai cái đầu. Nói đến Phan Ni Tấn không thể quên hai nhân vật chính của anh. Do vậy, đề bài viết này có tên “Phan Ni Tấn, Câu Thơ Về Khiếm Với Lân”, và trong bài thơ dài Giữ Riêng Vài Nét Như Là, tôi viết về Tấn như sau:

*“Phát phơ râu một nhúm/ hù ai hay dọa mình/ Hồi Ký Thơ một gói/ ổ khoanh trong miếng
tinh/ nhạc thơ quanh quẩn lót/ từ đầu cho đến chân / đi lòng vòng tứ xứ/ cũng về Khiếm với
Lân”LH.*

Tôi đã cố ý dùng lại chữ đặc biệt của Tấn là chữ Miếng: “miếng tinh”, “miếng lòng”, “miếng mặn mà” vv..*(gặm miếng mặn mà cho thấm tháp...)*

Năm 2004, tuyển tập Tình Khúc Phan Ni Tấn ND được ấn hành. Chăm sóc in ruột Lê Hân. In bìa Trang Sĩ Quý. Mẫu bìa Trần Nho Bụi. Phụ bản của Vivi, Võ Đình, Tạ Ký, Etcetera, Thái Tuấn, Khánh Trường, Nguyễn Khai, Lê Tài Điển, Nguyễn Trung, Ngô Vương Toại. Đây đưa đôi lời của Nguyễn Ngọc Ngạn, Luân Hoán, Song Thao, Lê Hữu, Đặng Minh Châu Bá Thông. Một số ảnh tác giả chụp kỷ niệm với bằng hữu sinh hoạt văn học nghệ thuật, được in rõ nét, đậm đà. Vui tay tôi đếm được đúng 60 nhân vật sinh hoạt văn học nghệ thuật hiện diện bên anh, có cả những thế hệ đi trước như Phạm Duy, Tạ Ty...

Nhận định về Sinh Nhật Cây Đàn, Song Thao viết:

“Tôi nghĩ Phan Ni Tấn trước sau gì cũng là một người tình. Người tình trong thơ. Người tình trong nhạc. Một người tình miệt mài giữ hơi thở của những cuộc tình. Người ta thấy tình yêu trùm lấp trong thơ, trong nhạc của anh. Tình quê hương ? Có. Tình nơi chốn đã đón chào anh vào đời. Tình cho những nẻo đường đã dẫm dấu bước chân anh. Tình gia đình ? Có.

Tình cho người vợ hiền. Tình cho đứa con trai duy nhất. Nhưng mặm mà hơn cả, tôi thấy, anh vẫn mượm mà trong tình yêu đúng nghĩa là tình yêu...”

Nguyễn Ngọc Ngạn nhận xét:

*“Phan Ni Tấn từ khi tôi quen biết hơn 20 năm qua, lúc nào cũng đi giữa hai dòng văn nghệ là thơ và nhạc. Năm 1988, anh xuất bản thi phẩm đầu tay *Hồi Ký Thơ*, chấm dứt bằng câu:*

Thơ tôi nguyên quán Việt Nam

Đó là lời nói chân thật nhất của tâm hồn giản dị, Phan Ni Tấn. Bởi vì khi nhìn sang lãnh vực âm nhạc, dù là tình ca, người ta vẫn thấy cái “nguyên quán Việt Nam” rất rõ nét ở Phan Ni Tấn...”

Với gia tài đã trình làng: *Lửa Dậy Trường Sơn* (nhạc, 1983), *Em Hát Em Vui* (nhạc, cùng Nguyễn Hữu Nghĩa, 1987), *Hồi Ký Thơ* (thơ, Làng Văn, 1987), *Câu Thơ Về Người* (thơ, Nhân Văn, 1996), *Tuyển Tập Tình Khúc Phan Ni Tấn ND* (nhạc, 2004), *Sinh Nhật Cây Đàn* (CD 2005), Phan Ni Tấn, đã giữ cả hai ghế ngồi rất nghiêm túc trong hai bộ môn nhạc và thơ. Tất cả tâm huyết, trí tuệ của anh, đều hướng về con người, mà điểm đến ưu tiên vẫn là Khiếm với Lân. Hạnh phúc biết bao !

Từ sanh hữu mạng

Hồi đó công việc làm mướn của con Ứng cho thím Tư Đực là theo ghe nấu cơm, giặt giũ, phụ buôn bán và trông chừng ba đứa nhỏ con của thím, sanh năm một từ 5 tới 7 tuổi, toàn con gái. Thật ra thím còn có một đứa con gái đầu lòng lúc mới chập chững biết đi đã bị chết chìm trên sông Cái Bé mười năm trước. Gọi thím Tư Đực là gọi theo tên chồng thím, làm nghề thương hồ bị trúng mưa mất năm ngoái ở cửa Cần Giờ. Cuộc đời chú Tư Đực ngấm ra cũng ngộ. Chú sinh ra trên ghe, lớn lên học hành ba chữ cũng trên ghe, lấy vợ, sinh con đẻ cái trên ghe rồi chết đi cũng ở trên ghe. Chồng chết thím và ba đứa con thơ lui ghe về Bến Trống neo dưới sông trước nhà cha mẹ ruột sống nương nhờ. Một năm sau, chờ nguôi ngoai nỗi buồn góa phụ, thím mới trở lại nghề thương hồ. Thân cò với ba đứa con nhỏ làm sao xoay cho xuể, thím Tư Đực nhờ người xuống Thứ Sáu Đình kiếm con Ứng, cháu họ bên chồng, mồ côi cha lẫn mẹ mà mướn nó theo ghe cho nhẹ một tay, nhất là coi chừng ba đứa nhỏ. Ngay chuyến ghe đầu tiên, thím Tư Đực ghé vô chợ Thứ Ba mua thêm hàng hóa, vật dụng, xong ghé Thứ Sáu Đình gặp con Ứng, cẩn thận hỏi han gia cảnh rồi xin phép ông Từ nhận nó theo ghe buôn bán đỡ đần giúp thím một tay. Con Ứng tuy còn nhỏ nhưng thân hình chắc nịch, đôi vai ngang phè lộ ra sức tháo vát; đặc biệt nó có cặp mắt biết cười mà cũng thật buồn mỗi khi nhìn xa vắng.

Ghe thương hồ là căn nhà nổi, lưu động nên từ ngày theo thím Tư Đực, cuộc đời của con Ứng cũng nổi trôi theo con nước mà rầy đây mai đó. Cả đời nó lúc lên 10 đã mồ côi cha mẹ, không bà con thân thuộc nên không có ai hỏi han nó lấy một lời, may sao gặp thím Tư Đực như vị cứu tinh khiến nó mừng mừng tủi tủi.

Con Ứng còn nhớ như in cái ngày nó rời Rạch Giá mà đi cho tới ngày ghe quay lại chỉ ít cũng ngót 3 năm. Thứ Sáu Đình, lúc con Ứng gạt nước mắt bước xuống ghe cho tới lúc quay về, chợ làng vẫn lụp xụp một vẻ đìu hiu. Gió vẫn thổi mùi biển mặn vô bờ. Khói đốt đồng quen thuộc vẫn hiền như những cánh cò trắng bay lên. Chỉ khác một cảnh đến đau lòng là mồ mả Chệt Má nó không ai coi sóc để bị sạt lở, cỏ mọc trùm lum. Sau một hồi quơ quào, nhổ cỏ, dọn dẹp xong con Ứng đặt trước mộ Chệt Má nó một chén gạo, hai ngọn đèn cây cháy leo heo. Thắp ba cây nhang nó vừa khấn (hổng biết nó khấn cái gì) vừa khóc bù non bù nước đến thím

Tư Đực và tụi nhỏ cũng méo máo khóc theo. Cặp mắt con Ứng như không còn nhìn thấy gì vì nước mắt dâng đầy.

Xẩm tối, nước rút, gió chướng về thổi khô những chỗ sinh lầy hai bên bờ kinh xáng. Máy chiếc xuống đi chợ về, lướt qua. Nghe tiếng chèo quảy chụp đều đều trên mặt nước tự nhiên con Ứng thềm một mái nhà đến thất ruột. Nó sục sùi lấy mu bàn tay quệt nước mắt bước xuống ghe, nghĩ không biết chừng nào mới trở lại.

Trong lòng ghe lúc này đã chất đầy hàng hóa. Bóng đèn “măng-sông” đủ soi sáng vài dạ lúa sớm, vài hũ mắm, mấy thau kẹo, bánh ngọt, tiêu tỏi muối đường, đèn pin, thuốc lá... để lủ khủ bên lườn ghe; trái cây như khóm, mía, bí rợ, khoai lang chất thành đống bên kia. Trên trần ghe, cạnh cái khạp bể, quần áo người lớn, trẻ con, đàn bà có, đàn ông có, đủ màu, đủ kiểu xếp ngay ngắn đưng trong bao ny-lông.

Từ đó, đời thương hồ của con Ứng lại trôi giạt muôn phương. Lúc thì chợ nổi Cái Răng; lúc Ba Láng; lúc bến đò Châu Giang; lúc lại giạt xuống tận con kinh Xác Cò, quê ngoại thím Tư Đực, để biết đâu là cùng trời cuối đất. Thân gái mười hai bến nước, con Ứng gắn bó với đời ghe và sông nước nhiều hơn trên bờ. Có lần ở ngã bảy Phụng Hiệp, nó đang lui cui chụm lửa nấu cơm chiều ở đuôi ghe, chợt nghe thím Tư Đực la hoảng:

- Í mèn ơi, A Ứng! Thiếu chút xíu là tao quên trớt quớt. Mày cầm tiền chạy lên quán chệt Chia mua cho thím chai dầu lửa coi.

Ở với sông nước lâu ngày chày tháng đâm quen, lúc bước lên bờ từ con đường đất dẫn lên lộ cái đầu chực thước mà con Ứng có cảm tưởng như... đi trên mây. Mười lăm tuổi đầu rồi còn gì, vậy mà những bước đầu xiên xẹo làm nó thích thú, khó tả. Cái cảnh đời cô cút, nghèo khổ của nó lúc đó như lặn đi đâu mất tiêu.

Có một điều là lạ là ghe thương hồ của thím Tư Đực có trôi giạt bốn phương tám hướng, thỉnh thoảng cũng... trôi về hai quê: một là quê chồng, Rạch Giá, cũng là nơi con Ứng mở mắt chào đời, hai là Đầm Dơi, quê của thím. Thật ra quê chú Tư Đực ở Bến Trống; còn con Ứng ở Thứ Ba Biển. Nói cho cùng cả hai chú cháu đều từ... cây giá mà sinh ra. Bởi vậy con người sông nước, có lệnh đênh rầy đây mai đó tận mãi đâu cũng không quên mang theo trong lòng hình bóng cây dừa, bụi chuối hiền lành là ngọn trên mảnh đất nghèo xơ nghèo xác cạnh bờ kinh của cha ông.

Một hôm, trời tháng Tám, ghe lệnh đênh giữa vùng trời nước mênh mông trên dòng sông Trẹm, con Ứng hỏi mới biết thím Tư Đực có ý quay về Rạch Giá thăm nhà và luôn tiện bổ thêm hàng hóa. A! Con Ứng nhớ như in Tết Trung Thu ở miền biển quê Rạch Giá lồng đèn mặc sức lung linh như muốn so ánh sáng với chị Hằng ngự trên cao. Trong giây phút, bao nhiêu hình ảnh thuở ấu thời lại hiện ra. Hồi nhỏ con Ứng lúc nào cũng mình trần, đi chân đất, thích leo trèo, chạy nhảy như con trai với lũ trẻ con chòm xóm. Nghèo mà vui. Ngặt một nỗi cái tật của con Ứng kể ra cũng kỳ cục. Lần nào cũng vậy, đang vui đùa với lũ trẻ trên ghe hồng hiệu mắc mớ gì trong bụng con Ứng lại nhớ tới mồ mả xiêu vẹo của Chệt Má nó, con Ứng lại rầu nét mặt. Trời đang sáng bừng, thỉnh linh mây đen ùn ùn kéo tới đổ cây mưa như trút. Thím Tư lệ làng hướng mũi vào một con kinh cạnh góc rừng lá âm u cột ghe vô gốc bần tránh sóng. Mấy trái khóm, trái bí, bầu treo trên nhánh chà đặng mũi ghe vật vựa, ngã nghiêng theo chiều gió thấy rớt xuống nước như chơi. Nước dâng lên thiệt mau, mới đó đã lé đế hai bên bờ kinh, bao nhiêu thân tràm đã trốc gốc, nằm xiêu vẹo, chông chơ như cái bồ cào gãy răng. Gió càng lúc càng mạnh, ngoài sông sóng dấy lên,簸 vùi, bọt trắng xoá.

Mưa gió gì thấy ghê, con Ứng ớn lạnh vội kéo ba đứa nhỏ ngồi sát bên mình, than thảm. Nhìn bốn đứa nhỏ ôm nhau ngồi một cục cạnh chái bếp mặt thím Tư Đực buồn rười. Thím nghĩ mà tội nghiệp con Ứng, mới mấy tuổi đầu đã mang thân phận mồ côi, học hành gì bao nhiêu vậy mà tối nào rãnh tay một chút là lôi ba đứa nhỏ ra ê a ba chữ i tờ. Nhìn vẻ hồn nhiên của lũ trẻ chụm đầu vào nhau mà tập đọc làm thím xót xa, khẽ thở ra một cái thượt. Lan man một hồi thím lại nhớ về Đầm Dơi, quê thím. Thím nhớ như in ban ngày ở dưới bến xuống đò qua lại ồn ào, tấp nập, nhớ đêm đêm dưới mái tranh nghèo, bên bóng đèn hột vịt vắn lên tim vừa đủ sáng để ba dạy thím học đánh vần. Rồi thím nhớ về một người đã khuất. Ở, làm sao quên cho được

cái lần đầu tiên chú Tư Đực rụt rè nắm tay thím tỏ tình. Dòm cái bản mặt sượng trân của chú đang cố sửa cái miệng cà hực cà hữ nói không ra lời làm thím dẫu hồi hộp cách mấy cũng phát phì cười. Bây giờ chú Tư Đực đã tan thành sông, thành nước, thím vẫn thắm nghĩ chú vẫn theo ghe phù hồ cho mẹ con được bình an.

Trận mưa hung hăng làm chúa tể bầu trời một thôi một hồi rồi cũng dịu. Sau cơn mưa trời lại sáng. Chỉ chờ có vậy, chờ con Ứng tháo sợi dây trước mũi ghe, la "*Xong rồi!*" là thím Tư Đực cho ghe ra giữa lòng kinh vội vàng vượt sóng.

Lần này thím Tư Đực đổi ý không muốn ra sông nữa mà luồn qua những kinh rạch vừa đi vừa bán hàng cho bà con chòm xóm trong làng trong ấp tuy nghèo mà hiền lành, chơn chất. Xuôi dòng, ngược dòng, theo con nước lớn nước ròng chiếc ghe thương hồ đi qua thị trấn, đi qua phố huyện hướng về Rạch Giá.

Lúc ghe rẽ vào một con kinh thì trời đứng bóng, đám mây trắng lơ lửng trên cao. Con Ứng đứng thẳng người, tay vịn mũi ghe, quan sát. Phía trước, lục bình trôi lêu bêu. Tiếng máy dầu nổ đều đều đẩy mũi ghe rẽ nước sủ bọt lướt tới. Trên trời đàn chim xao xác bay ngang.

Rồi ghe lênh đến tới con kinh Chồng Mỹ, vừa queo phải là vùng lau sậy mịt mù hiện ra, nước ngưng chảy, chỗ cạn chỗ sâu, gió im bật. Bên kia là những lùm tre um tùm như thành trì mọc sát mé nước. Xa xa rừng dừa nước âm u lả ngọn. Trên chặng đường này thím Tư Đực khá quen thuộc, biết rõ là hang ổ của bọn du kích Việt Cộng thường chặn ghe thuyền qua lại đòi dân nộp thuế. Cũng vì vậy mà máy bay trinh sát phía quốc gia thường rà quanh vùng này. Không ai biết từ lúc nào nhưng thím nghe nói dân canh tác đều biết vàm rạch "chiến lược" này do Việt Cộng đào để chuyển quân, vận chuyển vũ khí cho thuận tiện, mau chóng và hữu hiệu. Càng nghĩ thím Tư Đực coi bộ càng sốt ruột, thò tay lên cần số cho ghe chạy mau hơn. Ráng qua khỏi vàm kinh này sẽ gặp một cánh đồng mênh mông, đi một khoảng nữa là tới kinh Dài, đỡ sợ.

Nhưng thím Tư Đực vừa bẻ mũi ghe queo trái thì gặp trên bờ rạch lộ ra một khoảng trống, đất khô cứng vì nhiều dấu chân người dẫm lên. Trên bờ ba tên du kích mặc quần áo màu cứt ngựa, đầu đội nón tai bèo, chia súng, la: "Ghé lại chớ! Ghé lại!". Ghe vừa cập sát bờ, cả ba tên lần lượt nhảy xuống ghe, mắt láo liên, quan sát. Đây là Việt Cộng, con Ứng nghe nói hoài nên tò mò nhìn thử cho biết mặt mũi chúng ra sao. Thím Tư Đực nói: "Mấy chú cần gì? Chiều rồi, Rạch Giá còn xa lắm. Mấy chú cho tôi đi".

Đang ngồi trước mũi, con Ứng vừa lảm lét liếc ba tên du kích vừa nôn nóng ngó chừng về phía Rạch Giá. Chợt nó nghe tiếng máy bay ù ù vội neho mắt nhìn lên. Một chiếc đằm già cánh bạc bay ngược hướng ghe, thật thấp.

Máy bay xuất hiện quá bất thần làm ba tên du kích hốt hoảng. Một tên quỳnh quáng nhảy đại xuống nước. Hai tên còn lại nhào tới lườn ghe ngồi thụp xuống chia súng lên trời bắn đại.

Súng nổ thình lình bên tai làm thím Tư Đực giựt mình; con Ứng xanh mặt vội lùa tụi nhỏ đang khóc ré nằm dấn sát người xuống sàn ghe.

Nghe tràng súng "tắc-cù" dưới ghe bắn lên, viên phi công vội vàng nghiêng cánh bay đi. Không biết được báo cáo ra sao mà liền sau đó, hai chiếc trực thăng như tử thần ồn ào xuất hiện. Một chiếc đứng im yểm trợ cho chiếc kia lượn quanh một vòng, hai vòng, rồi chẳng nói chẳng rằng nó xà xuống nhắm chiếc ghe của thím Tư Đực mà khạc đạn xối xả, xong bồi thêm một trái M 79.

Tiếng kêu la "*Trời ơi!*" gọn lỏn của thím Tư Đực vừa thốt ra khỏi cổ họng là tắt nghẹn. Ngoài hai tên du kích chết banh xác, còn lại cả nhà trên ghe, gồm năm nhơn mạng cũng không thoát khỏi tử thần. Trong chiến tranh, người chết đâu đợi tuổi, làn tên mũi đạn cũng đâu có lựa những tên gian ác như Việt Cộng mà tiêu diệt. Nghĩa là người dân dẫu có hiền lành, chất phác hay vô tội kia lúc tận cùng bằng số cũng cứ... chết thắm, chết tức tưởi, chết không kịp ngáp dưới làn đạn oan khiên. Thấy chiếc ghe bốc lửa, khói xông lên cuộn cuộn, nghiêng một bên, từ từ chìm xuống, hai chiếc trực thăng mới bay đi khuất dạng sau rặng tre già.

Ông bà ta thường nói con người sống chết có số. Đúng quá! Đúng là tử tử *sanh hữu mạng*.

tháng 4/2011

Mùi

Con đường mỗi ngày tôi lái xe đến sở làm trên 25 năm qua, vài năm gần đây dọc hai bên đường, rừng thưa dần, ruộng rẫy, nông trại biến mất, thay vào đó là nhà cửa, khu thương mại và xưởng ốc mọc lên. Xác mấy con thú nhỏ bị xe cán trên đường cũng thưa dần, họa hoằn lắm mới thấy một chú sóc đen bẹp dí hoặc chú chồn mướp mập lù nằm vô hồn với bộ lông mượt rướt, phất phơ trong nắng lung linh. Những lúc đó, lòng tôi lại bồi hồi, xốn xang và có ý... mừng thầm. Không phải tôi mừng thấy mấy con thú hoang nhỏ bé, hiền lành, vô tội bị xe cán chết mà tôi mừng là vì mỗi lần nhìn thấy chúng, như mấy chục năm nay tôi vẫn quen mắt nhìn thấy, lòng lại cảm thấy nhẹ nhàng, thư thái; cái an nhiên chạy theo tôi suốt dọc đường đến sở hay về nhà. Như sáng nay chẳng hạn. Vừa chạy qua khỏi dốc cầu nghĩa trang tôi chợt thoáng ngửi được... mùi thú hoang mà đã lâu tôi không còn ngửi thấy. Lập tức tôi nín thở rồi hít hít vô mấy cái. Một thoáng nghi ngờ về mùi vị tan mau. Sau khi xác định đó không phải là mùi... tử thi tôi khoan khoái vươn vai, rướn cổ, phồng mũi ra hít thật sâu vào lồng ngực cái mùi mà đã hơn năm sáu năm trời tôi không ngửi được mùi của nó hay nhìn thấy nó: con *skunk*.

"Tây Sẹo"

"Tây sẹo" là hõn danh của cố hạ sĩ hải quân Lê Văn Tây. Gọi "Tây sẹo" vì trên mặt anh có một vết sẹo in đậm từ gò má trái kéo dài xuống cằm. Vết sẹo làm gương mặt Tây lai đẹp trai của anh trông "ngầu" hơn. Nhưng thật ra Lê Văn Tây rất hiền lành và vui tính. Tây sinh quán tại Banmêthuột, có cô em kế tên Đằm, một thời là vợ của Nguyễn Đức Tấn, cố Trưởng du ca Lòng Mẹ Banmêthuột. Hồi học ở bậc Tiểu học rồi lên Trung học đệ nhất cấp, Tây và tôi chơi với nhau rất thân. Cuối tuần thường rủ thêm năm ba thằng bạn đi đá banh, bắn chim, câu cá hoặc tắm hồ, tắm suối. Về sau có thằng theo gia đình đổi lên Đà Lạt, thằng thì chuyển trường theo mẹ ra Pleiku, còn tôi về Sài Gòn trọ học. Không hẹn mà rã đám. Tuổi trẻ vô tư lự mau quên nên có lẽ tôi cũng như tụi nó, khi không còn gặp nhau thì chẳng thằng nào nhớ tới thằng nào. Cho đến năm 1970, tôi trở về quê quán dưới hình thù của một anh lính thời chiến khi có chút thì giờ thì đến sinh hoạt với Đoàn Du Ca Lòng Mẹ Banmêthuột. Gặp Đằm, cũng là thành viên Du Ca, tôi thăm hỏi mới biết Tây đã là thủy thủ.

Tháng Giêng năm 1974, lúc đóng quân ở Vịnh Cam Ranh, tôi nghe tin tức trên đài cũng như đọc báo thấy hình ảnh hạ sĩ hải quân Lê Văn Tây, một trong 59 chiến sĩ Hải quân QLVNCH đã anh dũng hy sinh trong trận hải chiến chống Trung Cộng chiếm Hoàng Sa ngày 19 tháng 1 năm 1974, làm tôi giật mình. Thì ra là "thằng Tây sẹo!". Bạn bè cùng trường thời thơ ấu lớn lên trong chiến tranh đã lần lượt gục ngã ngoài chiến trường vào mùa hè đỏ lửa 1972 một Thiếu úy Bộ Binh Phan Hồ Khánh, một Thiếu úy Thiết Giáp Lê Văn Lại, một Thiếu úy phi công trực thăng Luân Đôn, một Trung sĩ nhất Tiểu Khu Daklak Đỗ Đăng Nhiễu; đưa sống sót trở về như thằng Còn, thằng Xoài thì cụt què mẽ sứt. 10 thằng tiêu hết 7. Bây giờ tới phiên Lê Văn Tây, tức "anh hùng Tây sẹo", người lính trẻ sôi nổi và lòng đầy nhiệt huyết như báo chí phong danh. Chuyện mới đó thoát một cái đã 34 năm rông. "Thằng Tây sẹo", như ngày xưa tụi tôi thường gọi, nếu còn sống năm nay cũng đã ngoài 60.

Khi nhà thơ nổi giận

Có lần vợ chồng tôi lái xe đi Montreal cách Toronto khoảng 6 giờ đường xe, ăn đám cưới của con gái nhà văn Song Thao. Mỗi lần có dịp đến thành phố này chúng tôi đều ghé thăm gia đình anh chị nhà thơ Luân Hoán hàn huyên tâm sự và nghỉ qua đêm. Lần đi này gặp con cháu anh chị bên Mỹ về thăm nên chúng tôi qua nhà Bích, con gái út của nhà thơ nghỉ tạm trong một khu

chung cư gần đó. Chồng Bích vui vẻ cười toe đưa cho tôi hai chìa khóa chung cư và chìa khóa cửa phòng ở tầng ba.

Tiệc cưới tàn về đến nhà trời đã quá khuya. Ngoài đường không một bóng người lai vãng. Lúc lui cui mở cửa vào chung cư thì ô hô, xoay trở cách nào, kiểu nào, kiên nhẫn mở đi, mở lại cách mấy vợ chồng chúng tôi cũng không tài nào mở được. Nhướn mắt nhìn đồng hồ đã gần 1:30 sáng. Lạ nước lạ cái làm gì biết đường xá, khách sạn ở đâu mà tìm, hơn nữa, giờ này không muốn gọi điện thoại làm phiền giấc ngủ của cặp vợ chồng trẻ hiền lành, tốt bụng, chúng tôi phom phom lái xe tới một góc khuất... ngủ đạ. Cũng may cuối tháng 9 trời không đến nỗi... lạnh lắm.

Sáng ra vừa gặp mặt tôi nhà thơ "quạt" liền. Thì ra lúc giao chìa khoá, Dũng chồng Bích quên dặn làm sao để mở cửa vào chung cư. Người trẻ tuổi cười gượng "Biết ý một chút là chú mở được liền hà". Thì ra là vậy. Nhưng mà việc gì thì cũng đã xong rồi, chỉ còn bộ mặt của nhà thơ vừa liếc qua là làm tôi mắc cười. Đôi con mắt vừa trợn lên đã vội vàng dụi xuống. Cặp chân mày vừa nhíu lại liền giãn ra. Cái giọng gắt gỏng vừa phun ra phèo phèo mấy tiếng đã mau mau rút lõp độp xuống nền nhà. Cái thoáng giận dỗi của nhà thơ chẳng những không làm ai phật lòng mà vợ chồng tôi còn nhe răng ra cười trừ. Chơi thân với nhà thơ gốc Quảng Nam này trên 20 năm chẳng bao giờ tôi nghe thấy anh nở giận ai bao giờ. Là vì bản chất của nhà thơ Luân Hoán vốn lượng thiện từ cái thuở *nhân chi sơ*.

Hê hê! Chỉ có "rửa"thôi.

“Út Hồng à...”

Ngày nay con sáo...

(Người kể chuyện qua phone)

Nhà củ Út em có nuôi một con nhồng. Tối tối cả nhà đi ngủ thì thôi, còn bết mắt ra thấy bóng người là con nhồng lên tiếng liền: “Út Hồng à...”. Cái giọng ngong ngọng, đơ đờ pha một chút nhõng nhẽo, dễ thương như con nít nghe mà bắt cười. Ngộ một cái là tiếng “à” nó kéo dài ra dẻo nhẹ như kẹo kéo. Mà con Hồng, con củ Út em suốt ngày lo chuyện nhà, chuyện cửa, chuyện chồng con có rảnh đâu mà dạy nó nói tiếng người. Chắc bị tại cau Ổi em, má con Hồng, hờ một chút là gọi, mà ngày nào cũng gọi *Út Hồng à*, con nhồng nghe riết đâm quen; một hôm tự nhiên nó buột miệng nói tiếng người, mà chỉ biết mỗi câu *Út Hồng à* là hết. Lúc đầu cả nhà giựt mình, ngạc nhiên đưa mắt nhìn nhau ý nói có ai nghe gì hông; đứa nào mới gọi con Hồng dzậy cà; thằng Thấm đâu chạy ra dzườn coi coi bây..., rồi không ai biểu ai đồng loạt ngó về phía con nhồng đang nhảy loi chơi trong lồng tre treo trên hành bửa sau vườn. Nhất là con Hồng, nó đang ăn dở chừng buồng dưa xuống chạy lại trở mắt dòm con nhồng, tò mò, nôn nóng lóng tai nghe. Tới chừng nghe kêu *Út Hồng à* thì cả nhà mới bật ngựa rồi hể hả chịu tin con nhồng biết nói. Từ đó, con nhồng nghiêm nhiên trở thành một “phần tử đặc biệt” trong gia đình được cả nhà cưng hết biết.

- (...)

- Hà? Anh hỏi con nhồng ở đâu ra hả? Thì của củ Út em chớ ở đâu. Năm ngoái, lúc ổng đang tưới cây ở ngoài dzườn gặp con nhồng mới ra ràng lạc mẹ tập bay sập sận trên sân gạch Tàu, ổng chạy theo chụp được đem dzô làm quà sinh nhật cho con Hồng luôn. Dzậy mà, anh coi, con Hồng cà chớn hết biết.

- *Chèn ơi, Chệt!*: *Hỏi nào giờ con làm gì có sinh nhật!*? Thấy con Hồng giẫy nẩy củ Út em lờm nói mây sao nhà quê quá, ai mà hồng có sinh nhật, tao còn có nữa là...

Lúc đó con Hồng mới lí nhí cám ơn Chệt nó rồi treo lồng chim trên hành bửa xong thùng thẳng ra giếng múc nước đổ vô lu, lầu bầu Chệt mình mắc cười quá, nhà hỏi nào giờ làm gì có

sinh nhật. Chắc bữa Chệt qua nhà thím Đức Long ăn sinh nhật con thím bên Mỹ địa mới bày đặt dzậy chớ. Bữa đó, nói cách mấy Xiêm cũng lắc đầu nguầy nguậy có chịu đi đâu. Chệt thiệt tình.

Lúc đó cau Ổi em coi bộ nín hết nỗi, cự nự: “Có mấy đứa con Việt kiều ở Mỹ địa bày đặt sinh nhật với sinh nhiệt cho sang dzậy chớ chòm xóm mình xưa nay có ai sinh nhật gì đâu nà”, con Hồng nghe cũng bắt cười. Nó lặng lẽ xúc tro cạo nhớt mấy con cá chớt, nghĩ trong bụng: “Ờ mà lạ nghen! Bộ chế Bòl, chế Thủy, hia Hó, hia Mỹ ở Hiu Tân (Houston), Hiu Tiết gì đó; còn chế Soi ở Cali nữa, hông phải là Việt kiều chắc. Mà có nghe nói ai mần sinh nhật gì đâu nà”.

Anh biết hông. Từ lâu trong nhà ngoài ngõ, ai cũng biết con Hồng là đứa con hiếu thảo, nó có tiếng là đảm đương chuyện chồng con cho tới chuyện trong nhà trong cửa. Hồi chưa có chồng, sáng sáng trời còn mờ đất, mở mắt ra bồn phận của con Hồng là xuống bếp chụm lửa nấu nước pha trà cho Chệt Xiêm nó rồi lo bữa ăn sáng cho cả nhà. Từ ngày nuôi con nhồng sáng nào xuống bếp con Hồng cũng đưa mắt ngó chừng chờ nghe tiếng *Út Hồng* à... là nó dzui trong bụng liền.

Ở nhà củ Út em, có nhiều thứ mấy chục năm rồi dzãn cứ như xưa. Hàng rào dâm bụt trồng quanh nhà thì xanh um, hàng cây đưng đĩnh cong cành, đằng kia cây xoài, chỗ này gốc mít, góc nọ bờ ao... dzãn thủy chung như tánh người. Mà “luận” dzề hơn nghĩa, đâu riêng gì tánh nét con Hồng được tiếng giỏi mà hiền, ở cái xóm nhỏ ngoại ô này bà con chòm xóm ai cũng biết cả nhà từ củ Út tới cau Ổi em, nghĩa biết trọng mà tình cũng thâm nghen, cho chí con cháu trong nhà, tánh tình như khuôn đúc ra: thiệt thà, chất phác nhưng cương trực hết xẩy à nghen.

- (...)

- Hả? Anh nói gì? Chèn ơi! Bữa nay mắc cái giống gì mà nói trong họng dzậy cà. Nói lớn nghe coi. Ờ, ờ... nghe rõ rồi nè. (*Chắc lười*).

- (...)

- Sinh nhật hả? Làm gì có! Mà bữa đó cau Củ em có mần sinh nhật cho con Hồng nó cũng hông chịu đâu. Nó nói nó chỉ có... ngày sanh tháng đẻ thôi (như trong giấy thể vì khai sanh đã ghi) chớ nó làm gì có... sinh nhật (*cười hihi*). Với lại củ Út em nói cho có dzậy chớ có làm sức mấy cau Ổi ở đó mà chịu. Em biết tính con Hồng mà. Nó hiền như cục đất. Hả? Ủ, thì hiền như nước mưa, được chưa? Anh này...

À, mà nè, nói nghe. (*già họng*). Con sáo..., ý quên, con nhồng tuần trước bị mắc mưa suýt chút nữa là ngấm cù đèo.

- (...)

Ờ, thì... của con Hồng chớ của ai? Tội nghiệp nó cưng con nhồng hết biết. Chiều nào con Hồng cũng xách lồng chim đem vô treo cạnh bếp, bữa đó hông biết sao nó quên, mà đêm đó trời lại mưa mới chết. Mưa to nghen, gió lớn nữa. Ngộ một cái nữa là bữa đó mắc mớ gì mà cả nhà cũng quên trớt quớt con nhồng. Chắc số con nhồng bị... trời hành một đêm. (*cười*).

Sáng ra, như thường lệ con Hồng lui cui chụm lửa hông nghe tiếng con nhồng “nhõng nhẽo” như mọi ngày, nó lấy làm lạ đưa mắt ngó lên xà bếp mới tá hỏa. Đúng lúc em dzừa xuống bếp nghe con Hồng buột miệng la “Trời đất!” đâm đầu chạy ra dzuờn như ma rượt làm em cũng hết hồn hết dzĩa chạy theo coi dziệc gì. Té ra hồi hôm con nhồng bị bỏ quên ngoài vườn, mắc mưa lông lá ướt nhẹp.

Tội nghiệp con Hồng nhát thấy con nhồng đứng cú rủ trong lồng (hồi tối bị gió tạt rớt) nằm lẩn lốc trên nền đất ẩm ướt, nó mau mau xách cái lồng chạy ù dzô bếp hơ lửa, khóc xụi xịt. Nói đại lờ con nhồng chết queo... râu chắc cả nhà (trong đó có em) tiếc đứt ruột a! May mà nó còn sống. Thiệt phước ông bà nhà nó nghen.

- (...)

- Thì “nhà nó” là... con nhồng chớ nhà nào. Hời lằng nhách! Nghe kể tiếp nè!

Em nhớ lúc đó trời còn mờ đất nghe gà gáy te te sau dzuờn. Tuy lo lắng, sốt ruột nhưng em dzới con Hồng dzãn thay phiên ngồi hơ lửa ấp con nhồng đang run rẩy trong lòng bàn tay cho bộ lông mau khô. Áng chừng năm mươi phút con nhồng bắt đầu cựa mình, xù lông vẩy vẩy,

ngúc ngoắc cái đầu ngo ngác ngó lên thấy em (lạ hoắc), dây qua thấy con Hồng nó ọ ẹ cất tiếng *Út Hồng à...*

Mèn ơi! Lúc đó anh mà có ở đó nghe cái giọng nghệt mũi, iểu xiu, xì ra một chút dỗi hờn, than van, trách móc mà dẻo nhẹ của con hồng *Út Hồng à...* anh mà hồng phì cười thì thôi. Ý nó trách nở bỏ người ta đêm hôm mưa gió ngoài trời lạnh muốn chết hà, may mà tui hồng chết à nghen, thiệt tình.

Thương cau củ lâu lâu em dia thăm, ở trong cái nhà mát rượi bóng cây này nhìn đâu cũng thấy bình yên, hạnh phúc quen rồi, dzậy mà bữa đó đặng chuyện con hồng làm em một phen chói dzói. Ngó cái bản mặt bí xị chuyển qua tươi rói của con Hồng em mừng hóm như ai cho quà bánh. Mà giá bữa đó cả nhà cùng thức vì chuyện con hồng mắc mưa chắc em bị mệt tới ứ nhựạ luôn à! Thiệt tình.

Ờ, mà thiệt tình chớ bộ giỡn chơi sao!

Ngẫm đi ngẫm lại ở đời có nhiều cái thiệt tình quá *Út Hồng à...*

Phụ đính chùm thơ Phan Ni Tấn



Nắng tháng tư

Cái gì được thổi phồng lên ở đây
Ngọn lửa
Cây đàn
Hay mũi súng
Còn ai vừa mới bước vào tôi
về mền thương như nắng
Không phải cái nắng sáng nay
Trui sâu mùi khét lẹt vào những ngách chợ
Tất cả những cánh cửa khép lại
Những cõi lòng khép lại
Chỉ có tiếng oán thù là mở ra
Tôi phải nói sao với em
Khi cuộc đời này không như ta mơ ước
Rằng chỉ có máu và nước mắt luôn trong mỗi thớ tim
Cuộc sống bây giờ
bị dồn lên những chuyến xe làm than chia cách
Người mẹ xa lìa mái thân yêu
Người cha xa lìa chốn tương lai
Trong khi Tội Ác vẫn không ngớt thò ra những bàn tay dẫm máu
bóp mặt người méo lại

Tôi là khúc hát âm u lướt trong bóng chiều mờ tối
Tôi hát có em nụ cười đã khép
Con đường đưa em đến chợ mỗi ngày bị chắn ngang
bằng một sắc luật thảng tự mới ban hành
Dưới ánh nắng rõ ràng của thảng tự
Ảo mộng con người lần lượt bị tích thu chất thành đồng
Cũng dưới ánh nắng rõ ràng của sáng nay
Tôi đi qua tôi
Đi qua những mặt người
Những mặt người với những cái mồm lấp đầy nỗi khốn khổ
Tại sao trong gió lạnh sáng nay lại mọc ra nhiều điều bất hạnh
Tại sao sự bình yên trên mặt đất lại không được quyền nhật lý
Và sự tự do buộc phải đứng im hỏi giấy
Tại sao những con đường phải quay về một hướng
Xua tuổi thanh xuân lảo đảo những nhát cuốc quên đời
Và sâu hơn nữa trong chiến trường đẫm máu
Nơi Sự Chết dễ dàng thắng thế Sự Sống Còn hụt hẫ của con người
Ồi cuộc đời
Ồi nhân loại
Cái gì sẽ phồng lên trong ước vọng
Ngọn lửa
Cây đàn
Hay lưỡi kiếm
Còn ai vừa mới bước vào tôi vẻ mến thương như nắng
Không phải cái nắng ngày xưa
Cái nắng sáng nay mọc ra
như một bụi hồng
Xám xịt

Nỗi buồn YK'Long
gởi Trăng Ngàn

Anh trai núi cùng quê em gái núi
đã lạc nhau đâu mà nói biệt ngàn trùng
nỡ búng cái lòng của em xa anh
làm xôn xao cái bụng người làng
cây cà phê sẽ giận em không thềm đeo hoa kết trái
chim Ka Lơi sẽ hờn em không thềm hót giữa lòng thung
cây Kơ Nia sẽ buồn em không cho hột cây đập ăn như hời còn nhỏ
rừng Xà Nu sẽ ghét em mà rỗng ruột thân ngã dưới ngàn
Mẹ Núi sẽ ru nỗi oan uổng của anh sau lũy tre làng
nói thương anh nhiều hơn thương em gái núi
Ồi ơi H' Ri
anh nhớ sương lằm gió bụi
anh nhớ núi
hồn anh sẽ nương theo rừng em xõa tóc
cống thơ anh du về nguồn cội
ở đó anh và quá khứ, Yàng ơi, ngày ấy...
khỏe như con trâu đang tắm dưới ao
nhẹ như con cá dưới nước

như chim phỉ bay vút lên tầng cao
anh lại đóng khố
ngậm dọc tàu thả khói trời bay
cầm sà gạc phạt đàn gió chướng
gùi trên lưng rùng thiêng lấp lánh
anh đi thăm rẫy du canh nghe tiếng hú anh vẫn còn vọng âm
qua ba sườn đồi
Chiều trôi đi hoang vu trên núi
anh bước đi lững thững xuống đồi
như ngày xưa theo em lội qua khe suối
anh lại hóa thành ba chén rượu cần Radhé, M'Nông, Djarai
ngày luôn vô buồn Dur sẵn nai
đêm xuyên Ea Nhái đốt lửa
anh sẽ nuốt điệu múa sơn cước của em
như con nưa nuốt bóng trăng ngàn
Ơi ơi H' Ri, ơi em gái núi
đừng có đẩy cái lòng của em xa anh
Yàng sẽ buồn và người làng sẽ không yên cái bụng
Ơi ơi H'... Ri...

Đồng giữa

In tưởng như đinh đóng cột, cứ đứng vào dịp tiết Thanh Minh là thằng Nồn từ Xèo Rô chèo xuồng khoảng bốn cây số xuống Cầu Thứ Hai chờ hai chị em Bòl vô Đồng Giữa đi tảo mộ ông nội. Thằng Nồn tướng tá coi cục mịch nhưng tánh tình hệt hạc, lại được nước nhiệt tình, xông xáo. Lần nào cũng vậy, trời tờ mờ sáng, vừa qua Cầu Thứ Hai quẹo trái thoáng thấy nhà chú thím Út, ba má Bòl, Thùy là nó hú dài một tiếng như "tặc răn" rồi la: "*Chế Bòl ơi! Thùy ơi!...*" ý nó nói tui tới rồi đây nghen.

Mười mười lăm năm trước, từ Cầu Thứ Hai xuống Đồng Giữa chèo xuồng mất khoảng nửa ngày. Bòl bơi mũi, thằng Nồn chèo lái, còn con Thùy út ít, ngồi giữa tha hồ ngó chim bay cò bay. Ngày nay Bòl không còn đủ sức như xưa nên Thùy thế chỗ chế nó bơi mũi. Riêng thằng Nồn, sức dẻo dai vẫn cuộn cuộn trên đôi cánh tay rắn chắc mỗi lần nó khua chèo xuống nước. Cha mẹ thằng Nồn nghe đầu mắt sớm. Nó chèo đò mướn trên kinh Rạch Mèo rồi qua Cầu Quay cuối cùng là Xèo Rô. Cái hôm chú Út đất Bòl tới Xèo Rô vô chợ mua gà chọi về làm giống lúc trở về thì trúng cây mưa làm trễ đò. Hai cha con đành ngồi trên bến chờ chuyển tới, tình cờ gặp thằng Nồn tốt bụng đi ngang hỏi han sự tình rồi tình nguyện mướn xuồng (chú Út trả tiền) chờ hai cha con về tận nhà. Từ đó Bòl nảy ý kiến nhờ (không dám nói chữ *mướn*) Nồn chở hai chị em xuống Đồng Giữa đi tảo mộ vào mỗi dịp tiết Thanh Minh.

Ngày nay từ thị xã Rạch Giá xuống tới Thứ Bảy Kinh Làng đã có lộ xe Honda chạy, không còn bao nhiêu người thích đi đường xuồng, trừ chị em Bòl. Cũng nhờ vậy mà thằng Nồn vốn yêu nghề lại có thêm một dịp vẫy vùng trên sông nước.

Bòl nhớ hồi đó, hai bên bờ kinh rạch dẫn về Đồng Giữa mọc đầy năng, lác, đế, sậy, ô rô, cóc kèn..., càng đi càng thấy rừng âm u, tĩnh mịch. Riêng con Thùy thích nhất là khi xuồng bơi giữa dòng kinh lúc dài ngoằn, lúc quanh co, hai bên bờ bản chen chúc, đan cảnh che kín cả bầu trời. Chim chóc, thú rừng trong khu vực này hễ thấy bóng người là náo động cả lên; tiếng chao chát của chúng tạo thành những âm thanh vui tai. Nhưng con Thùy lại sợ khỉ. Có lần, trên dòng kinh này nó bị một chú khỉ tinh ranh lẹ tay dốt mắt cái nón lá Chệt nó mới mua cho nó che nắng che mưa. Phần tiếc cái nón, phần về sợ Chệt Xiêm la, nó khóc mướt. Mà chế Bòl của con Thùy cũng ngộ, thích đứng coi con Thùy khóc hơn là dỗ em nín. Cũng tại cái bản mặt thiệt là dễ

nặng của con Thùy mà ra. Mà thiệt, cả nhà ai cũng cưng chiều con Thùy hết mức. Tuy nó sanh nhằm năm Dần, dòm heo có chữa là heo xẩy thai, dòm gà ấp con là gà con chết sạch, nhưng con nhỏ có cặp mắt tròn xoe, có cái nhìn hết sức ngây thơ vô tội vạ, có mái tóc “cum-bê”, cộng thêm cái mỡ chu chu tròn như chữ o gắn trên gương mặt bụ bẫm, trắng như trứng gà bóc, nhìn thấy ai cũng thương.

Mặt trời lên cao, hơi nắng gay gắt. Xuồng vừa quẹo trái là tới kinh Bàu Láng. Nước chảy lờ đờ, đen xỉ. Vài người bơi xuồng ngược hướng chở củi ra chợ Rạch Giá bán. Bò chậm rãi tháo cái khăn rằn quấn trên đầu xuồng lau mặt, nhìn mấy con khướu bay sập sận trên cành dừa bên kia bờ, nói một hơi:

- Tới Bàu Láng rồi hén, Nôn. Coi bộ con Thùy mỗi tay rồi đa. Chèo tới bóng cây bần đằng kia nghỉ tay uống miếng nước chờ trời mát mát rồi đi tiếp nghen.

- Í mọt ơi! Thăng Nôn la hồng được đâu, ché. Uống miếng nước rồi đi liền chớ lúc đi trời tối muỗi ra nhiều lắm.

Riêng con Thùy chẳng nói chẳng rằng gác cây dầm cạnh be xuồng lò mò tới gần chế nó lấy chai nước ngửa cổ tu một hơi xong bỏ lại đằng mũi ra hiệu chèo tiếp. Ngay cái lần đầu tiên con Thùy thế chị nó ngồi bơi mũi, thăng Nôn tuy có nghề chèo đò nhưng cũng thăm phục con nhỏ coi nhỏ con vậy mà chì thiệt.

Tới trưa trời đứng bóng xuồng cũng vừa tới Đồng Giữa, nhà cửa mọc san sát hai bên bờ kinh. Vài chiếc ghe thương hồ qua lại hòa trong tiếng máy dầu tạch tạch lan trên dòng nước đen đúa. Hồi xa xưa, Đồng Giữa đâu có đông như bây giờ. Hồi đó, dân cư thưa thớt, nhà này cách nhà kia một khoảng đất, một con kinh. Dù vậy, ngày nay cái nét quê của nhà mái lá, cây cầu khỉ vẫn còn ẩn hiện nằm sâu trong những vùng đất, kinh rạch ít người.

Trong số lưu dân Trung Hoa, lần đầu tiên đặt chân lên đám đất này khẩn hoang, có ông Thái Tường. Hồi mới tới quan sát cuộc đất, ông Thái Tường đã sớm nghĩ tới việc đào kinh rồi. Lần hồi, dân canh tác tới làm ăn lập nghiệp ngày càng đông lập thành chòm, thành xóm. Lúc đó, để cho xuồng bè giao thương qua lại dễ dàng, ông mướn dân phu xắn ngang đám đất Đồng Giữa một con kinh.

Về sau, dân xứ này khi nhắc đến ông Thái Tường, người kỳ cựu biết thì không nói gì, người không biết lúc lai rai vài ba sợi cũng bày đặt lên mặt thầy đời: “*Ông Thái Tường hả? Ờ, nghe nói ông...*”. Họ kể nhiều câu chuyện về ông lúc thì na ná, lúc thì khác trời ơi đất hỡi, hồng biết đằng nào mà lần. Ngay cả chị em Bò có bữa rảo chân trong chợ Giữa tình cờ nghe lóm câu chuyện về ông nội mình mà bấm bụng cười thắm. Nhưng ở Đồng Giữa, ngày nay vết tích của ông Thái Tường vẫn còn... chảy hiền hòa trên con kinh Bà Lò Xén, là tên bà vợ người Việt của ông Thái Tường, xưa kia bà từng đứng ra đốc thúc việc đào kinh. Dân chúng biết ơn mới lấy tên Bà Lò Xén đặt tên cho con kinh là vậy.

Theo gia phả mười đời của giòng họ Thái, khởi từ năm một ngàn sáu trăm... khi chiêu bài “Phản Thanh Phục Minh” của Thiên Địa Hội thất bại v.v..., được ghi lại như vậy:

Giữa thế kỷ thứ XIX, ông Thái Tường gốc người Minh Hương theo tàu buôn của người Trung Hoa qua Hà Tiên lập nghiệp. Hồi đó, đất Hà Tiên vẫn còn hoang sơ nằm bên bờ vịnh Thái Lan. Ban đầu ông Thái Tường theo chân một nhóm người đồng hương tìm vô tuốt trong ngọn làm rẫy sinh nhai, nhưng đất Hà Tiên nhiều phèn, quá xấu, ráng làm được hai mùa thu hoạch kém, ông bỏ, xong phiêu bạt ra Hòn Trẹm rồi Ba Hòn nai lưng làm đủ mọi loại nghề thuê mướn. Sau những năm dài chịu cực chác bóp được một mớ tiền và nhờ mang theo một ít chỉ vàng lặn lưng, ông trở vô đất Hà Tiên xoay qua việc thu mua thổ hóa về buôn bán kiếm lời. Năm tháng trôi qua, tuy công việc mần ăn có mòi khảm khá ông vẫn không nghĩ tới chuyện lập gia đình. Nhưng cuộc đời phiêu bạt của ông Thái Tường đâu có chịu yên thân một chỗ. Vốn phóng khoáng, tháo vát, thích tự tạo một nếp sống mới, sau nhiều năm ở đất Hà Tiên, một hôm tốt trời, ông sang lại tiệm hàng xén, theo ghe đi đường biển mất nửa ngày về vùng Rạch Giá. Thăm dò tin tức dân địa phương về cuộc đất, ông quyết định chọn một đám đất khai hoang (nay là Thứ Ba) làm ruộng rẫy. Mặc dù ông trúng liên tiếp ba mùa, bộn bạc, nhưng cuối cùng cái cung Thiên Mã một lần nữa lại giục ông lên đường.

Lần này ông mua một chiếc xuồng xuôi theo con rạch Bàu Trâm, bơi dài xuống rạch Thử Năm Chùa (có ngôi chùa Miên ngay đó) rồi xuôi xuống Bàu Láng tới đất Đồng Giữa, chọn nơi này làm quê hương.

Một thời gian sau, ông Thái Tường lập gia đình với một người phụ nữ Việt, sanh con đẻ cái lần hồi trải qua ba thế hệ thì lòi ra hai chị em Bòl, Thùy. Nhưng vào thời kỳ ông Thái Tường và nhóm người Minh Hương tới đằm đất này khẩn hoang sinh sống, tóc vẫn còn thất bì bì (tức thất bính), thả đuôi tóc dài xuống tới lưng quần. Tụi con nít Khơ-me trong làng thấy ngồ ngồ, ngứa miệng thường nhè lũ trẻ Minh Hương vừa lêu lêu, vừa nháy nhót, chọc ghẹo: “*Ốt ẹt thẳng Chệt có đuôi*”. Lũ trẻ con Minh Hương cũng đầu có vừa, tức khí chúng cầm đuôi tóc xoay tròn tròn, chầu mỏ chửi lại: “*đồ thẳng Thổ chết đốt*”.

Trẻ con đời nào cũng hồn nhiên vậy đó. Tội là tội ở người lớn lúc rượu vào lời ra vọt miệng phun bậy mấy câu *trời đánh* kiêu đó, con nít nghe được bắt chước liền.

Người Khơ-me đi khẩn hoang, sống ở Bàu Láng chiếm 60% so với người Việt. Nhưng một số người Khơ-me như gia đình ông Ba Cum lại thích phiêu lưu, họ chịu cực khai khẩn ruộng đất được bao nhiêu đem bán hết cho ông Thái Tường xong tìm đất mới khẩn hoang rồi lại bán cho ông. Nhờ vậy, lần hồi đất ruộng ông Thái Tường mệnh mông, cò bay thẳng cánh. Đến đời con, đời cháu ruộng đất được chia ra bán dần bán hồi mà sinh sống theo nhiều cách.

Tới Đồng Giữa thẳng Nồn lơ tay chèo cho xuồng trôi chậm chậm trên dòng nước, chợt nghe Bòl la lên “*Chú Tư Nun kia*” là nó lẹ làng đưa xuồng cặp sát bờ rạch, cạnh cây gừa mọc trước nhà chú Tư Nun, anh bà con của chệt Út. Hai con chó đang giỡn hót quanh bụi tre chợt đánh hơi người quen vội nhảy xổ ra vẫy đuôi mừng quýnh, sủa vang lừng. Trên bờ, ngoài chú Tư Nun mặc nguyên bộ bà ba trắng, tóc búi, còn có mấy anh con cô cũng tụ về đón chị em Bòl. Mọi người cười nói, xăng xái đồ lấy trái cây, đồ cúng từ tay Bòl chuyên tay mang vô nhà trong khi thẳng Nồn lui cui cột mũi xuồng vô góc gừa.

- Lâu quá, chú Tư! Bòl nói, tay kéo cái ghé đầu ngồi xuống.

- Ờ, một năm trời chớ ít ỏi gì. Đi đường mệt không? Chệt Xiêm bày ra sao?

Con Thùy lẹ miệng:

- Dạ, cũng bình thường, chú Tư. Chệt Xiêm con có gởi chú thím mấy hủ dưa bòn bòn với cặp mít nghệ nè.

- Dzậy hả? Ờ, dìa nói Chệt Xiêm, chú Tư cảm ơn. Giơ hai trái mít nghệ bự chẳng lên, chú cười nói: Thứ này thím bày thích lắm. Hà! Món ngon nổi tiếng của Chệt bày đây mà.

Bòl nó xuống nhà dưới hỏi:

- Thím Tư ra đồng sao chú Tư?

- Đầu có! Biết bữa nay bày dìa, hồi nãy thẳng Hó chở thím bày xuống bến mua thêm trầu cau đem ra mộ cúng.

Chú Tư Nun nói, tay cầm cây quạt giấy có vẽ hình cảnh mai màu vàng đen quạt quạt giục bày uống nước đi, rồi còn lo nhang đèn đi tảo mộ cho lẹ. Chú than dạo này trời tối mau quá.

Đúng lúc thím Tư với thẳng Hó khắp khởi trở về đặt thêm miếng trầu nhánh cau lên bàn thờ đã bày sẵn cơm canh, bánh trái linh đình. Chú Tư Nun chờ mọi người thấp nhang cúng bái xong là hối ra đồng đi tảo mộ.

Trời nhiều mây, ui ui không nắng. Ngoài cánh đồng xa xa, vài giọng hò theo gió đưa tới nghe não ruột. Trên miếng đất khá rộng sau nhà của chú thím Tư Nun, giữa vườn cây ăn trái và cánh đồng lúa còn trơ gốc rạ có chừa một khoảng đất được rào bằng một cái vòng thành, trong đó ngoài mộ ông bà Thái Tường còn có mộ của cô Tư cũng được chôn chung cạnh đó.

Ngôi mộ nào cũng xây bằng xi măng trát gạch men, mới quét vôi lại. Đặc biệt, mộ ông nội được đắp cao như ốc đảo, bốn góc có bốn búp sen xanh hồng gắn trên bốn cây cột dựng quanh mộ ai nhìn thấy cũng ấm lòng.

Trong khi thím Tư, Bòl sửa soạn đồ cúng, thì thẳng Hó, con Thùy lo chưng bông; những cành bông sừng cánh trắng nhụy vàng, những bông rau mác tím tím, toàn những hương đồng cỏ nội chen nhau khoe sắc .

Chuẩn bị xong đầu đó, chú Tư Nun mới khum tay bật quẹt đốt bó nhang nghi ngút khói. Chờ nhang cháy đều chú chia cho từng người xong cùng chấp tay cúi đầu khẩn vái. Con Thùy lim dim đôi mắt, thành khẩn khẩn thắm: “Ông nội bà nội sống khôn thác thiên về đây hưởng hưởng hoa, phò hộ cho gia đình con cháu được bình yên...”

Thăm mộ xong, mặt trời đã quá giờ ngọ. Mọi người lặng lẽ trở về nhà. Hai con chó cũng có linh tính trước cảnh sanh ly tử biệt, lủi thủi chạy theo sau.

Về tới nhà, đứng trước hàng ba, thằng Nỗn mới thấy đói bụng, tuy vậy nó vẫn dựa cột vấn điều thuốc hút một hơi thiệt sâu chờ bữa. Trong nhà, gia đình chú Tư Nun và đám con cháu lạy bàn thờ tổ xong dọn đồ cúng kiếng xuống bộ ván rồi sai thằng Hó chạy ra kêu thằng Nỗn vô ăn cơm.

Cơm nước xong, chú thím Tư Nun hỏi đám nhỏ xuống xuống trở về Thứ Hai trước trời tối. Trên đường đi khác với đường về, không biết vui gì trong bụng mà thằng Nỗn tay chèo miệng hát nghêu ngao:

Ai về Rạch Giá, Kiên Giang
Ăn tô bún cá chứa chan tình người
 Câu hát tân thời này coi bộ chưa đã miệng nó chuyển qua hò:

Hò... ơi!...Ra đìa bẻ lá cấm đây
Năm sau ta cứ, ơ hò... chốn này ta lên...

Hát với người Kiên Giang

25 tháng 11 năm 1979 cách đây 22 năm là một thời điểm quan trọng, một dấu ấn không phai, một bước ngoặt lớn, một biến cố lạ lùng sôi nổi đã ăn ruồng vào tâm trí tôi muôn thuở không quên. Nếu không có phép lạ xảy ra thì cái ngày định mệnh này đã buộc tôi phải ra đầu thú với nhà cầm quyền Việt Cộng tại Sài Gòn để có cơm ăn, có nhà ở, dù đó là cơm tù và là nhà tù.

Xin cho tôi bắt đầu từ mốc thời gian 10 tháng 3 năm 1975 trên cao nguyên Daklak là nơi tôi chào đời (thoát đó đã 54 năm vèo qua). Ai trong chúng ta mà không nhớ 10-03 là ngày tháng khởi đầu cho một loạt biến cố nước mất nhà tan. Sau khi Ban Mê Thuật rơi vào tay Cộng Sản, những người lính quân lực Việt Nam Cộng Hòa chúng tôi lớp bị bắt, lớp đầu hàng lần lượt bị đưa vào Trại Cải Huấn Ban Mê Thuật giam giữ. Ở đây sau hơn hai năm đội lớp tù học tập cải tạo lao động theo đường lối Xã Hội Chủ Nghĩa, một đêm cuối tuần tôi và người bạn tù tên Chiêu, biệt danh Lô Hổ trốn trại may mắn thoát được. Sau này ở Canada tôi mới biết Chiêu bị bắt trở lại, bị đánh liệt một chân, mù mắt trái rồi đưa vào trại cải tạo Méval, cách thị trấn BMT khoảng 35 cây số trong rừng sâu. Méval trước kia là đồn điền trồng cao su và cà phê của Tây. Trong thời chiến tranh, tình lộ 8 đi Méval xuyên qua Quảng Nhiêu bị cắt đứt. Nhiều trận đánh đẫm máu đã diễn ra tại khúc quanh đố đốc về Quảng Nhiêu gây nhiều thương vong cho cả đôi bên. Sau chiến tranh, Việt Cộng lấy Méval làm trại tù giam giữ các sĩ quan, viên chức chính quyền lẫn hình sự phía miền Nam. 12 năm sau Chiêu Lô Hổ được phóng thích và được thân nhân bảo lãnh qua Mỹ không lâu bạo bệnh chết. Riêng phần số tôi xuống tới Sài Gòn ở nhà người này vài ngày, người nọ ba bữa, người kia nửa tháng, cứ vậy luân phiên xoay vòng cho tới khi không bà con thân nhân nào có thể chấp chứa được nữa.

Từ đó tôi trở thành một người "vô sở trú" hoàn toàn đúng nghĩa với câu "chuyên chính vô sản" mà Cộng Sản luôn luôn lớn tiếng đề cao. Ban ngày tôi đi lang thang vô định, hoặc ngồi lặng hàng giờ ngoài công viên, đói thì uống nước làm no. Nhiều phen tôi cố đi tìm việc nhưng không có giấy tùy thân lấy đâu ra việc. Cho tới một hôm thất thểu ra chợ sách tình cờ tôi gặp lại người bạn cùng đơn vị cũ đang bán sách tại đây. Vậy là tôi hăm hở lao vào nghề "bán chữ nghĩa" bằng cách đi "cân ve chai" hoặc biết chỗ đến mua sách về bán lại cho các bạn hàng kiếm ăn qua ngày. Ban đêm nhà tôi là màn trời chiếu đất. Có đêm ngủ ở chợ Thái Bình; có đêm rúc

trong xe nước mía ở Ngã Tư Bảy Hiền; có đêm ngủ bậy trên cây vú sữa đường Lương Hữu Khánh; có đêm ngồi co ro dưới chân cầu Bông vân vân. Tôi ngủ bậy bao nhiêu, câu thơ thương cảm trong hồn tôi trào ra bấy nhiêu. Chim có tổ, người có tông; tôi cũng là người nhưng còn có cái gì đây! Người đời nhìn tôi thân tàn ma dại lúc bấy giờ chẳng ai ngờ mình cũng từng là một sĩ quan Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa. Riết rồi chịu hết nổi tôi hóa cuồng định sáng hôm sau ra đầu thú may ra đỡ hơn cảnh trôi sông lạc chợ chẳng? Song con người ai cũng có số mệnh. Một khi người ta rơi xuống tận cùng đáy sâu của xã hội có người tuyệt vọng xuôi tay thì cũng có người được một phép lạ cứu ra, vượt lên, thoát đi. Sông có khúc, người có lúc mà .

Như đã nói ở trên, ngày 25-11-79 mới thực sự là ngày đổi đời của tôi. Má tôi, người đàn bà suốt đời tận tụy vì chồng con, từ trên Ban Mê Thuật bán nhà xuống nộp 5 cây vàng cho bà thím để đưa tôi đi vượt biên. Cái từ vượt biên "trật búa" này trước đó chẳng bao giờ... dám hó hé, lai vãng trong đầu tôi.

Tờ mờ sáng ngày 25, tôi và người bà con - cựu Thiếu úy Biệt Động Quân Chung Sự Vụ, cải tạo 4 năm tại Phú Quốc, đi chui đường Rạch Giá cả thấy 8 lần không lọt - đón Taxi xuống bến xe Xa Cảng Miền Tây mua vé đi Rạch Giá vượt biên.

Bến xe Xa Cảng Miền Tây. 4 giờ sáng đã ồn ào náo nhiệt. Nhiều người chịu khó ngủ qua đêm trước quầy bán vé, chầu chực tới mờ sáng thức dậy chen nhau xếp hàng, giành nhau mua vé. Bến xe mà y như buổi chợ. Chen giữa tiếng người huyên náo là những tiếng động cơ xe hai bánh và xe xích lô máy. Tiếng còi xe ngược xuôi vô trật tự ré lên inh ỏi, át cả những tiếng người gọi nhau ới ới, những tiếng khóc của trẻ con, những tiếng chửi thề ngọt lịm, những tiếng rao hàng lanh lảnh. Bến xe này cũng là nơi có lần tôi ngủ bụi để sáng hôm sau mở mắt ra mới biết mình vô ý bị kẻ gian đánh cắp mất cặp kính cận. Trời ơi trời! Đã nghèo lại mất cái eo. Hồn đời tôi gần như ... "mù" luôn từ đó .

Bây giờ không biết đường về Lục Tỉnh ra sao chớ hồi đó đường Sài Gòn - Rạch Giá lở lói, lổm chổm đầy những ổ gà. 7 giờ sáng xe đò mới chuyển bánh. Xe đã quá tải, dọc đường còn rước thêm khách. Những chiếc ghế *sup* (ghế phụ) được tận dụng tới đa. Chuyển xe sáng xuôi Nam như con ngựa sắt già nua, ốm đói, xục xịch, lắc lư đưa tôi về miệt Phú Lâm, chạy qua Bình Chánh, qua cầu Bến Lức, qua phà Mỹ Thuận về Bắc Vàm Cống, qua ngã ba lộ rẽ theo con đường số 8 vào thị xã Rạch Giá. Xe vừa tới bến trời cũng vừa xế chiều. Hồi còn đi học có dịp về miền Tây lòng tôi như trẻ nhỏ lúc nào cũng nôn nao, háo hức, khác với lần này - âm thầm, lặng lẽ, bản khoăn, lo lắng - tôi đi như rong rêu, như đám lục bình trôi ra biển hay giạt vào nơi không bến không bờ.

Bến xe Rạch Giá, sau 75 được dời ra ngoài thị xã, tọa lạc trên một mảnh đất thuộc phi trường Lạc Hồng. Không biết đã dời ra bao lâu nhưng lúc xuống bến xe trông đìu hiu, vắng vẻ lắm. Chỉ vài căn nhà lợp tôn, vách ván dựng lên thô sơ trên nền đất, đá, bụi và rác cốt để kịp tiếp rước hành khách đi ngược về xuôi. Trong khi tôi ngao ngán nhìn quanh thì người bà con hối thúc tôi ra đường đón xe lam vô chợ chờ người đến rước đi.

Vừa qua cổng Rạch Mèo theo con dốc đổ vào thị xã Rạch Giá, hình ảnh đầu tiên đập vào mắt tôi là cách cấu trúc sống động của cổng Tam Quan đứng lừng lững giữa trời và đất tựa bao giờ. Biểu tượng muôn đời của người Rạch Giá lúc đó trông cũ kỹ, buồn bã nhưng không kém vẻ oai nghiêm và tự nhiên. (Khác với hình chụp cổng tam quan chói chan, rực rỡ, đầy sức sống với lá cờ vàng ba sọc đỏ bay trên đỉnh trước 75 được in trên bìa Đặc San 2000 của Hội Cựu Học Sinh Kiên Giang Nam Cali). Hình ảnh sống động trên bìa Đặc San này khiến tôi liên tưởng đến bộ mặt hoàn toàn mới mẻ, trẻ trung, tươi rói mà lạ lẫm và thật tội nghiệp của Chùa Một Cột ngoài Bắc, là một trong những "nạn vật" (không phải nạn nhân) của những "đỉnh cao trí tuệ" có nhiệm vụ bảo tồn và phát huy di sản văn hóa. Đành là phải tu bổ để chống lại sự hủy hoại tàn khốc của thời gian, nhưng đứng trước các biểu

tượng chủ chiến, đền đài, lăng tẩm này máu tôi như chảy ngược. Người ta đã lột bỏ lớp vỏ cổ kính, u trầm mà dòng thời gian mưa nắng gió sương đã âm thầm phủ lên đời nó. Giống như những tĩnh vật có cái đầu lộn ngược, có cái chân mọc trên cánh tay, có con mắt nhắm nghiền gắn ở sau lưng. Sự cách tân phi nghệ thuật này làm cho nó xa với vẻ tự nhiên, xa với sự thật hiển nhiên của đời sống.

Ở hải ngoại sau này tôi có hỏi một huynh trưởng họ Cao, sinh trưởng tại Rạch Giá về nguồn gốc cổng tam quan thì được biết vào thời Đệ Nhất Cộng Hoà, một trong những vị Tỉnh Trưởng Rạch Giá muốn lưu lại một cái gì đặc biệt cho tỉnh nhà nên mới phát sinh công trình này. Cổng tam quan do nhà thầu khoán Mười Cối dựng nên qua họa đồ kiến trúc của thầy Lộc, một nhân viên công chánh địa phương.

Về ý nghĩa cổng tam quan thì nhà mô phạm kiêm tướng số họ Trương hiện cư ngụ tại Toronto điền nhiên giải thích:

"Tam quan là ba cửa. Cửa giữa dành cho Trạng Nguyên đi qua. Hai cửa còn lại là cửa Thám Hoa và Bản Nhân. Chỉ thế thôi".

Cách giải thích giản dị, dễ hiểu của thầy về cổng tam quan rõ ràng khác với ý nghĩa của cửa tam quan trước chùa. Bậc thiền giả kiến giải như sau :

"Một bên là Không quan. Một bên là Giả quan. Ở giữa là Trung quan. Người mới nhập đạo thích vào Không quan những mong sớm tiêu trừ nghiệp chướng nặng nề để thành Không. Học đạo rồi mới hiểu cái mình có là giả nên hướng qua Giả quan. Sau khi ngộ đạo là khai huệ, mở được con mắt bát nhã - mới biết cái mình cảm thấy vừa không phải là Không mà cũng không phải là Giả. Nghĩa là bậc thiện tâm đã bước qua Trung quan. Lúc đó người lẩn tam quan đều biến luôn" .

Điều này làm tôi nhớ tới mấy vần thơ nổi tiếng của thi hào Tô Đông Pha, một quan đại phu đời nhà Tống cảm tưởng:

Lô sơn yên tỏa Chiết giang triều
Vị đáo sanh bình hận bất tiêu
Đáo đắc hoàn lai vô biệt sự
Lô sơn yên tỏa Chiết giang triều

Dịch là:

*Khói ngút non Lô sóng Chiết giang
Khi chưa đến đó lòng mơ màng
Đến rồi hóa vẫn không gì khác
Khói ngút non Lô sóng Chiết giang*

Cũng như sư Thanh Nguyên Duy Tín có lời tự thuật như sau:

"Sãi tôi, ba mươi năm trước, khi chưa học Thiền thấy núi là núi, thấy nước là nước. Nhân sau theo bậc thiện trí thức chỉ cho chỗ vào thì thấy núi chẳng phải núi, thấy nước chẳng phải nước. Rồi nay thể nhập chốn tịch tĩnh, i nhiên, thấy núi chỉ là núi, thấy nước chỉ là nước".

Chèn ơi! U mê ám chướng như tôi mà luận về Thiền thì... phi Thiền mất. Vậy xin trở lại vấn đề.

Nghe nói nhiều người xuống Lục Tỉnh đi chui phải ngục trang sao cho giống với người địa phương hầu che mắt bọn công an rình rập bắt bớ. Riêng tôi và người bà con vốn đã phong trần (từ lò cải tạo) có tới lui xuôi ngược cả buổi trong chợ cũng chẳng ma nào thèm ngó. Ngồi ăn cơm chiều ở một quán cơm lộ thiên tôi lặng lẽ quan sát thấy chợ Rạch Giá quả là sầm uất . Chợ búa về chiều kẻ buôn người bán vẫn vui vẻ tấp nập. Bên kia đường là rạp hát Châu Văn đang diễn tuồng cải lương gì mà người đông đen.

Khoảng 8 giờ tối người dẫn đường tên Nồn quen với người bà con từ trước tới đưa chúng tôi đi. Nhưng vì chưa tới giờ hẹn cũng như để tránh tai mắt những kẻ tò mò, chúng tôi đi lanh quanh vô chợ nhà lồng rồi rảo bước ngược ra hướng cầu đúc. Đứng trên cầu ngó xuống dòng nước đen thẫm lấp loáng những vệt ánh sáng hắt xuống từ một ngọn đèn đường tự nhiên lòng

cảm thấy buồn hiu. Rồi tôi ngược lên nhìn ngọn đèn đỏ vươn lên cao vút, âm thầm soi mình trong đêm tối. Tôi nghĩ đến nỗi buồn trời biển của Đốc Binh Tiền Đạo Nguyễn Trung Trực, một đấng trung can tiết liệt đã cùng các trang nghĩa sĩ vì nước đã đứng lên chống thực dân Pháp. Nhưng rồi khi lâm cảnh mạc lộ, người đã tự ý ra nộp mình cho giặc để đồng bào khỏi bị chết oan và để mẹ già thôi bị hành hạ. Cái nỗi buồn bất đắc chí của Quan Thượng Đẳng Đại Thần, anh hùng dân tộc Nguyễn Trung Trực lại là cái tang lịch sử chung cho cả nước. Cái tang dân tộc đó khởi từ ngày 27 tháng 10 năm 1868, nhằm ngày 12 tháng 9 năm Mậu Thìn tại chợ Rạch Giá kéo dài cho tới tận bây giờ và cho cả tương lai. Sống đời có những nỗi buồn thâm hậu mà thời gian có trăm năm vẫn chẳng phai, cũng như có những nỗi buồn đau phớt nhẹ thôi cũng đủ làm đời lay động, nhưng cũng có những nỗi buồn chẳng ra gì mà cũng chẳng thấm thía chi như cái buồn tôi đang mang trong lòng: bỏ xứ mà đi.

Đúng 9 giờ 30 chúng tôi bắt đầu lên đường hướng ra biển. Vì sống bằng nghề nông quen đường đi nước bước nên Nôn đi rất nhanh. Lúc thì băng đồng vượt suối, lúc thì xuyên kinh lội rạch làm hai thằng tôi lúp xúp bám theo muốn học xì dầu. May nhờ có ánh trăng soi đường cũng đỡ khổ cho tầm nhìn. Tôi nhớ đêm đó có đi ngang qua một ngôi chùa tịch tịch, hắt ra một chút ánh đèn vàng ịch lạch trong tiếng kinh kệ trầm buồn như thăm đốn người mới tới mà cũng ngẫm tiến bước chân đi. Tôi tin rằng đi lánh nạn mà gặp chùa chiền, thánh thất hay nhà thờ chẳng khác nào có trời phật, thần thánh theo sau độ trì.

Khi chúng tôi tới điểm tập trung là một cái chòi thì đã có khoảng chục người gồm đàn ông đàn bà và trẻ con tới trước rồi. Để phòng du kích hay công an ruồng bố bắt thần, tôi và người bà con mò ra gốc cây me cách chòi khoảng 20 thước nằm ngủ. Nhưng muỗi đông như cám vãi tấp công tới tấp khiến chúng tôi không tài nào ngủ được. Đêm xuống sâu. Gió rất thoảng. Nghe sóng vỗ dưới bãi lòng nhớ nhà vô hạn.

Ngày hôm sau nằm chờ ghe lớn đến nửa đêm có người xách đuốc tới đưa từng toán chúng tôi ra ghe. Cái cảnh đêm hôm khuya khoác quê người dò dẫm theo ánh đuốc chập chờn mà lần bước xuống bãi bùn lội biển ra ghe làm sao mà quên cho được. Đã lạnh lại hồi hộp sợ bễ, bị bắt đi tù thì chỉ có nước... tự trầm. May mà chuyến đi bình an vô sự. Chiếc ghe mang bản số KG (không nhớ số), ngang thước rưỡi, dài bảy thước chở 42 thuyền nhân như chiếc lá tre giữa mênh mông biển cả sóng dồi. Vậy mà rồi sau hai ngày ba đêm ghe cũng lù dù cặp mũi vào bến Leam Ngop, Thái Lan rạng sáng ngày 1 tháng 12 cùng năm. Đúng là "lù dù có ông cù độ mạng".

Rạch Giá của tôi, tôi chỉ biết có như vậy. Tôi chỉ biết Rạch Giá có một ngày một đêm, mà lại biết về đêm hơn là ngày. Tôi cũng không ngờ chỉ bước chân lên đất Rạch Giá một lần thôi mà sau này trở thành rễ Rạch Giá, và người trăm năm của tôi là một thiếu nữ Kiên Giang bình dị, chất phát như mảnh đất hiền hòa nằm bên bờ biển Rạch Giá, nơi 22 năm về trước tôi, một lần bỏ xứ mà đi. Và những tưởng sẽ chẳng bao giờ quan tâm đến người và mảnh đất lành này, cho đến khi tôi và vợ con cùng gia đình ông anh vợ qua Mỹ tham dự ngày họp mặt quý Thầy Cô và các cựu học sinh Kiên Giang được tổ chức lần thứ hai, năm ngoái tại miền Nam California.

Bây giờ ở "miệt dưới" Nam bán cầu châu Úc đang trải qua mùa đông, ngược với Bắc bán cầu của chúng ta đang nồm nức vào hè. Nam với Bắc giống như hai mũi tên lúc nào cũng nghịch hướng nhau. Ở những vùng có tuyết bên Mỹ dân tình chắc không khác mấy so với dân tình xứ tuyết Cà-đa-diên, nghĩa là một năm 365 ngày đã hết nửa năm co ro rút rút vì lạnh. Nên đông vừa trôi qua hè trời tới là loài người cứ như bầy ong bay tủa ra ngoài đường ngoài bãi hưởng cho bằng hết cơn nắng ấm vàng hoe ngã ngủ trong ba tháng hè. Người Bắc Mỹ chúng tôi rất quý mùa hè. Mùa hè tha hồ cho ta làm đủ mọi chuyện thoải mái trên đời mà không sợ... lạnh tay lạnh cẳng. Mùa hè có đám cưới kèn bốp lên inh ỏi, lon kéo chạy ngoài đường dưới bóng mặt

trời cười chói lọi. Mùa hè có hội hè đình đám thâu đêm suốt sáng vào cuối tuần. Mùa hè có phục sức mỏng và mát hợp thời trang. Mùa hè có *topless*, tuy phạm thuần phong mỹ tục nhưng mát lòng mát dạ các đấng trượng phu vân vân và vân vân.

Trong các loại mùa hè năm nay có mùa hè của tờ Thời Báo và các thân hữu vừa tổ chức một đêm dạ tiệc, văn nghệ dạ vũ gây quỹ cho 4 trường Việt Ngữ tại Toronto và Mississauga hôm 26 tháng 5 vừa qua. Chương trình văn nghệ gồm các ca sĩ Như Quỳnh, Thu Hà (Cali), Đoàn Chính (Montreal) cùng các ca sĩ địa phương như Chế Linh, Duy Hùng, Đoàn Nguyên, đặc biệt có sự tham dự của nghệ sĩ vĩ cầm Wasyl Popadiuk. Ban tổ chức gây quỹ học đường lần đầu tiên cho biết mức thành công sẽ mang lại sự hứa hẹn đợt hai trong tương lai.

Cũng trong mùa hè này, đặc biệt có mùa hè của quý Thầy Cô và các cựu học sinh Kiên Giang vừa tổ chức một ngày họp mặt thân hữu Kiên Giang vào lúc 6 giờ chiều ngày 9-6 tại một nhà hàng Tàu ở khu Markham, qui tụ khoảng 200 người.

Đạo này phong trào họp mặt thầy cô và cựu học sinh các trường trung học trước kia ở bên nhà trôi giạt qua đây coi bộ rất được mùa. Đầu tháng tư gió Đông còn phảng phất lạnh đã có Ngày Họp Mặt kết hợp hai trường Chu Văn An và Trưng Vương qui tụ hơn 400 trăm người từ địa phương cho tới các nơi trên thế giới về. Sau đó là Cần Thơ, Phan Thanh Giản, Gia Long, liên trường (không biết đã liên hiệp được bao nhiêu trường), Kiên Giang vân vân. Các trường kể trên mỗi năm họp mặt một lần, riêng nhóm Kiên Giang Toronto chuẩn bị họp mặt vào năm 2002 chỉ một lần duy nhất mà thôi. Sau đó, ngày họp mặt lần thứ tư sẽ được tổ chức ở thành phố khác, nước khác, thời gian nào đó. Có thể một, hai năm hoặc lâu hơn.

Từ ngày mang trọng trách tổ chức Ngày Họp Mặt lần thứ ba tại Toronto năm 2002, anh em cựu học sinh Kiên Giang tại Toronto và các vùng phụ cận dưới sự hỗ trợ hết lòng của quý Thầy Cô, hầu như tháng nào cũng liên miên họp hành. Địa điểm sinh hoạt xoay quanh nhà quý Thầy Cô hoặc tề xá các cựu học sinh. Xuyên qua những lần họp, những khuôn mặt rất Kiên Giang - thầy cũng như trò - đã hăng hái mổ xẻ mọi vấn đề hầu tìm giải pháp thích ứng với vai trò của Ban Tổ Chức. Kết quả, ngày họp mặt thân hữu Kiên Giang vừa qua là lần ra mắt đầu tiên để rút ưu khuyết điểm cho ngày họp mặt chính thức vào năm tới đã được khẳng định trong ba ngày 5-6-7 tháng 7 năm 2002 tại Đại Toronto.

Vì nội tướng của tôi là trưởng ban "tổng khâu" (âm thực) trong Ban Tổ Chức nên rề Rạch Giá tôi cũng bị anh em... thò tay kéo vào gán cho một cái chức đại khái gọi là lon ton sai vật.

Ngồi chung chiếu với bạn bè mới quen, tôi cảm thấy an lòng hết sức. Ừ, thì ít ra quanh tôi hôm nay có những cái đầu không (hoặc chưa từng) nhen nhúm sự toan tính hơn thua, không bon chen, quyền phép, không cá nhân, vụ lợi. Những khuôn mặt miền Nam hiền hòa, chất phát, không hiểu động này sau nhiều năm trà trộn vào nền văn minh cơ khí quê người vẫn không sao gột rửa hết mùi gió biển, mùi cỏ nội hương đồng áng yêu vốn đã thấm đẫm vào từng tế bào hay đã ăn sâu vào hồn từ thuở khai sinh. Trò đã như vậy, thầy cô dù Nam hay Bắc 54 càng ôn hòa, cởi mở và dễ tính hơn. Sau hơn thế kỷ nước mất nhà tan, tóc thầy cô đã bạc, học trò có đứa tóc cũng chẳng còn xanh. Ngồi lại với nhau, chung lưng đấu cật sao mà giống như anh em một nhà, thậm chí như là bè bạn thâm giao. Trong mỗi cuộc họp, sự đồ già trẻ đều trở nên bình đẳng, hòa đồng, cởi mở, cười nói rất thoải mái, tự nhiên. Sự khép nép, tính nghiêm khắc ngày xưa dưới mái trường nay đã nhường chỗ cho lòng vị tha, bác ái.

Người Kiên Giang hiền hòa; người Kiên Giang chất phát; người Kiên Giang hiếu khách; người Kiên Giang năng nổ; người Kiên Giang đáng để kết bạn, dù những người bạn đang ngồi trước mặt tôi đây (trừ thầy cô) đều nhỏ tuổi hơn tôi, kể cả ông anh vợ tôi.

Tóm lại, người Kiên Giang đáng trân trọng; người Kiên Giang đáng mến đáng yêu. Nhưng mà người Kiên Giang... không biết hát! Có điều, tuy nhiên, nhưng mà- ba cái giới từ này xưa nay vốn thiệt là phiền - có câu "hát hay không bằng hay hát" khiến cho ông nhạc trưởng họ Phan vốn khó tính cũng "dĩ hòa vi quý". Cứ nhìn sự kiên nhẫn của ông qua cung cách nhạc trưởng và sự cố gắng phi thường của các "ca nhân nghiệp dư", kết quả các bản hợp ca dù có bị những "tiếng hát dân chài" này làm biến thái, biến âm, biến sắc, biến dạng, biến hình một chút, một chút thôi, nghe ra vẫn cứ... hay như thường. Hãy nhìn những người bạn Kiên Giang đáng mến này, đa số tuổi cũng chẳng còn trẻ trung gì - từ lớp tuổi "tri thiên mệnh" (50) xuống tới tuổi "nghĩ bất hoặc" (40) - thì những bài ca thoát ra từ những tâm hồn bình dị làm sao đòi hỏi hoàn chỉnh cho đặng. Tôi mạo muội nói họ "không biết hát" dù hát nhạc sống hay hát Karaoke, nhưng lòng hăng hái, nhiệt tình, thiết tha trong nhiệm vụ... tập hát là một "nghệ thuật hát xướng" đáng khích lệ, đáng vỗ tay thật nhiều, thật lớn, thật lâu mà ca ngợi.

Tóm lại, đây cũng là một trong những lý do tôi buông tay thả trôi hồn mình giạt về bến cũ để viết nên những dòng này cho người Kiên Giang trong nước (nói chung) và cho thầy cô, bè bạn Kiên Giang ngoài nước (nói riêng).

Một mai trên dòng đời tất bật này, nếu có hát và có hòa đồng thì tôi vẫn thích theo người- trăm-năm của tôi để tìm tới những người Kiên Giang "không biết hát", nhưng mỗi lần hát là hát hết mình, hát hết lòng hết dạ, hát với cả tâm tình, hát từ tim, hát bằng hơi thở Kiên Giang mến yêu.

Hát với người Kiên Giang, trong đó có người-trăm-năm của tôi cũng là một cách giạt về bến cũ vậy.

*Mai một về quê em Rạch Giá
Xin đời mặc lại áo bà ba
Chèo xuống đi khóc ngoài cửa ải
Chỗ xưa tôi với đất chia xa.*

Toronto Quốc Khánh 1.7.2001

Vượt biển đến Laem Sing



Ngày 25 tháng 11 năm 1979 cách đây 37 năm là một thời điểm quan trọng, một biến cố lạ lùng sôi nổi đã ăn sâu vào tâm trí tôi muôn thuở không quên. Nếu không có phép lạ xảy ra thì cái ngày định mệnh này đã buộc tôi phải ra đầu thú với nhà cầm quyền Việt Cộng tại Sài Gòn để có cơm ăn, có nhà ở, dù đó là cơm tù và là nhà tù.

Như đã nói, ngày 25-11-79 mới thực sự là ngày đổi đời của tôi. Má tôi, người đàn bà suốt đời tận tụy vì chồng con, từ trên Đà Lạt bán nhà xuống giao 5 cây vàng cho bà thím đưa tôi đi vượt biên.

Tờ mờ sáng ngày 25, tôi và người bà con tên Phước – cựu Thiếu úy Biệt Động Quân Chung Sự Vụ, cải tạo 5 năm tại Phú Quốc, đi chui đường Rạch Giá cả thầy tám lần không lọt – đón Taxi xuống bến xe Xa Cảng Miền Tây mua vé đi Rạch Giá vượt biên. Bến xe Xa Cảng Miền Tây 4 giờ sáng đã ồn ào náo nhiệt. Nhiều người chịu khó ngủ qua đêm trước quầy bán vé, chầu chực tới mờ sáng thức dậy chen lấn xếp hàng, giành nhau mua vé. Bến xe mà y như buổi chợ. Chen giũa tiếng người huyên náo là những tiếng động cơ xe hai bánh và xe xích lô máy. Tiếng còi xe ngược xuôi vô trật tự ré lên inh ỏi, át cả những tiếng người gọi nhau ơi ới, những tiếng khóc của trẻ con, những tiếng chửi thề ngọt lịm, những tiếng rao hàng lạnh lạnh.

Bây giờ không biết đường về Lục Tỉnh ra sao chớ hồi đó đường Sài Gòn – Rạch Giá lở lói, lờm chờm đầy những ổ gà. Bảy giờ sáng xe đò mới chuyển bánh. Xe đã quá tải, dọc đường còn rước thêm khách. Những chiếc ghế “súp” (ghế phụ) được tận dụng tới đa. Chuyến xe sáng xuôi Nam như con ngựa sắt già nua, ốm đói, xục xịch, lắc lư đưa tôi về miệt Phú Lâm, chạy qua Bình Chánh, qua cầu Bến Lức, qua phà Mỹ Thuận về Bắc Vàm Cống, qua ngã ba lộ tẻ theo con đường số 8 vào thị xã Rạch Giá. Xe vừa tới bến trời cũng vừa xế chiều. Hồi còn đi học có dịp về miền Tây lòng tôi như trẻ nhỏ lúc nào cũng nôn nao, háo hức, khác với lần này – âm thầm, lặng lẽ, bán khoán, lo lắng – tôi đi như rong rêu, như đám lục bình trôi ra biển hay giạt vào nơi không bến không bờ.

Nghe nói nhiều người xuống Lục Tỉnh đi chui phải nguy trang sao cho giống với người địa phương hầu che mắt công an rình rập bắt bớ. Riêng tôi và Phước, người bà con vốn đã phong trần từ lò cải tạo có tới lui xuôi ngược cả buổi trong chợ cũng chẳng ma nào thèm ngó. Ngồi ăn cơm chiều ở một quán cơm lộ thiên tôi lặng lẽ quan sát thấy chợ Rạch Giá quả là sầm uất. Chợ búa về chiều kẻ buôn người bán vẫn vui vẻ tấp nập. Bên kia đường là rạp hát Châu Văn đang diễn tuồng cải lương gì mà người đông đen.

Khoảng 8 giờ tối người dẫn đường tên Nôn quen với Phước từ trước tới đưa chúng tôi đi. Nhưng vì chưa tới giờ hẹn cũng như để tránh tai mắt những kẻ tò mò, chúng tôi đi lanh quanh vô chợ nhà lồng rồi rảo bước ngược ra hướng cầu đúc. Đứng trên cầu ngó xuống dòng nước đen thẫm lấp loáng những vệt ánh sáng hắt xuống từ một ngọn đèn đường tự nhiên lòng cảm thấy buồn hiu. Sống đời có những nỗi buồn thâm hậu mà thời gian có trăm năm vẫn chẳng phô pha, cũng như có những nỗi buồn dẫu phút nhẹ thôi cũng đủ làm đời lay động, nhưng cũng có những nỗi buồn chẳng ra gì mà cũng chẳng thấm thía chi như cái buồn tôi đang mang trong lòng: bỏ xứ mà đi.

Đúng 9 giờ 30 tối chúng tôi bắt đầu lên đường hướng ra biển. Vì sống bằng nghề nông quen đường đi nước bước nên Nôn đi rất nhanh. Lúc thì băng đồng vượt suối, lúc thì xuyên kinh lợ rạch làm hai thằng tôi lúp xúp bám theo muốn học xì dầu. May nhờ có ánh trăng mờ mờ soi đường cũng đỡ khổ cho tầm nhìn. Tôi nhớ đêm đó có đi ngang qua một ngôi chùa tịch mịch, hắt ra một chút ánh đèn vàng ệch lẫn trong tiếng kinh kệ trầm buồn như thăm đón người mới tới mà cũng ngằm tiến bước chân đi. Tôi tin rằng đi lánh nạn mà gặp chùa chiền, thánh thất hay nhà thờ chẳng khác nào có trời Phật, thần thánh theo sau độ trì. Khi chúng tôi tới điểm tập trung là một cái chòi lá thì đã có khoảng chục người gồm đàn ông đàn bà và trẻ con tới trước rồi. Để phòng du kích hay công an ruồng bố bắt thần, tôi và Phước mò ra gốc cây me cách chòi khoảng 20 thước nằm ngủ. Nhưng muỗi đông như cám vãi tán công tới tấp khiến chúng tôi không tài nào ngủ được. Đêm xuống sâu. Gió rất thoáng. Nghe sóng vỗ dưới bãi lòng nhớ nhà vô hạn.

Sau hai ngày nằm chờ ghe đến nửa đêm thì có người xách đuốc tới đưa chúng tôi xuống bãi. Cái cảnh đêm hôm khuya khoắt dò dẫm theo ánh đuốc chập chờn lần bước xuống bãi bùn lợ biển ra ghe làm sao mà quên được. Từ điểm xuất phát xuống tới bãi hầu như không có lối đi. Dưới ánh trăng mờ ảo, chúng tôi ráng bám theo người dẫn đường, đạp bừa lên các chướng

ngại vật, vạch đám lá phi lao già cối, cao quá đầu người lần mò từng bước đi tới điểm hẹn. Sau khi đốc thúc mọi người lên hai ghe-nhỏ-giọt xong, tài công hối hả dong thẳng ra ghe lớn. Từ ghe nhỏ ra ghe lớn khoảng một hải lý. Chiếc ghe mang bản số KG 146 dài 7m, ngang 1.5m chở 42 thuyền nhân như chiếc lá tre giữa mênh mông biển cả sóng dồi.

Để bảo đảm an toàn cũng như tránh tai mắt công an biên phòng, tất cả mọi người đều dồn xuống lòng ghe. Giữa tiếng chân người khua động, ồn ào, chen lấn, xô đẩy nhau tìm chỗ ngồi, tuyệt nhiên không có tiếng la hét, cự nự, chửi rủa nào cất lên. Gần 40 nhân mạng nằm ngòai chen chúc trong lòng ghe chật chội tối om, không ánh sáng, không cả một tiếng động ngoài tiếng máy ghe rì rầm rẽ sóng. Tôi nằm cong người theo lườn ghe, im lặng cảm nhận vị mặn của nước biển thấm vào người, như thủy triều, lại rút tất cả những hệ lụy của cuộc sống ra khỏi người tôi.

Đêm sâu hơn, dài hơn, không khí ngột ngạt trong lòng ghe như đè nặng trên những con người đang chạy trốn hiểm họa Cộng sản. Đúng như nhà văn Victor Hugo nói: “Chủ nghĩa Cộng sản là giấc mơ của vài người, nhưng là cơn ác mộng của nhân loại”.

Rạng sáng ngày hôm sau ghe ra tới hải phận quốc tế, chủ ghe mới mở nắp hầm cho ánh sáng và không khí tràn xuống lòng ghe. Trong lòng ghe lúc đó là cuộc tập trung một đám đông hỗn độn, bèo nhèo, mệt mỏi, lo ngại, ướt như chuột lột. Ngồi gần nắp hầm, lợi dụng không ai để ý, tôi ngó đầu lên nhìn quanh rồi tót hẳn lên sàn ghe. Vài anh thanh niên thấy vậy cũng lóp nhóp lên theo.

Ngày đang hé cửa. Trên bầu trời đầy nắng và gió. Tôi nhìn lên những đám mây bay trên cao, hít thở mùi vị mặn của biển và nao nao thương thức sự tự do của mình. Trên đường vượt biển, thỉnh thoảng chúng tôi nhìn thấy tàu chở hàng phía đường chân trời. Giữa đại dương trời biển mênh mông, chiếc ghe của chúng tôi hầu như vô hình.

Đến chiều trời bắt đầu mưa to, gió mạnh. Biển khơi trùng trùng lộng gió. Từng đợt sóng khổng lồ, đen kịt, rùng rùng sôi sục, uốn lượn, thét gào, đẩy ghe của chúng tôi như chiếc lá tre, mong manh bên bờ sóng chết; lúc thì chơi vơi trên đầu ngọn sóng, lúc thì tuột xuống thăm thẳm đáy sâu. Một người chưa từng đi biển như tôi, đối diện với biển mới thấy thế giới biển thật hùng vĩ nhưng man rợ và hãi hùng hơn sức tưởng tượng của con người.

Để được an toàn, chủ ghe lại bắt chúng tôi trở xuống. Trong lòng ghe hầu như không còn ai biết đói là gì. Giữa tiếng máy ghe rì rầm giữa nghiêng lướt trong đêm tối đen như mực tôi nghe lâm râm những lời cầu nguyện.

Qua ngày thứ hai trời êm biển lặng, tôi và một số người lại lên sàn tàu ngóai hóng gió, chuyện trò mới biết ghe đang hướng mũi về Thái Lan. Sau cơn bão, biển lại hiền lành như giải lụa mềm lung linh uốn lượn. Nắng trên cao đưa mây phiêu du về nơi cuối trời. Lúc đó tôi cảm thấy đời không còn là biển khổ như nhà Phật nói, mà biển trông thật huy hoàng, tráng lệ, biển như ngân nga trong vi vu gió biển và biển thở phập phồng.

Người và ghe đang bành bồng trong biển nước êm mơ chợt một tàu sắt lù lù trôi tới làm ai nấy đều giật mình sợ hãi. Nhìn lá cờ bay phấp phật trên cột buồm tôi biết đó là tàu đánh cá Thái Lan. Một tên ngư phủ Thái lực lưỡng, mình trần trùng trục, nước da nâu sạm, vận sà-rông nhanh nhẹn quăng dây thừng kéo ghe chúng tôi áp sát lườn tàu. Sau đó thêm ba tên ngư phủ mặt mày hung tợn, cầm mã tấu nhảy xuống ghe bắt tất cả lên tàu sắt để họ lục soát. Chủ tàu Thái ra lệnh đưa đàn bà, con nít xuống khoang dưới, đàn ông thì dồn vào một góc trên boong khiến ai nấy đều hoang mang lo lắng không biết chúng có ý đồ gì. Nhưng sau khi cho chúng tôi ăn uống tắm rửa xong khoảng nửa giờ sau chủ tàu cho thả hết mọi người về ghe, lại tót bụng cung cấp thực phẩm, nước uống cho ghe chạy đi. May mà chiếc hải bàn không bị đánh cắp. Hú vía.

Sau hai ngày đêm giông bão ghe vẫn nương theo sóng gió ngòm ngợp lướt nhanh. Lúc này tôi ở hẳn bên cạnh tài công phụ giúp xem hải bàn điều chỉnh phương hướng cho chính xác. Thật ra, hải bàn đi biển không khác gì lắm so với địa bàn như hồi tôi học trong quân trường Thủ

Đức. Lấy kinh nghiệm dùng la bàn đi địa hình tôi luôn luôn theo dõi và điều chỉnh độ sai số để hướng đến mục tiêu.

Đến chiều ngày thứ ba thấy hải âu xà xuống mũi ghe tài công mừng rỡ la lên cho biết chúng ta sắp đến đất liền rồi. Nói sắp đến đất liền nhưng ghe vẫn tiếp tục lướt sóng mãi đến lúc trời chạng vạng tối mới thấy từ xa ánh đèn lấp lánh ở phía bờ.

Trời lại mưa to, gió thổi mạnh. Biển lại điên cuồng gào thét, những làn sóng bạc đầu sùng sục sôi trào không ngừng phủ ập xuống chiếc ghe mong manh. Đêm và biển đen như mực chẳng còn trông thấy gì, chỉ còn cầu Trời khẩn Phật. Mặc dù run rẩy vì lạnh nhưng anh tài công vẫn gồng mình vừa vuốt mặt vừa cầm chắc tay lái lướt trên con sóng bạc đầu hướng thẳng về phía đất liền.

Tờ mờ sáng ngày 1-12-1979, sau 2 ngày 3 đêm vượt biển ghe mới tới được bờ, tài công cho ghe ủi đại vào một bến đá. Thấy ghe lạ cảnh sát Thái trên đồn vội chạy xuống, Sau khi kiểm tra, hàm hè, nạt nộ, cật vấn bằng tiếng Anh do tôi thông dịch xong mọi người mới được lên bờ. Viên cảnh sát cho biết tối hôm qua ngoài biển bão cấp 7 không có ghe đánh cá nào dám ra khơi vậy mà chúng tôi thoát chết cập vào được bến Laem Ngop này đúng là thần khấn-na-la cứu. Thì ra bến bờ tự do đầu tiên của 42 thuyền nhân chúng tôi là huyện Laem Ngop nằm trên phần đất phía Đông của tỉnh Trat, Thái Lan.

Sau 2 tuần tạm trú ở Laem Ngop, chính quyền địa phương chuyển chúng tôi tới trại tỵ nạn Laem Sing, thuộc tỉnh Chantaburi khoảng nửa ngày đường xe. Laem Sing là một làng đánh cá nằm ven biển phía Nam Thái Lan. Lúc chúng tôi tới, trại đã có khoảng 1000 thuyền nhân, sống trong những căn nhà sàn làm bằng tre cất từ bãi lên tới triền núi. Phía cầu tàu vẫn còn vài xác tàu bành bồng trên sóng. Trại cũng có hội trường, nhà thờ, chùa chiền, nhà tắm, lò thiêu, nghĩa địa. Riêng nhà vệ sinh được cất thành dãy 7, 8 cái dưới mé biển, có cầu ván doi ra. Ban đại diện trại tự điều hành mọi việc từ an ninh trật tự đến giáo dục, y tế, sinh hoạt trại... Phía ngoài trại là nhà cửa chợ búa của người địa phương buôn bán rất sầm uất. Hàng tuần chúng tôi được Cao Ủy Tỵ Nạn Liên Hiệp Quốc cung cấp thức ăn gạo, muối, rau cải, đa số là cá hộp; hằng ngày có xe bồn chở nước tới. Đặc biệt mỗi thứ Tư hàng tuần cả trại đều xông xáo khi nghe loa phóng thanh báo: "Mục sư đã đến. Mục sư đã đến...". Đó là vị mục sư Tin Lành đem thư từ, chi phiếu, giấy tờ bảo lãnh, quà cáp của thân nhân tỵ nạn gửi vào trại. Chính vị mục sư khả ái này cũng tự quyên góp các vật dụng cá nhân cần thiết và thực phẩm hằng tuần đem vào trại phân phát cho đồng bào và truyền đạo cho các con chiên.

Trong thời gian ở trại tỵ nạn chờ đi tái định cư ở nước thứ ba, nhiều đợt thuyền nhân được chở vô trại cũng như họa hoằn lắm mới có ghe đấm thẳng vô trại. Hầu như ghe nào cũng tả tơi vì hải tặc; người chết được đưa thẳng tới lò thiêu, người sống sót thì như xác không hồn. Phải nói nạn vượt biển bằng đường biển lẫn đường bộ là một cuộc đào thoát vĩ đại nhất trong lịch sử Việt Nam kể từ năm 1975.

Ở trại Laem Sing được 4 tháng, tôi, Phước và một số đồng được chuyển tới trại Lumpini, Bangkok chờ chuyến bay đi Canada. Ngày 17 tháng 4 năm 1980, từ phi trường Bangkok, chúng tôi nồn nao lên chiếc Boeing 747. Chiếc phi cơ khổng lồ có hai tầng, tầng trên dành riêng cho những người tỵ nạn chúng tôi, tầng dưới của hành khách. Vì đường bay xuyên đại dương mất gần 20 tiếng đồng hồ nên phi cơ phải đáp xuống phi trường Nhật Bản lúc nửa đêm đổ thêm xăng rồi tiếp tục bay xuyên đêm. Tới rạng ngày hôm sau phi cơ mới đáp xuống phi trường Montreal, Canada chở chúng tôi về một trại lính. Ở đó, mọi người lần lượt chia tay đi vào cuộc đời mới trên một đất nước dân chủ, thanh bình, nhân đạo và thịnh vượng.

Ngày nay trại tỵ nạn Laem Sing cũng như tất cả các trại tỵ nạn khác ở các nước Đông Nam Á không còn nữa. Trại đã đóng cửa như một trang lịch sử thuyền nhân Việt Nam đóng lại. Tất cả

chỉ còn là kỷ niệm của tấn bi kịch thương đau mang tầm vóc nhân loại,; nó để lại trong lòng
thuyền nhân những cảm xúc bền lâu, những vết thương bất biến.